



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KB BUDDY WTS

MỤC LỤC

A.	Màn hình trang chủ	4
I.	Màn hình đăng nhập	4
1.	Đăng nhập hệ thống	4
2.	Quên mật khẩu	4
II.	Header	6
1.	Lưu phương thức xác thực (OTP)	6
2.	Tìm kiếm	7
3.	Thông tin tài khoản	8
4.	Cài đặt	8
4.1.	Đổi mật khẩu.....	9
4.2.	Quản lý thông báo SMS/Email.....	9
III.	Footer	10
1.	Chọn tiểu khoản.....	11
2.	Đặt lệnh	11
2.1.	Đặt lệnh cơ sở	13
2.2.	Phái sinh	18
3.	Tài sản rút gọn	19
3.1.	Cơ sở.....	19
3.2.	Phái sinh	20
4.	Danh mục rút gọn	21
4.1.	Cơ sở.....	21
4.2.	Phái sinh	23
5.	Sổ lệnh rút gọn	23
5.1.	Cơ sở.....	23
5.2.	Phái sinh	24
B.	Bảng giá.....	25
C.	Cơ sở.....	30
I.	Giao dịch chứng khoán.....	30
1.	Lệnh giao dịch	30
1.1.	Lệnh thường.....	31
1.2.	Lệnh điều kiện.....	33
1.3.	Lệnh mua định kỳ	34
2.	Sổ lệnh.....	36
2.1.	Sổ lệnh thường.....	37
2.2.	Quản lý mua định kỳ.....	45
3.	Đăng ký quyền mua	51
3.1.	Đăng ký quyền mua.....	51
3.2.	Lịch sử.....	53
4.	Xác nhận lệnh.....	54

5.	Trái phiếu chuyển đổi.....	55
5.1.	Trái phiếu chuyển đổi	56
5.2.	Lịch sử.....	57
6.	Chuyển khoản chứng khoán.....	58
6.1.	Chuyển khoản chứng khoán	59
6.2.	Lịch sử.....	60
II.	Giao dịch tiền.....	61
1.	Nộp tiền	61
1.1.	Nộp tiền qua Tk liên kết	61
1.2.	Lịch sử nộp tiền	66
2.	Chuyển tiền	67
2.2.	Chuyển tiền ngân hàng	69
2.3.	Đăng ký người thụ hưởng	71
3.	Ứng trước tiền bán.....	74
3.1.	Ứng trước tiền bán	75
3.2.	Lịch sử ứng trước tiền bán	76
4.	Quét mã QR	76
5.	Hướng dẫn nộp tiền	77
III.	Quản lý tài khoản.....	80
1.	Danh mục.....	80
1.1.	Danh mục	81
1.2.	Phân bổ danh mục.....	84
2.	Báo cáo tài sản	85
3.	Tổng tài sản	86
IV.	Tiện ích	87
1.	Đăng ký sản phẩm	87
1.1.	Đăng ký sản phẩm.....	88
1.2.	Lịch sử đăng ký sản phẩm.....	89
2.	Dịch vụ tài chính	89
2.1.	Tra cứu món vay	89
2.2.	Thông tin trả nợ	90
3.	Giao dịch khác	91
3.1.	Đổi KB Coin	92
3.2.	Sao kê KB Coin	93
4.	Tra cứu	93
4.1.	Lịch sử lệnh.....	94
4.2.	Lịch sử thực hiện quyền	95
4.3.	Sao kê tiền	97
4.4.	Sao kê chứng khoán	98
4.5.	Lãi lỗ đã thực hiện	99

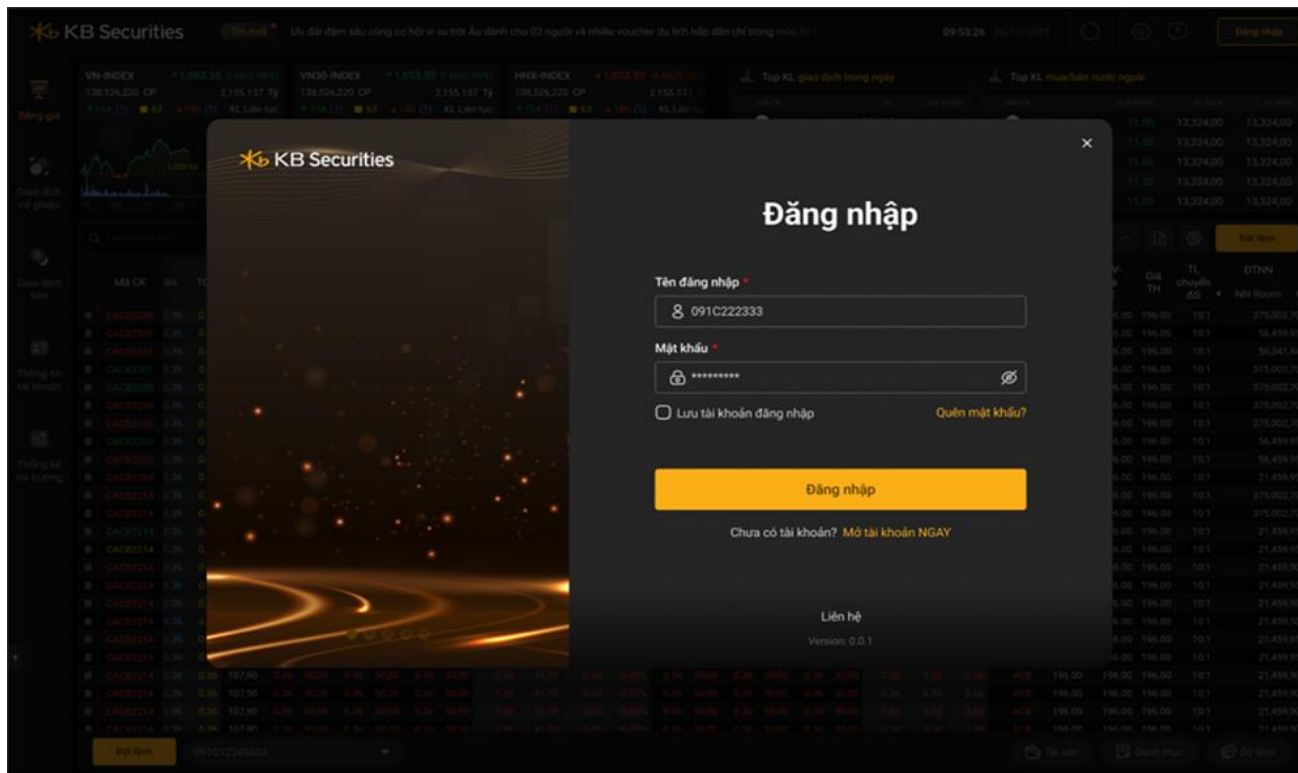
4.6.	Lịch sử thưởng voucher.....	99
D.	Phái sinh	101
I.	Giao dịch.....	101
1.	Đặt lệnh	101
2.	Lệnh thưởng	102
3.	Lệnh điều kiện	103
4.	Số lệnh.....	106
II.	Giao dịch tiền.....	109
1.	Nộp tiền	109
1.1.	Nộp tiền vào TKGD	109
1.2.	Nộp tiền vào TTKQ (CCP)	113
2.	Rút tiền	116
2.1.	Rút tiền từ TTKQ (CCP)	116
2.2.	Rút tiền TTKD.....	118
III.	Quản lý tài khoản.....	121
1.	Tài sản phái sinh.....	121
1.1.	Tổng quan.....	122
1.2.	Thông tin tài sản	123
1.3.	Vị thế mở	124
1.4.	Vị thế đóng	126
1.5.	Chứng khoán ký quỹ	126
1.6.	Danh sách CK được ký quỹ.....	127
2.	Tổng tài sản	127
IV.	Tiện ích	128
1.	Đăng ký sản phẩm	128
1.1.	Đăng ký sản phẩm.....	128
1.2.	Lịch sử đăng ký sản phẩm.....	130
2.	Tất toán nợ thấu chi.....	131
2.1.	Tất toán nợ thấu chi	132
3.	Tra cứu	133
3.2.	Sao kê tiền	135
3.3.	Sao kê vị thế	137
3.4.	Bảng kê phí vị thế.....	137
3.5.	Bảng kê phí, Thuế GD	138
3.6.	Sao kê giải ngân, thu nợ	139
3.7.	Lãi lỗ hàng ngày	139

A. Màn hình trang chủ

I. Màn hình đăng nhập

1. Đăng nhập hệ thống

- Truy cập vào đường link: <https://kbbuddywts.kbsec.com.vn/>
- Truy nhập vào màn hình đăng nhập hệ thống:



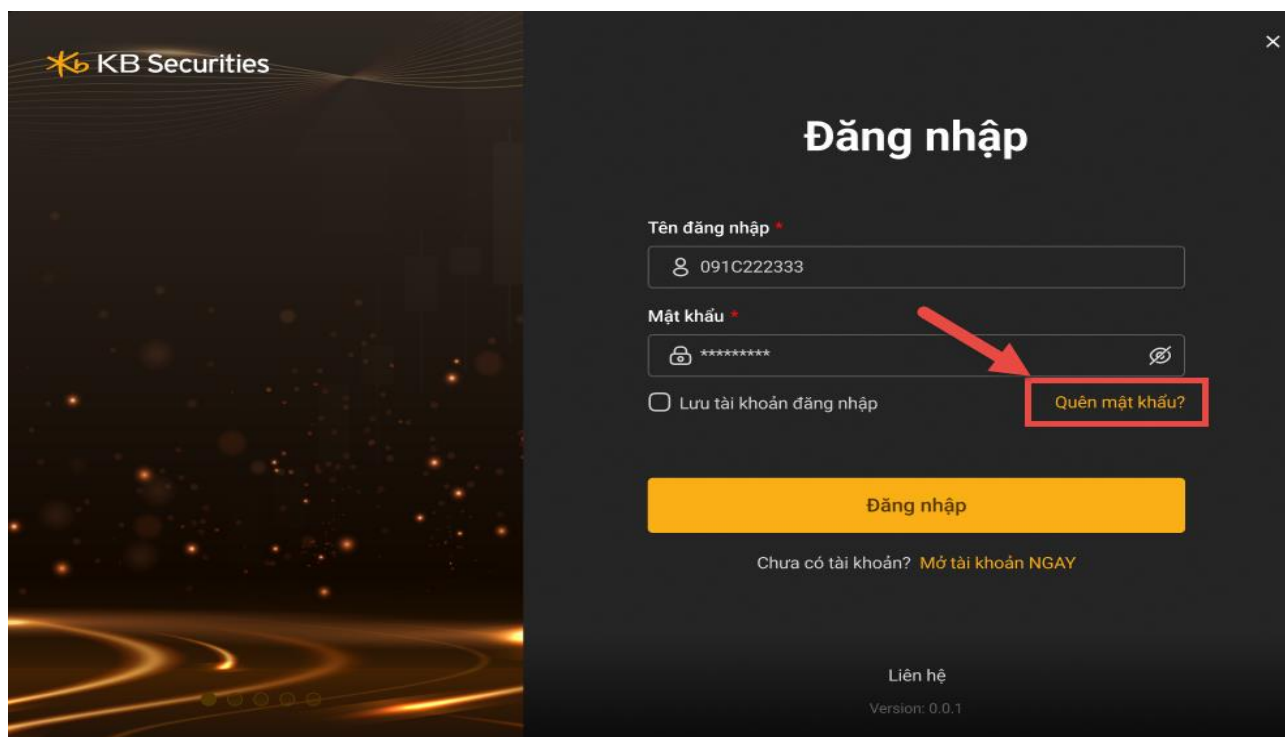
Nhập thông tin:

- ✓ Tài khoản: tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại KBSV
- ✓ Mật khẩu: mật khẩu đăng nhập tài khoản của Khách hàng
- ✓ Lưu tài khoản đăng nhập: để ghi nhớ tên tài khoản cho lần đăng nhập tiếp theo
- ✓ Nhấn nút “Đăng nhập”

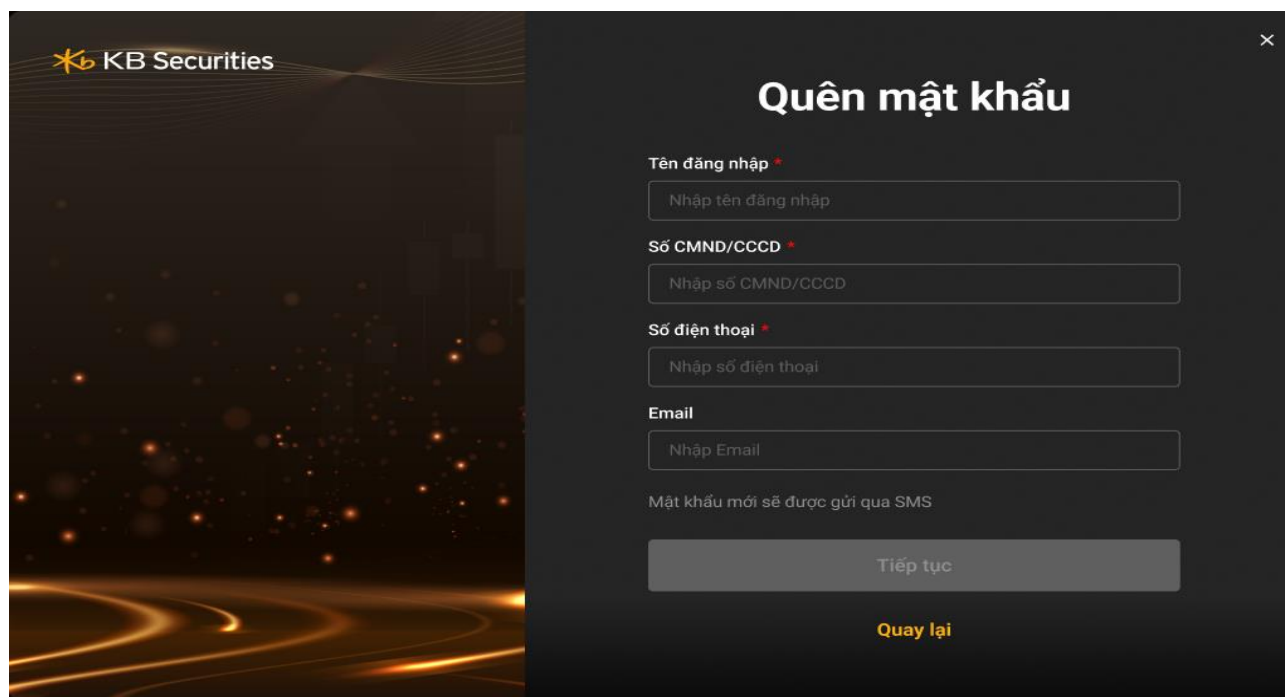
2. Quên mật khẩu

Khách hàng quên mật khẩu đăng nhập có thể reset lại mật khẩu trên webtrade:

- Bước 1: Click vào “Quên mật khẩu” tại màn hình đăng nhập của hệ thống

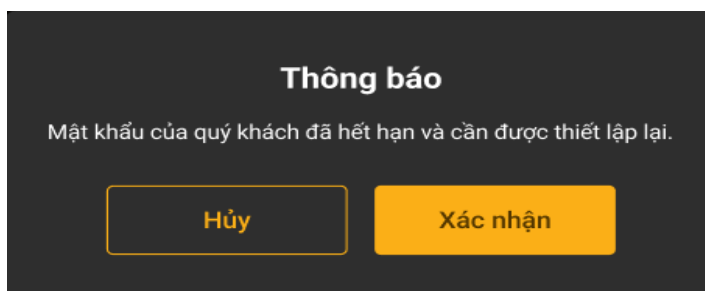


- Bước 2: Nhập thông tin:
 - ✓ Tên đăng nhập: Số tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng.
 - ✓ Số CMND/CCCD: Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu của khách hàng
 - ✓ Số điện thoại: Số điện thoại di động đăng ký nhận thông báo
- Bước 3: Nhấn nút “Tiếp tục”, hệ thống sẽ hiện ra thông báo và gửi mật khẩu đăng nhập mới qua email và SMS cho khách hàng.

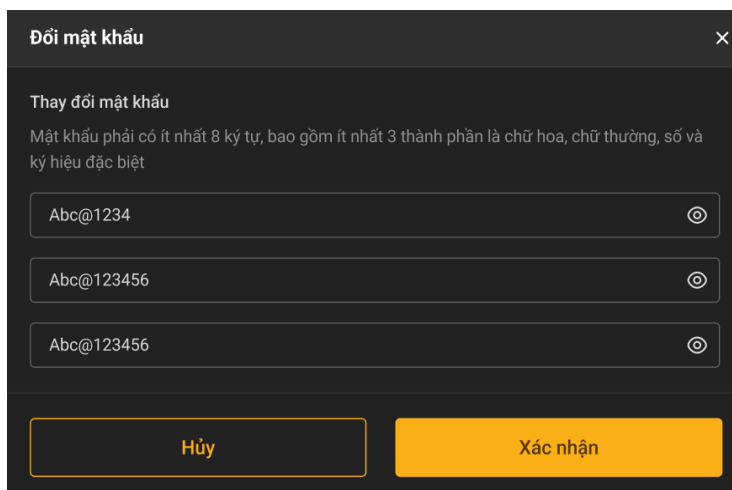


- Bước 4: Quay lại màn hình đăng nhập và đăng nhập lại bằng mật khẩu đăng nhập mới, màn hình xuất hiện thông báo: “Mật khẩu quý khách đã hết hạn và cần được thiết lập lại”.

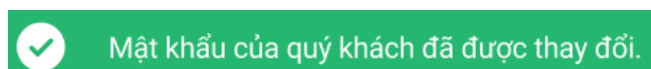
[Quay về mục lục](#)



- Bước 5: Nhấn nút “Xác nhận” chuyển qua màn hình đổi mật khẩu.



- Bước 6: Đổi mật khẩu thành công hệ thống trả về thông báo:



II. Header

Header là thanh công cụ của webtrade, trên header bao gồm các mục: tin tức; ngày & giờ; Tìm kiếm; Lưu phương thức xác thực; thông báo; cài đặt; thông tin tài khoản

1. Lưu phương thức xác thực (OTP)

Hiện tại KBSV có các phương thức xác thực:

- Xác thực KB OTP: OTP lấy trên mục KB OTP trên các app giao dịch của KBSV (KB Buddy Pro; M-Able; KB Mobile)
- Xác thực email; SMS: OTP xác thực được gửi vào email của khách hàng đã đăng ký hoặc SMS được gửi vào số điện thoại khách hàng đã đăng ký giao dịch.

Sau khi đăng nhập thành công, màn hình chính sẽ xuất hiện thông báo về việc lấy phương thức xác thực để đặt lệnh.

[Quay về mục lục](#)

Thông báo

Quý khách vui lòng lấy phương thức xác thực để việc đặt lệnh trong ngày thuận tiện hơn.

☐ Không hiện ở những lần đăng nhập sau. Để bật lại thông báo này Quý khách vui lòng vào phần **Cài đặt > Quản lý phương thức xác thực**.

Hủy

Xác nhận

- Nhấn “Hủy” nếu khách hàng không muốn lấy phương thức xác thực ngay
- Nhấn “Xác nhận” chuyển qua màn hình nhập phương thức xác thực

KB OTP

Quý khách vui lòng nhập và lưu phương thức xác thực KB OTP để thuận tiện cho các giao dịch trong ngày

Nhập mã KB OTP

6

6

6

6

6

6

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

⚠ Lưu ý: Việc lưu xác thực có thể dẫn đến rủi ro cho tài khoản giao dịch nếu bạn bị mất thiết bị hoặc mật khẩu.

Hủy

Xác nhận

Email/SMS OTP

Quý khách vui lòng nhập và lưu phương thức xác thực Email/SMS OTP để thuận tiện cho các giao dịch trong ngày

Nhập mã Email/SMS OTP

Gửi SMS OTP - Gửi Email OTP

⚠ Lưu ý: Việc lưu xác thực có thể dẫn đến rủi ro cho tài khoản giao dịch nếu bạn bị mất thiết bị hoặc mật khẩu.

Hủy

Xác nhận

- Lưu phương thức xác thực thành công hệ thống trả ra thông báo

✓

Quý khách đã lưu phương thức xác thực thành công.

2. Tìm kiếm

Trên thanh công cụ Header nhấn vào biểu tượng “Tìm kiếm” xuất hiện màn hình công cụ tìm kiếm:

Tất cả

Mã chứng khoán

Chức năng

Tìm kiếm gần đây

Xóa hết

🕒 A

✕

Gợi ý tìm kiếm

Những cổ phiếu công nghệ thông tin và truyền thông có chỉ số P/E thấp.

Cổ phiếu chứng khoán có chỉ số P/B thấp.

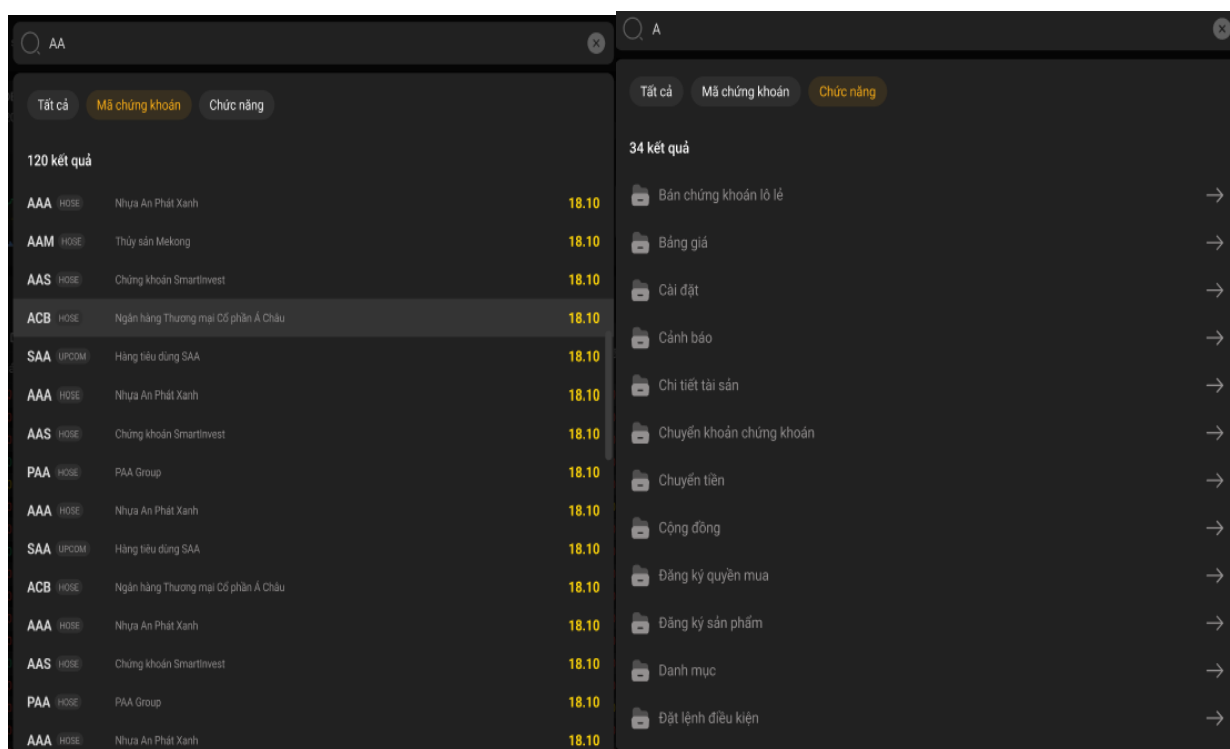
Top 10 cổ phiếu giảm mạnh nhất kể từ đầu năm.

Cổ phiếu ngân hàng có chỉ số P/B thấp.

Những cổ phiếu ngân hàng có tỷ lệ tăng cao nhất trong 5 phiên liên trước.

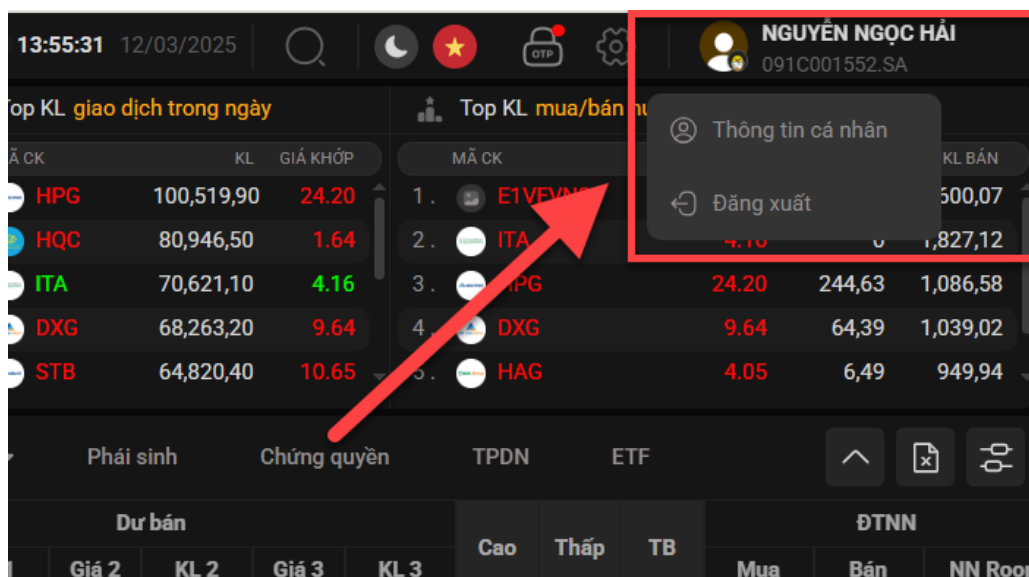
Top 10 cổ phiếu được khối ngoại mua nhiều nhất trong 5 phiên liên trước.

Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin về mã chứng khoán, và các chức năng nhanh hơn bằng cách nhập thông tin muốn tìm vào mục tìm kiếm:



3. Thông tin tài khoản

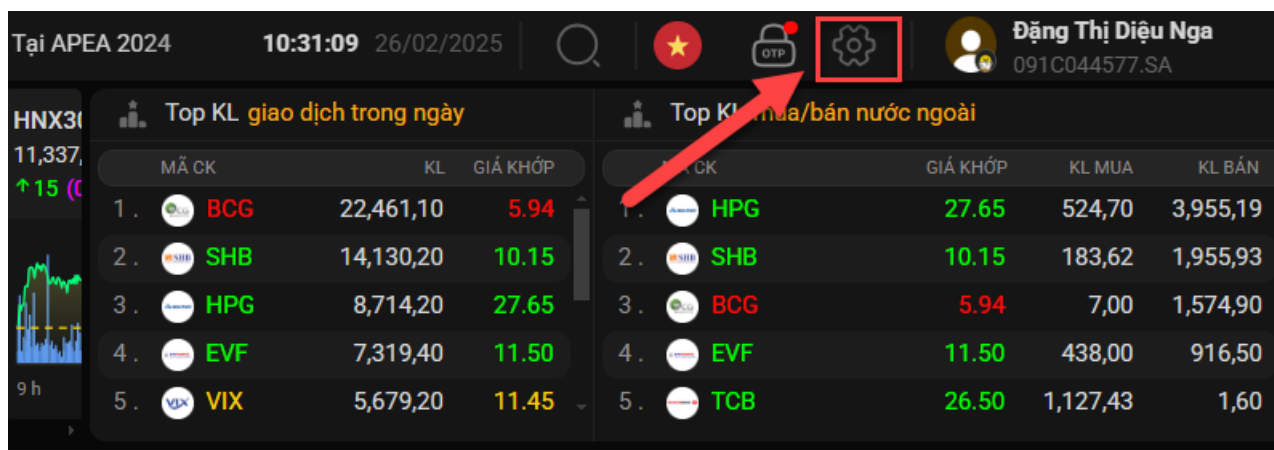
Trên thanh Header chọn biểu tượng “Thông tin tài khoản”. Thông tin tài khoản bao gồm 2 mục: Thông tin cá nhân và Đăng xuất



4. Cài đặt

Trên thanh Header chọn biểu tượng cài đặt xuất hiện màn hình cài đặt gồm: Đổi mật khẩu; Quản lý thông báo SMS/Email; Quản lý phương thức xác thực

[Quay về mục lục](#)



4.1. Đổi mật khẩu

Mục “Đổi mật khẩu”: khi khách hàng muốn đổi mật khẩu đăng nhập.

Tại mục Cài đặt chọn “Đổi mật khẩu” màn hình đổi mật khẩu:

Cài đặt

Đổi mật khẩu

Quản lý thông báo SMS/Email

Quản lý phương thức xác thực

Mật khẩu phải có ít nhất 8 ký tự, bao gồm ít nhất 3 thành phần là chữ hoa, chữ thường, số và ký hiệu đặc biệt

Abc@123456

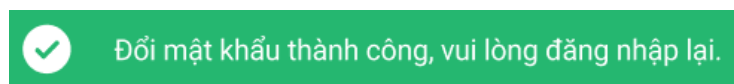
Abc@1234567

Abc@1234567

Hủy

Xác nhận

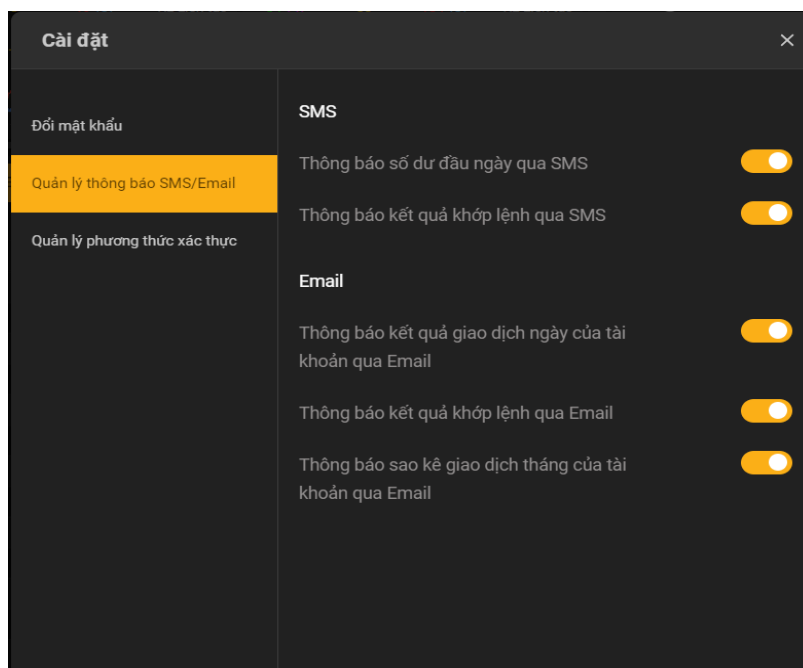
Sau khi điền đầy đủ thông tin trên màn hình “Đổi mật khẩu” và nhấn nút “Xác nhận” sẽ có thông báo đổi mật khẩu thành công:



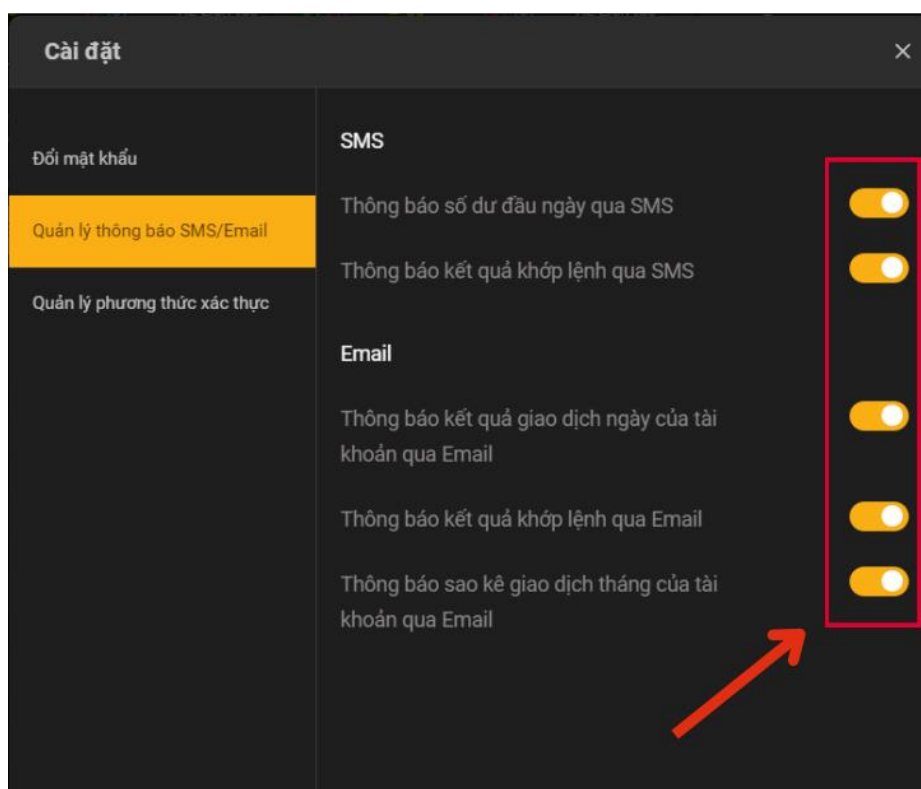
4.2. Quản lý thông báo SMS/Email

Màn hình quản lý thông báo SMS/Email:

[Quay về mục lục](#)

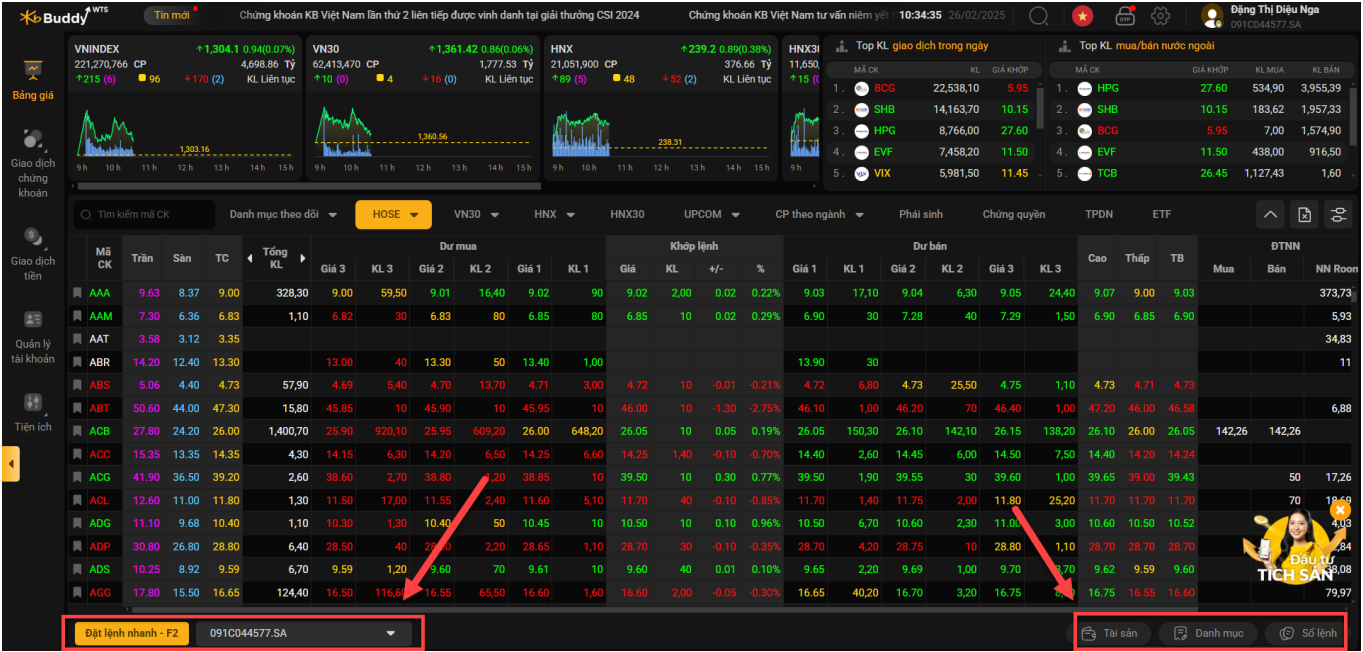


Khách hàng cài đặt thông báo biến động, giao dịch trên tài khoản của khách hàng thông qua SMS và Email bằng nút tác vụ bật tắt tại mỗi chức năng thông báo:



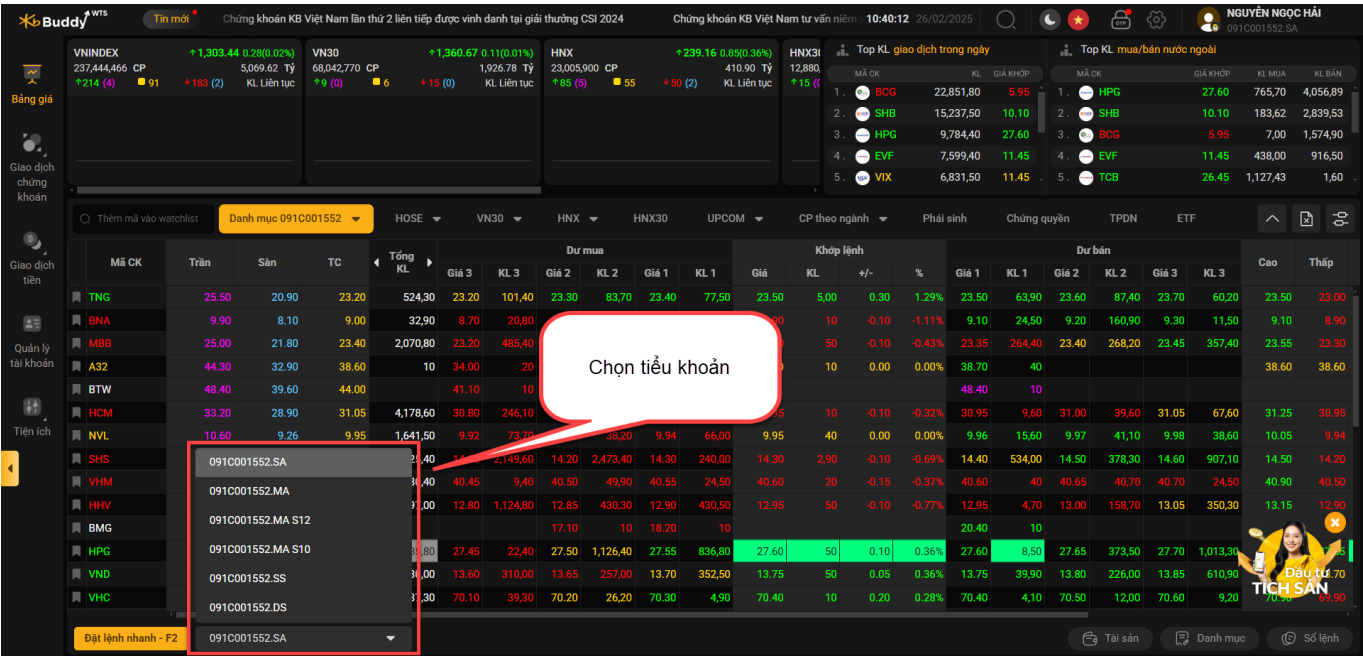
III. Footer

Thanh cố định phía dưới màn hình gồm các nút chức năng nhanh: Đặt lệnh, Tài sản, Danh mục, Sổ lệnh.



1. Chọn tiểu khoản

Khách hàng chọn hoặc đổi tiểu khoản ngay dưới thanh tác vụ:



2. Đặt lệnh

- Nhấn nút "Đặt lệnh" khung đặt lệnh sẽ được bật lên:

- Đặt lệnh cơ sở chọn tiểu khoản chứng khoán cơ sở (SA, MA, ..). Đặt lệnh phái sinh chọn tiểu khoản DS
- Thông tin tại khung đặt lệnh gồm:
 - Khung thông tin giá của mã cổ phiếu: Giá khớp hiện tại, giá trần, sàn, tham chiếu,...

- Khung thông tin đặt lệnh:

- Khung thông tin 3 mức giá mua/ bán tốt nhất và khối lượng

[Quay về mục lục](#)

1,085,70		855,20	
Khối lượng	Mua	Bán	Khối lượng
279,20	26.40	26.45	296,20
420,90	26.35	26.50	221,00
385,60	26.30	26.55	338,00

2.1. Đặt lệnh cơ sở

Đặt lệnh cơ sở gồm: Lệnh thường; Lệnh điều kiện; Lệnh mua định kỳ

❖ Lệnh thường

- Chọn tab "Lệnh thường" khung lệnh thường:

- Hướng dẫn đặt lệnh thường:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản đặt lệnh
- Bước 2: chọn mã chứng khoán đặt lệnh
- Bước 3: chọn loại lệnh đặt Mua/Bán: thông tin khối lượng tiểu khoản có thể Mua/ Bán mã chứng khoán hiện trong khung đặt lệnh.
- Bước 4: chọn lệnh đặt (LO, MTL, ...) nhập giá và khối lượng
- Bước 5: nhấn nút Mua/Bán để thực hiện lệnh, chuyển sang màn hình nhập xác thực

[Quay về mục lục](#)

Xác nhận lệnh đặt mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

AAA

Loại lệnh

LO

Giá đặt (x1000)

8.82

Khối lượng

200

Giá trị (VNĐ)

1,764,000

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

Xác nhận lệnh đặt mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

AAA

Loại lệnh

LO

Giá đặt (x1000)

8.82

Khối lượng

200

Giá trị (VNĐ)

1,764,000

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

Gửi SMS OTP - Gửi Email OTP

Hủy

Xác nhận

➤ Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút “Xác nhận” chuyển sang màn hình xác nhận lệnh

Xác nhận lệnh đặt mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

AAA

Loại lệnh

LO

Giá đặt (x1000)

8.82

Khối lượng

200

Giá trị (VNĐ)

1,764,000

Hủy

Xác nhận

➤ Bước 7: Nhấn nút “Xác nhận”, lệnh đặt thành công hệ thống trả ra thông báo:

✓ Quý khách đã đặt lệnh thành công.

❖ Lệnh điều kiện:

- Chọn tab “Lệnh điều kiện” và chọn lệnh (SO, SEO, STO), khung đặt lệnh:

Lệnh thường

SO ⓘ ▾

Lệnh mua định kỳ

Mua

Bán

TCB

KL tối đa 3,040,979

Sức mua 84,615,262,056

TL vay 0%

Rtt 10000%

Khối lượng

100

Khối lượng chia

100

Biên độ KL(+/-)

100

Giá đặt

26.5

Biên độ giá(+/-)

0.1

Kiểu kích hoạt

Tất cả một lần

Thời gian (phút)

Mua

Lưu lệnh

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.SA

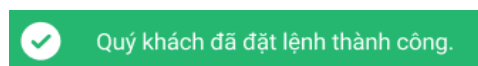
[Quay về mục lục](#)

14

- Hướng dẫn đặt lệnh điều kiện:
 - Bước 1: chọn tiểu khoản đặt lệnh, chọn loại lệnh điều kiện
 - Bước 2: chọn mã chứng khoán đặt lệnh
 - Bước 3: nhập giá, khối lượng, khối lượng chia, biên độ, biên độ giá
 - Bước 4: chọn kiểu kích hoạt: Tất cả một lần, Sau một khoảng thời gian, Sau khi lệnh trước khớp hết

- Bước 5: nhấn nút Mua để thực hiện đặt lệnh điều kiện, chuyển sang màn hình nhập xác thực

- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút "Xác nhận" chuyển sang màn hình xác nhận lệnh
- Bước 7: Nhấn nút "Xác nhận", hệ thống trả ra thông báo:



❖ Lệnh mua định kỳ

- Chọn tab "Lệnh mua định kỳ", khung đặt lệnh mua định kỳ:

- Hướng dẫn đặt lệnh mua định kỳ:
 - Bước 1: chọn tiểu khoản đặt lệnh
 - Bước 2: chọn mã chứng khoán đặt lệnh
 - Bước 3: chọn đặt theo: Đặt theo giá trị, Đặt theo khối lượng

- Bước 4: nhập giá và khối lượng
- Bước 5: chọn tần suất: Hàng ngày, hàng tuần

- Bước 6: chọn lặp lại: lần, không giới hạn. Chọn "Lần" khách hàng nhập số lần lặp lại lệnh; chọn "Không thời hạn" thì không nhập số lần lặp lại lệnh

Lệnh thường

Lệnh điều kiện

Lệnh mua định kỳ

KL tối đa

-

Sức mua

84,615,262,056

TL vay

-

Rtt

10000%

Đặt theo

Đặt theo giá trị

Tần suất

Lần

Không thời hạn

Lần

Số lần

Từ ngày

26/02/2025

Đến ngày

Ngày kết thúc

Giá trị đặt

-

-

+

☐

Tôi đã đọc và đồng ý với quy định Lệnh mua định kỳ.

Mua

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.SA

- Bước 6: chọn khoảng thời gian đặt lệnh (từ ngày, đến ngày)

Lệnh thường

Lệnh điều kiện

Lệnh mua định kỳ

KL tối đa

-

Sức mua

84,615,262,056

TL vay

-

Rtt

10000%

Đặt theo

Đặt theo giá trị

Tần suất

Hàng ngày

Từ ngày

26/02/2025

Đến ngày

05/03/2025

Giá trị đặt

-

26

+

Lặp lại

Lần

5

☐

Tôi đã đọc và đồng ý với quy định Lệnh mua định kỳ.

Mua

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.SA

- Bước 7: tick chọn "Tôi đã đọc và đồng ý với quy định lệnh mua định kỳ"

Lệnh thường

Lệnh điều kiện

Lệnh mua định kỳ

KL tối đa

-

Sức mua

84,615,262,056

TL vay

-

Rtt

10000%

Đặt theo

Đặt theo giá trị

Tần suất

Hàng ngày

Từ ngày

26/02/2025

Đến ngày

05/03/2025

Giá trị đặt

-

26

+

Lặp lại

Lần

5

☒

Tôi đã đọc và đồng ý với quy định Lệnh mua định kỳ.

Mua

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.SA

- Bước 8: nhấn nút Mua để thực hiện đặt lệnh mua định kỳ, chuyển sang màn hình nhập xác thực

Xác nhận lệnh đặt mua định kỳ

Tiểu khoản

091C123456SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

AAA

Tần suất

Hàng ngày

Thời gian

28/07/2023 - 10/08/2023

Giá trị (VNĐ)

10,000,000

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

Xác nhận lệnh đặt mua định kỳ

Tiểu khoản

091C123456SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

AAA

Tần suất

Hàng ngày

Thời gian

28/07/2023 - 10/08/2023

Giá trị (VNĐ)

10,000,000

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

Gửi SMS OTP - Gửi Email OTP

Hủy

Xác nhận

- Bước 9: Nhập OTP và nhận nút “Xác nhận” chuyển sang màn hình xác nhận lệnh
- Bước 10: Nhấn nút “Xác nhận”, hệ thống trả ra thông báo:

Xác nhận lệnh đặt mua định kỳ

Tiểu khoản

091C266355.SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

ACB

Tần suất

Hàng ngày

Thời gian

từ ngày 06/06/2024

Khối lượng

100

Hủy

Xác nhận

✓

Quý khách đã đặt lệnh thành công.

2.2. Phái sinh

Màn hình đặt lệnh phái sinh gồm:

Lệnh thường

Lệnh điều kiện

Long

Short

VN30F2503

X

KL tối đa

12

Vị thế mở

Khối lượng đặt

Giá đặt

25%

50%

75%

100%

ATO

LO

MTL

MAK

MOK

ATO

Khối lượng đặt không hợp lệ

Lưu lệnh

Tổng GTGD: -

Long

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.DS

VN30F2503

1,389.9

▲ 4.70

0.34%

TC

1,385.2

TRẦN

1,482.1

SÀN

1,288.3

MỞ CỬA - TB

1,386.8 - 1,391.4

CAO - THẤP

1,394.9 - 1,386.6

TỔNG KL

52,034

TỔNG GT

7,240,087

Số lượng vị thế mở đang nắm giữ

39

Lãi/lỗ

182,900,000

Tỷ lệ thực tế TKGD

29.83%

Tỷ lệ thực tế TKKQ

Tổng nghĩa vụ kỳ quỹ

Tài sản kỳ quỹ hợp lệ

Đầu tư TÍCH SẢN

Tải sản

Danh mục

Số lệnh

- Khung thông tin mã chứng khoán phái sinh:

VN30F2503	1,389.6 ▲	4.40	0.32%
XHNF			
TC	TRẦN	SÀN	
1,385.2	1,482.1	1,288.3	
MỞ CỬA - TB	CAO - THẤP		
1,386.8 - 1,391.3	1,394.9 - 1,386.6		
TỔNG KL	TỔNG GT		
54,637	7,601,817		

- Khung đặt lệnh phái sinh:

Lệnh thường

Lệnh điều kiện

Long

Short

VN30F2503

KL tối đa

Vị thế mở

Khối lượng đặt

Giá đặt

25% 50% 75% 100%

ATO LO MTL MAK MOK ATC

Khối lượng đặt không hợp lệ

Lưu lệnh

Tổng GTGD: -

Long

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.DS

- Khung thông tin tài khoản:

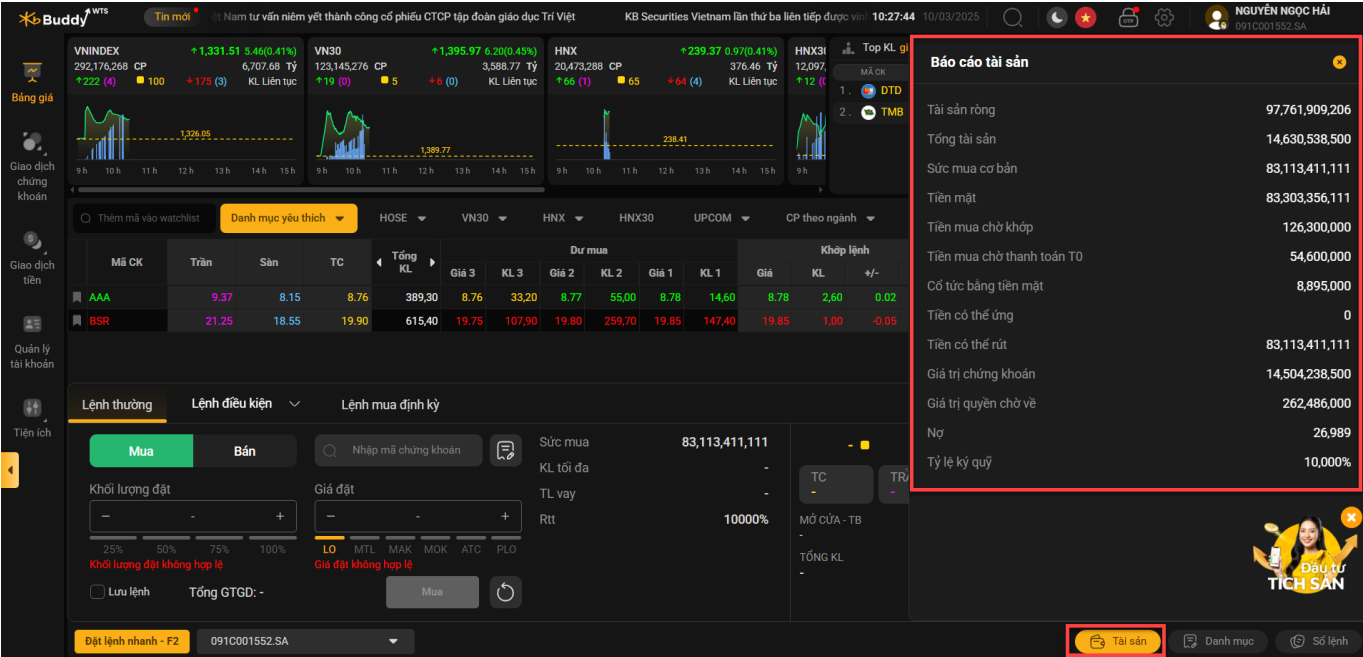
Số lượng vị thế mở đang nắm giữ	39
Lãi/lỗ	182,900,000
Tỷ lệ thực tế TKGD	29.83%
Tỷ lệ thực tế TKKQ	60.85%
Tổng nghĩa vụ ký quỹ	894,267,300
Tài sản ký quỹ hợp lệ	2,998,140,203

3. Tài sản rút gọn

- Trên thanh taskbar phía dưới nhấn nút "Tài sản" màn hình nhỏ của tài sản rút gọn được bật lên.
- Bảng tài sản rút gọn được lấy theo từng tiểu khoản

3.1. Cơ sở

Màn hình bật bảng tài sản rút gọn:



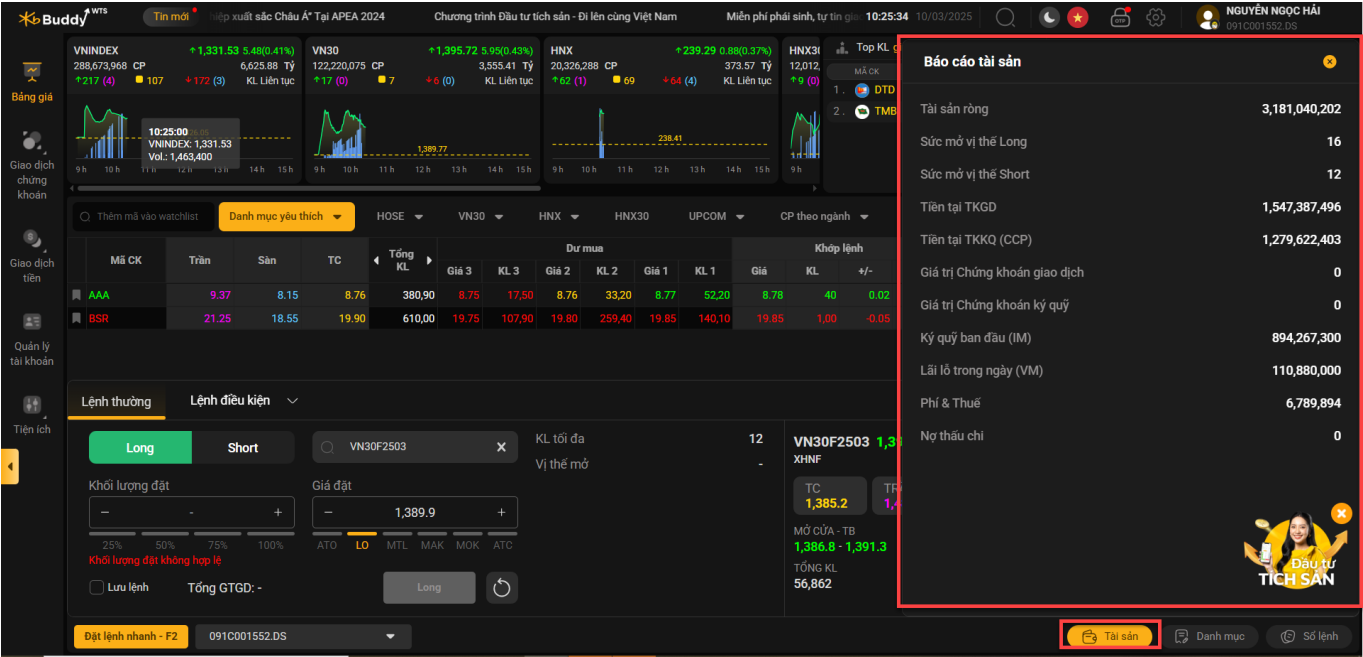
Thông tin tài sản rút gọn:

Báo cáo tài sản	
Tài sản ròng	97,761,909,206
Tổng tài sản	14,630,538,500
Sức mua cơ bản	83,113,411,111
Tiền mặt	83,303,356,111
Tiền mua chờ khớp	126,300,000
Tiền mua chờ thanh toán T0	54,600,000
Cổ tức bằng tiền mặt	8,895,000
Tiền có thể ứng	0
Tiền có thể rút	83,113,411,111
Giá trị chứng khoán	14,504,238,500
Giá trị quyền chờ về	262,486,000
Nợ	26,989
Tỷ lệ ký quỹ	10,000%

3.2. Phái sinh

Màn hình bật tài sản rút gọn tiểu khoản phái sinh:

[Quay về mục lục](#)



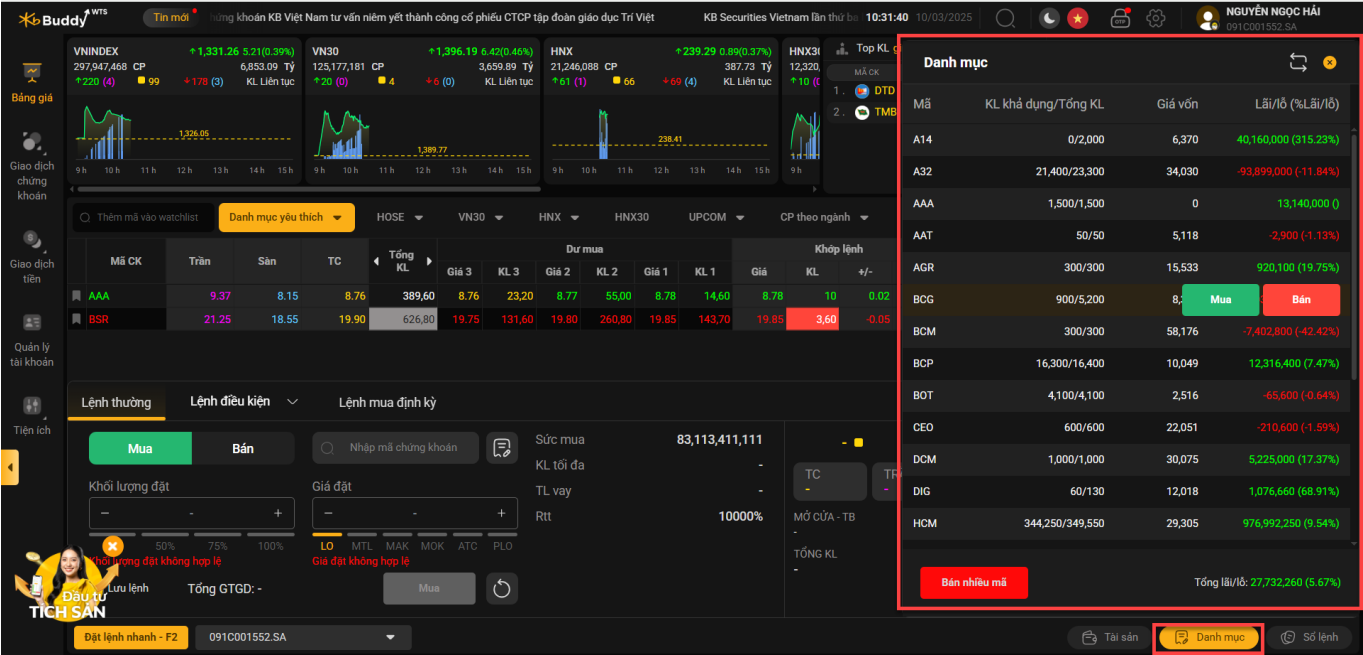
Thông tin bảng tài sản rút gọn phái sinh:

Báo cáo tài sản	
Tài sản ròng	3,181,040,202
Sức mở vị thế Long	16
Sức mở vị thế Short	12
Tiền tại TKGD	1,547,387,496
Tiền tại TTKQ (CCP)	1,279,622,403
Giá trị Chứng khoán giao dịch	0
Giá trị Chứng khoán ký quỹ	0
Ký quỹ ban đầu (IM)	894,267,300
Lãi lỗ trong ngày (VM)	110,880,000
Phí & Thuế	6,789,894
Nợ thấu chi	0

4. Danh mục rút gọn

4.1. Cơ sở

Màn hình bật danh mục rút gọn tiểu khoản cơ sở:

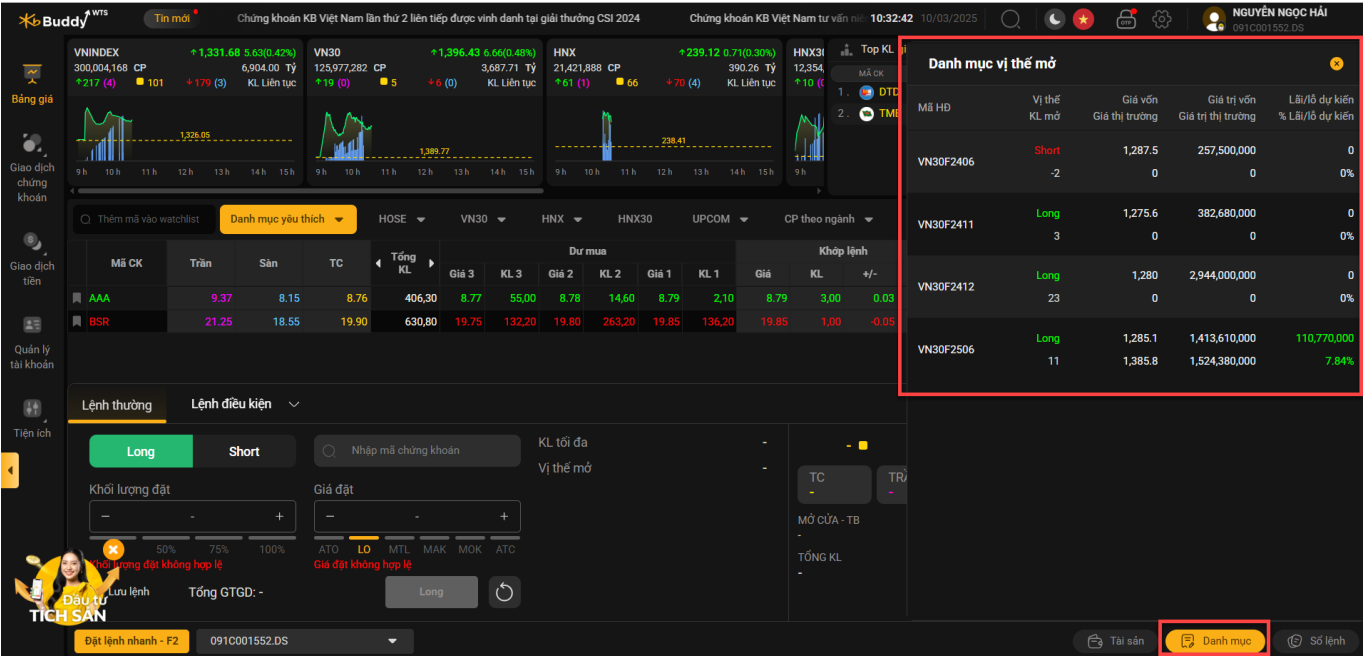


Thông tin tài sản rút gọn cơ sở: mã chứng khoán, khối lượng khả dụng, tổng khối lượng, giá gồm, lãi lỗ....

Danh mục			
Mã	KL khả dụng/Tổng KL	Giá vốn	Lãi/lỗ (%Lãi/lỗ)
A14	0/2,000	6,370	40,160,000 (315.23%)
A32	21,400/23,300	34,030	-93,899,000 (-11.84%)
AAA	1,500/1,500	0	13,140,000 ()
AAT	50/50	5,118	-2,900 (-1.13%)
AGR	300/300	15,533	920,100 (19.75%)
BCG	900/5,200	8,330	-23,036,000 (-53.18%)
BCM	300/300	58,176	-7,402,800 (-42.42%)
BCP	16,300/16,400	10,049	12,316,400 (7.47%)
BOT	4,100/4,100	2,516	-65,600 (-0.64%)
CEO	600/600	22,051	-210,600 (-1.59%)
DCM	1,000/1,000	30,075	5,225,000 (17.37%)
DIG	60/130	12,018	1,076,660 (68.91%)
HCM	344,250/349,550	29,305	976,992,250 (9.54%)
Bán nhiều mã			Tổng lãi/lỗ: 27,732,260 (5.67%)

4.2. Phái sinh

Màn hình bật danh mục vị thế mở rút gọn:



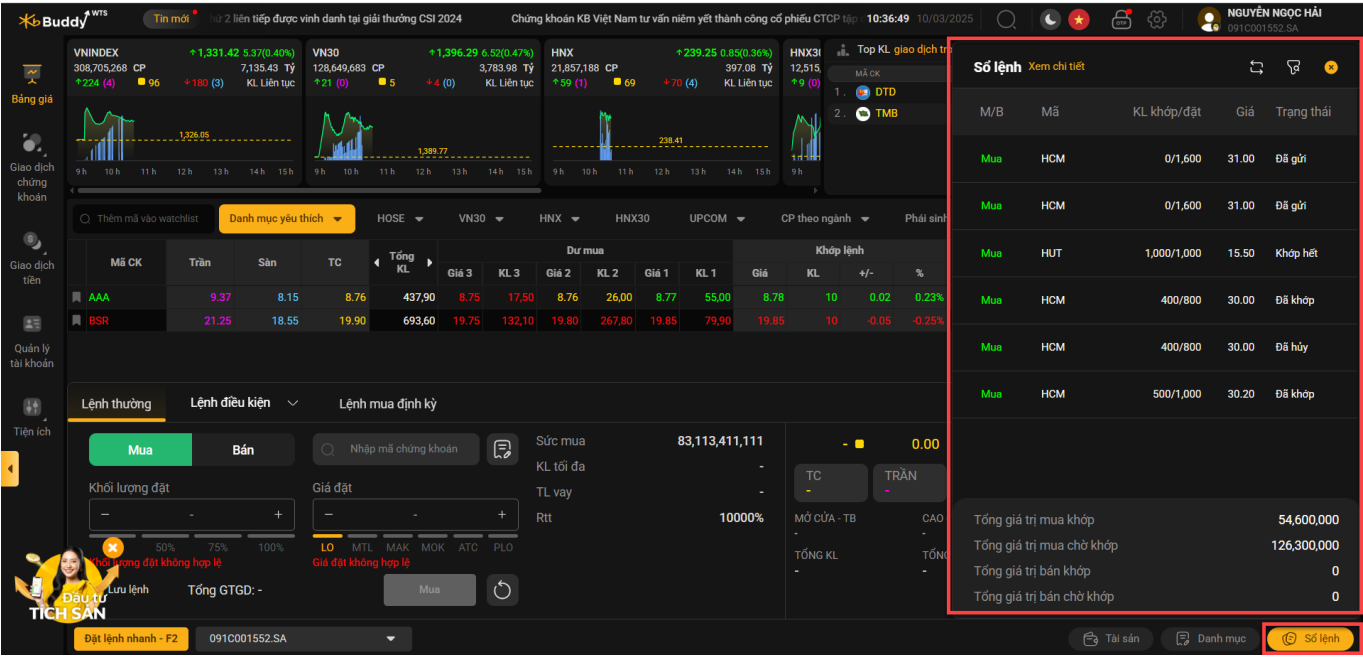
Thông tin danh mục vị thế mở rút gọn: mã hợp đồng, vụ thể, khối lượng mở, giá vốn, giá thị trường, giá trị vốn, giá trị thị trường, lãi lỗ:

Danh mục vị thế mở				
Mã HĐ	Vị thế	Giá vốn	Giá trị vốn	Lãi/lỗ dự kiến
	KL mở	Giá thị trường	Giá trị thị trường	% Lãi/lỗ dự kiến
VN30F2406	Short	1,287.5	257,500,000	0
	-2	0	0	0%
VN30F2411	Long	1,275.6	382,680,000	0
	3	0	0	0%
VN30F2412	Long	1,280	2,944,000,000	0
	23	0	0	0%
VN30F2506	Long	1,285.1	1,413,610,000	110,770,000
	11	1,385.8	1,524,380,000	7.84%

5. Số lệnh rút gọn

5.1. Cơ sở

Màn hình bật số lệnh cơ sở rút gọn:

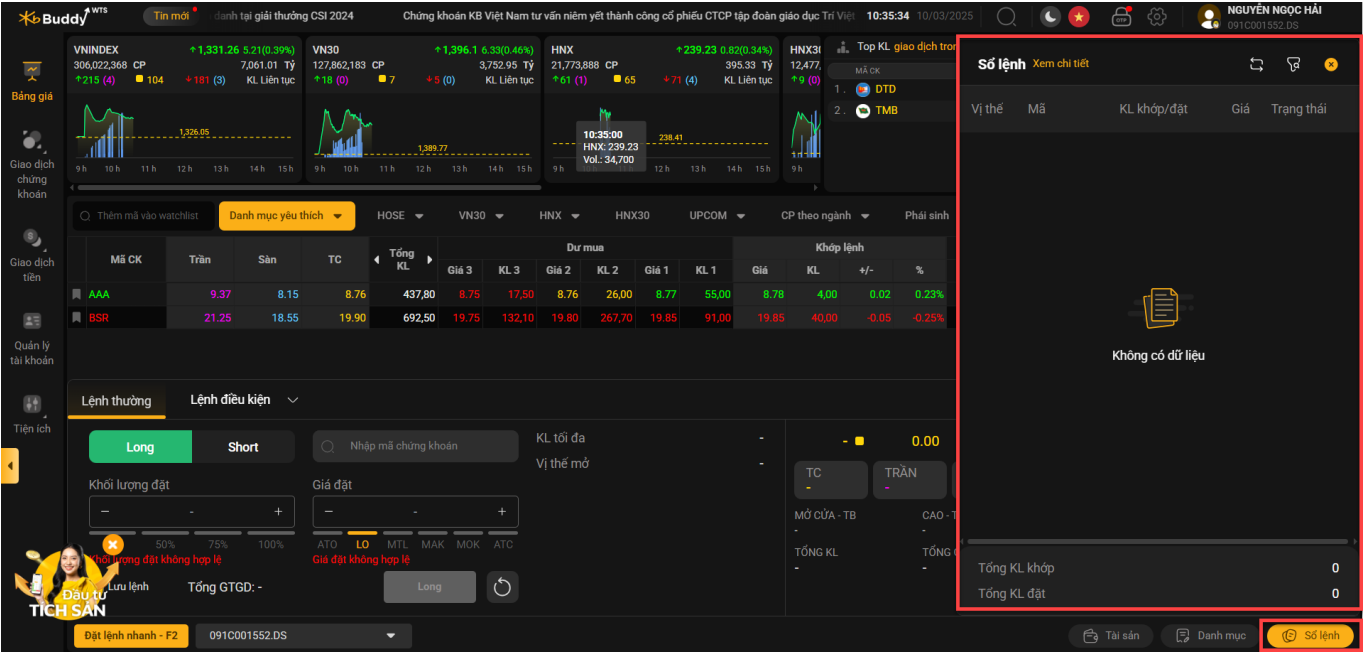


Thông tin số lệnh cơ sở rút gọn: Mua/Bán; mã; Khối lượng khớp/đặt; giá; trạng thái

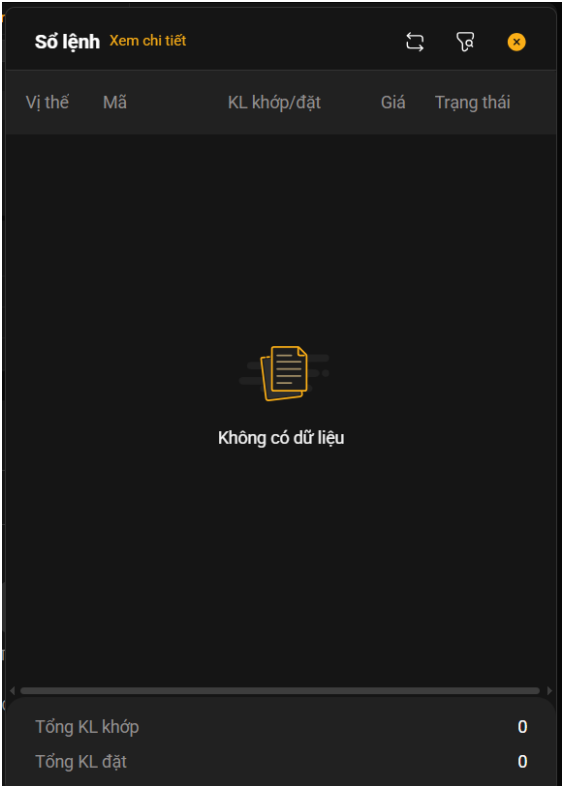
Số lệnh Xem chi tiết				
M/B	Mã	KL khớp/đặt	Giá	Trạng thái
Mua	HCM	0/1,600	31.00	Đã gửi
Mua	HCM	0/1,600	31.00	Đã gửi
Mua	HUT	1,000/1,000	15.50	Khớp hết
Mua	HCM	400/800	30.00	Đã khớp
Mua	HCM	400/800	30.00	Đã hủy
Mua	HCM	500/1,000	30.20	Đã khớp
Tổng giá trị mua khớp			54,600,000	
Tổng giá trị mua chờ khớp			126,300,000	
Tổng giá trị bán khớp			0	
Tổng giá trị bán chờ khớp			0	

5.2. Phái sinh

Màn hình bật số lệnh phái sinh rút gọn:



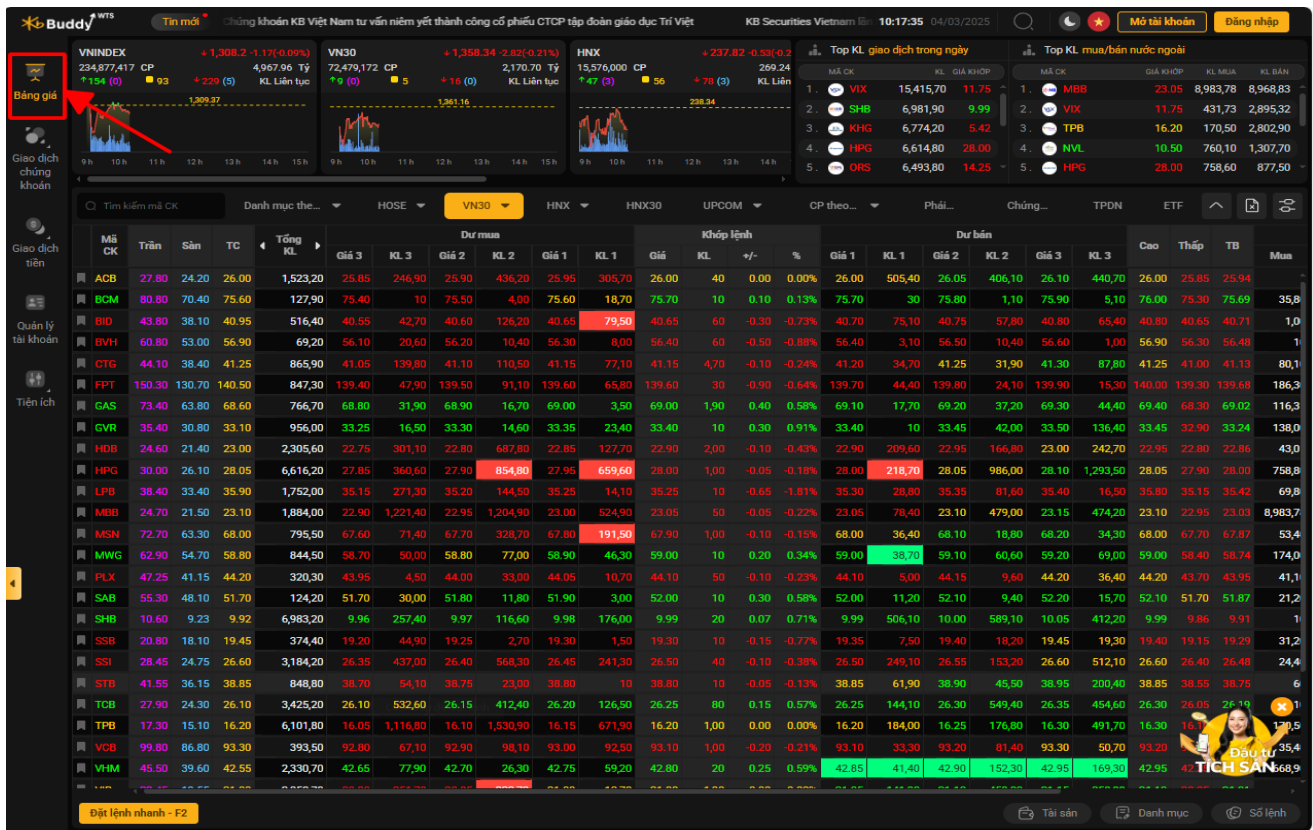
Thông tin số lệnh phái sinh rút gọn: vị thế; mã; khối lượng khớp/đặt; giá; trạng thái:



B. Bảng giá

Màn hình trang chủ của webtrade là màn hình “Bảng giá”. Hoặc tại cây thư mục của webtrade khách hàng chọn mục “Bảng giá”.

[Quay về mục lục](#)

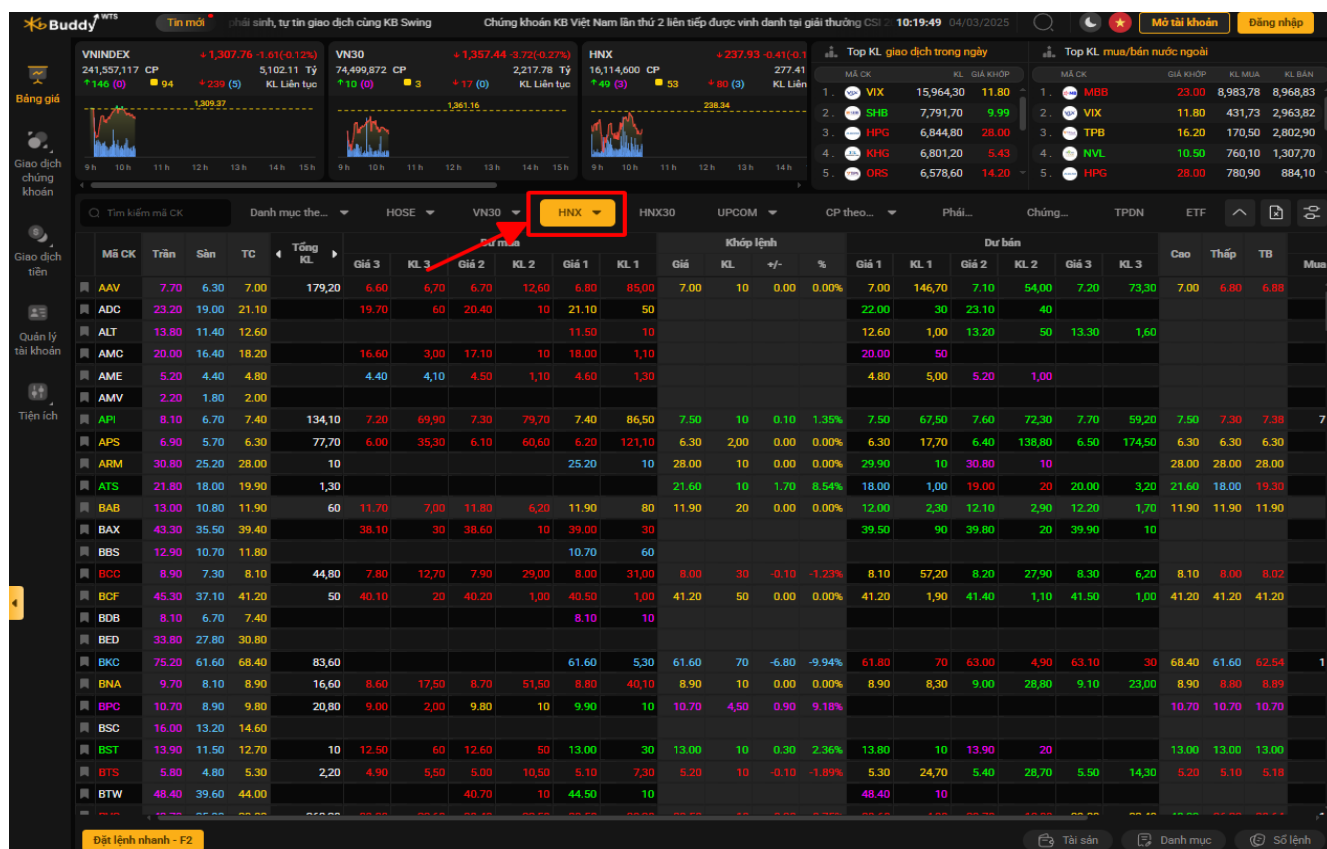


Tab "Bảng giá" bao gồm tất cả các bảng giá giao dịch: Danh mục yêu thích; HOSE, HNX, TPND, HNX30, CW, VN30, Ngành, Upcom.

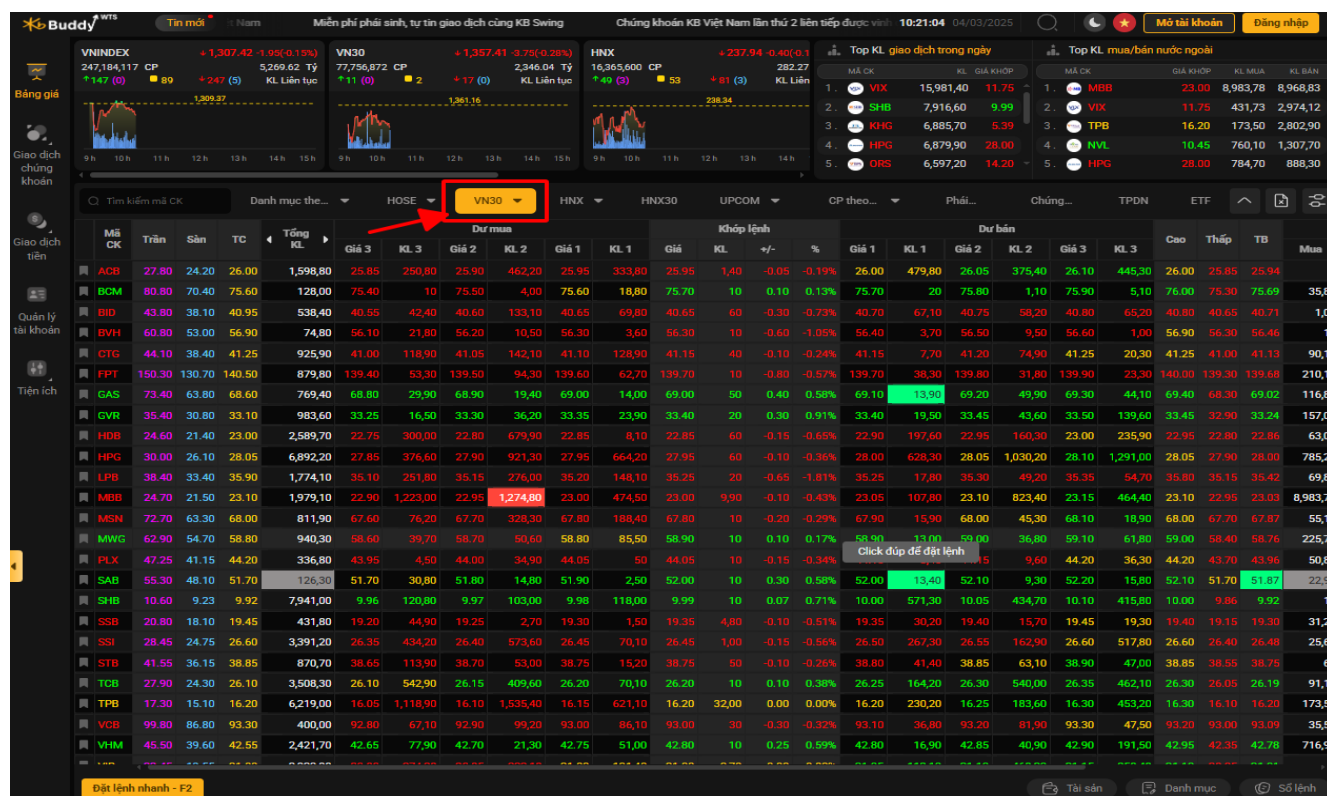
- Bảng giá HOSE



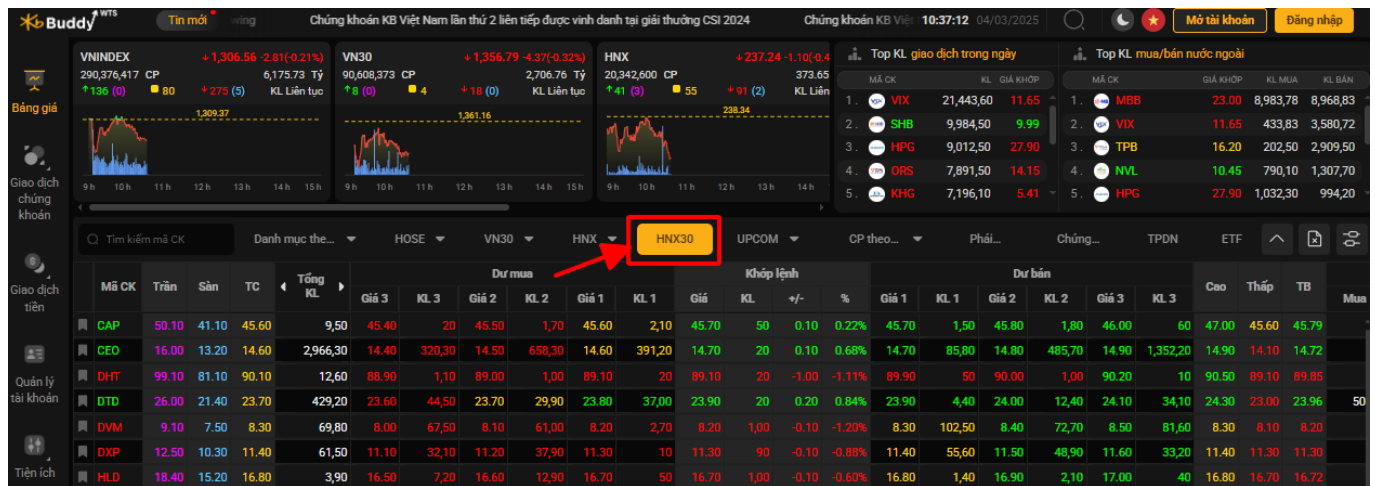
- Bảng giá HNX:



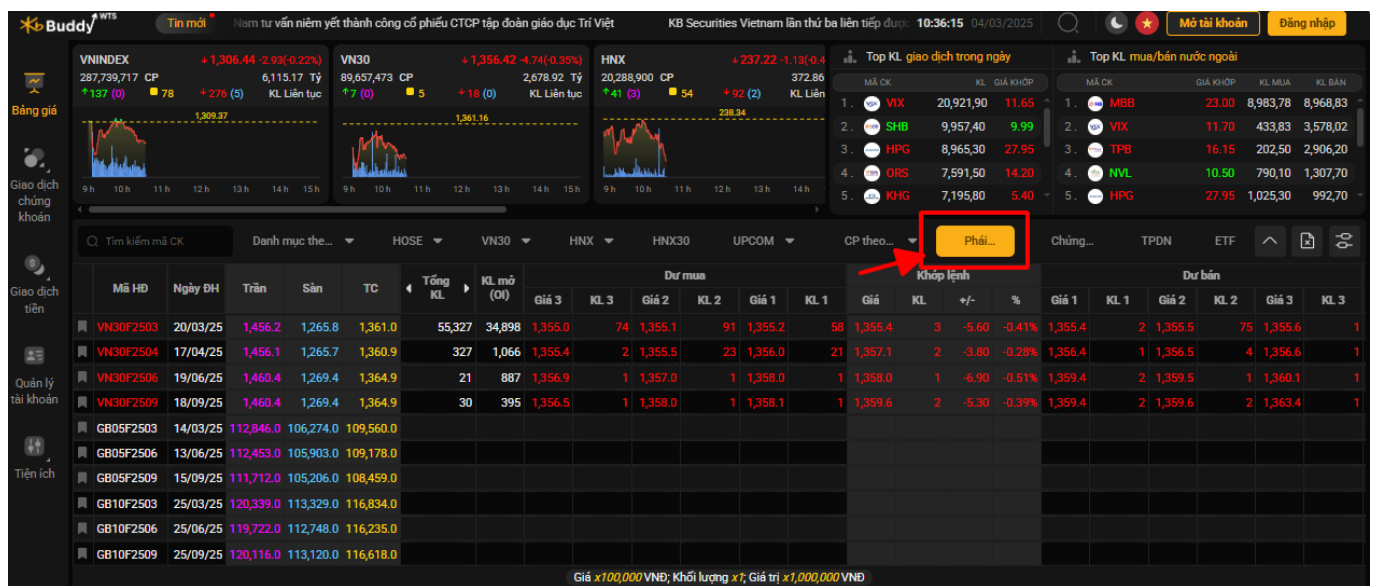
- Bảng giá VN30:



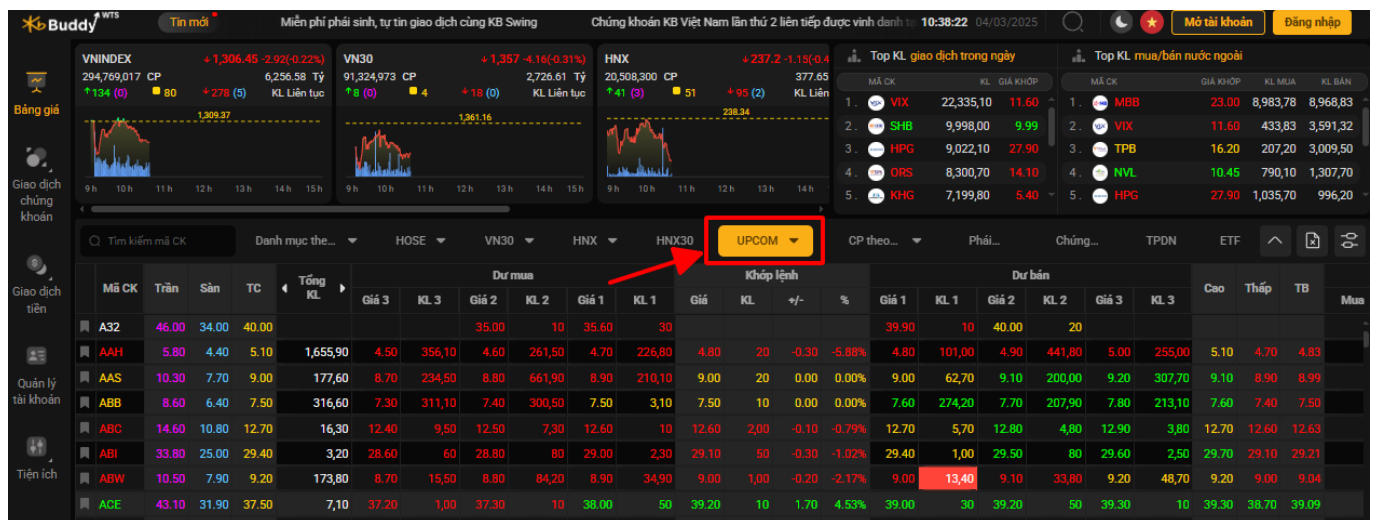
- Bảng giá HNX30:



- Bảng giá phái sinh:



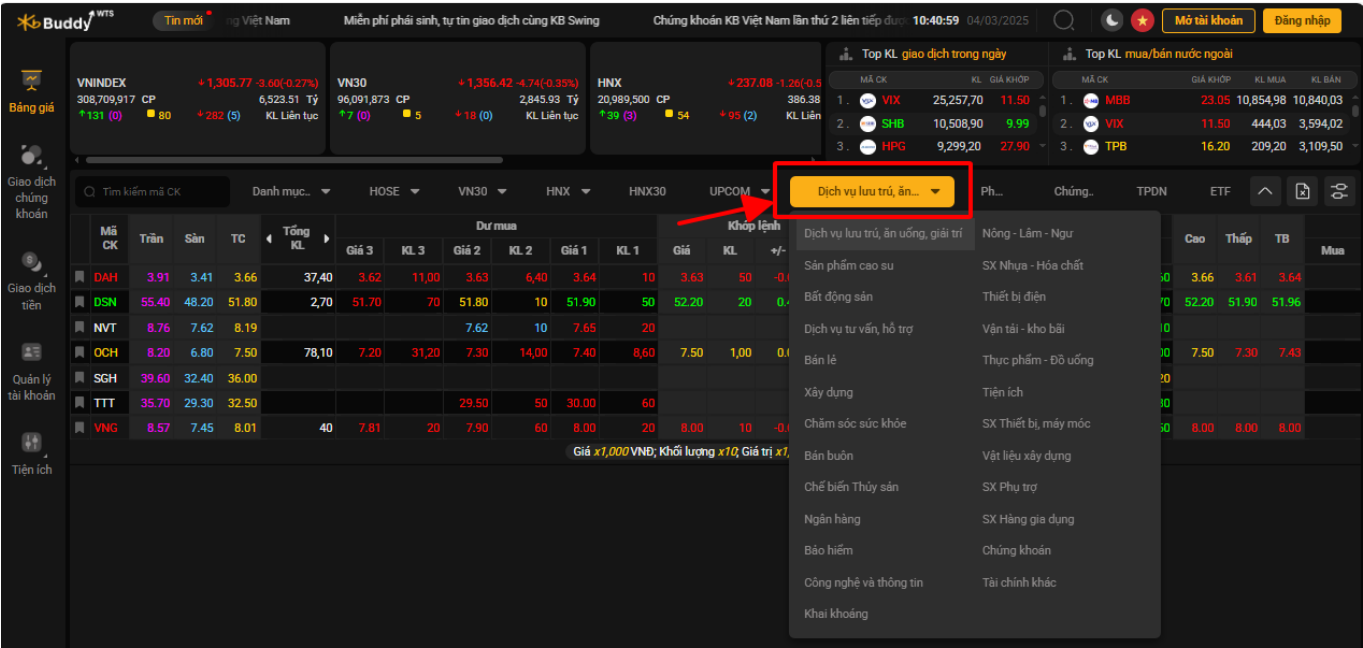
- Bảng giá Upcom:



- Bảng giá Trái phiếu doanh nghiệp:



- Bảng giá ngành:



Tại mục "Giao dịch chứng khoán" chọn "Đặt lệnh"

Màn hình đặt lệnh gồm: khung thông tin mã chứng khoán; khung đặt lệnh; khung thông tin 3 mức giá/ khối lượng mua/bán tốt nhất:

Khung đặt lệnh gồm: tab Lệnh thường, tab Lệnh điều kiện và tab Lệnh mua định kỳ

1.1. Lệnh thường

- Chọn tab "Lệnh thường" khung lệnh thường:

- Hướng dẫn đặt lệnh thường:
 - Bước 1: Chọn tiểu khoản đặt lệnh
 - Bước 2: Chọn mã chứng khoán đặt lệnh
 - Bước 3: Chọn loại lệnh đặt Mua/Bán: thông tin khối lượng tiểu khoản có thể Mua/ Bán mã chứng khoán hiện trong khung đặt lệnh.
 - Bước 4: Chọn lệnh đặt (LO, MTL, ...) nhập giá và khối lượng
 - Bước 5: Nhấn nút Mua/Bán để thực hiện lệnh, chuyển sang màn hình nhập xác thực

- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút "Xác nhận" chuyển sang màn hình xác nhận lệnh

Xác nhận lệnh đặt mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

AAA

Loại lệnh

LO

Giá đặt (x1000)

8.82

Khối lượng

200

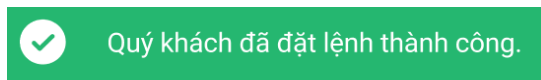
Giá trị (VNĐ)

1,764,000

Hủy

Xác nhận

- Bước 7: Nhấn nút "Xác nhận", lệnh đặt thành công hệ thống trả ra thông báo:



1.2. Lệnh điều kiện

- Chọn tab "Lệnh điều kiện" khung lệnh điều kiện. Sau đó, lựa chọn các lệnh điều kiện: SO, SEO, STO

Lệnh thường

Lệnh điều kiện

Lệnh mua định kỳ

Mua

Khối lượng đặt

25% 50% 75% 100% ATO LO MP ATC

Khối lượng đặt không hợp lệ

Giá đặt không hợp lệ

Lưu lệnh

Tổng GTGD: -

Mua

Sức mua

14,961,577

KL tối đa

TL vay

Rtt

0%

GAS

69.10

HOSE

0.50

0.73%

TC

68.60

TRẦN

73.40

SÀN

63.80

MỞ CỬA - TB

68.60 - 68.96

CAO - THẤP

69.40 - 68.30

TỔNG KL

1,445,20

TỔNG GT

99,661

60,90

108,40

Khối lượng	Mua	Bán	Khối lượng
11,60	69.00	69.10	2,00
23,00	68.90	69.20	58,80
26,30	68.80	69.30	47,60

Đặt lệnh nhanh - F2

091C004111.SA KB FINA

Tài sản

Danh mục

Số lệnh

- Lệnh điều kiện SO

Lệnh thường

SO

Lệnh mua định kỳ

Mua

Bán

Nhập mã chứng khoán

KL tối đa

Sức mua

14,961,577

TL vay

Rtt

0%

Khối lượng

Khối lượng chia

Biên độ KL(+/-)

Đơn vị không hợp lệ

Khối lượng chia không hợp lệ

Giá đặt

Biên độ giá(+/-)

Kiểu kích hoạt

Thời gian (phút)

Tất cả một lần

Mua

Lưu lệnh

Đặt lệnh nhanh - F2

091C004111.SA KB FINA

Tài sản

Danh mục

Số lệnh

Khách hàng nhấn icon để tham khảo hướng dẫn đặt lệnh điều kiện SO

- Lệnh điều kiện SEO

Lệnh thường

SEO

Lệnh mua định kỳ

Mua

Bán

Nhập mã chứng khoán

KL tối đa

Sức mua

83,113,411,111

TL vay

Rtt

10000%

Khối lượng

Giá đặt

Kích hoạt khi giá đặt ≤

Đơn vị không hợp lệ

Bước giá không hợp lệ

Phát sinh một lần

10/03/2025

Mua

Lưu lệnh

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.SA

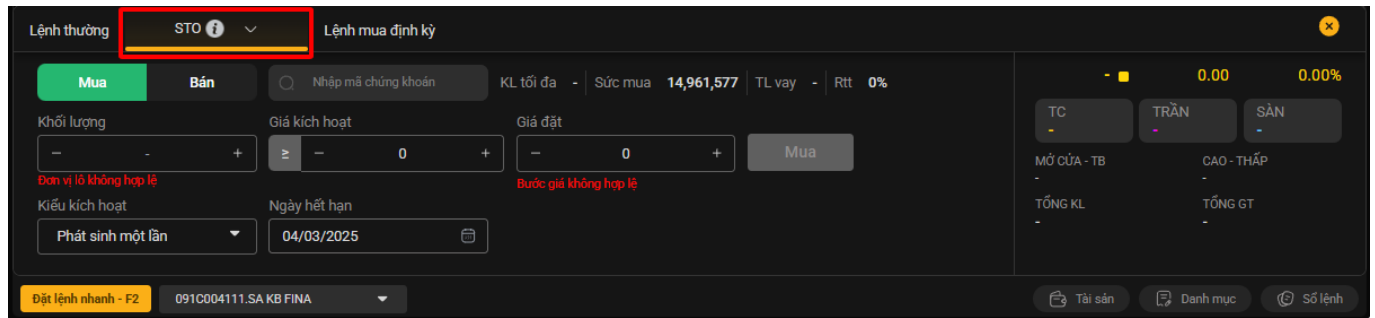
Tài sản

Danh mục

Số lệnh

Khách hàng nhấn icon  để tham khảo hướng dẫn đặt lệnh điều kiện SEO

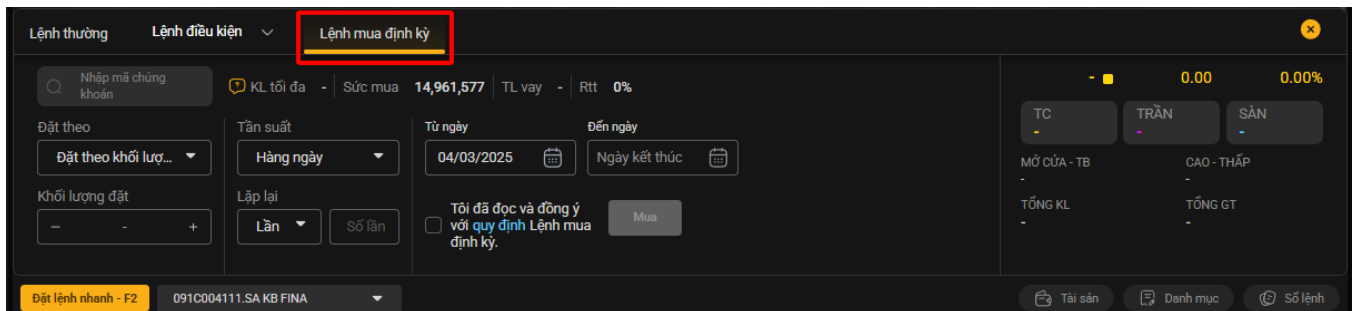
➤ Lệnh điều kiện STO



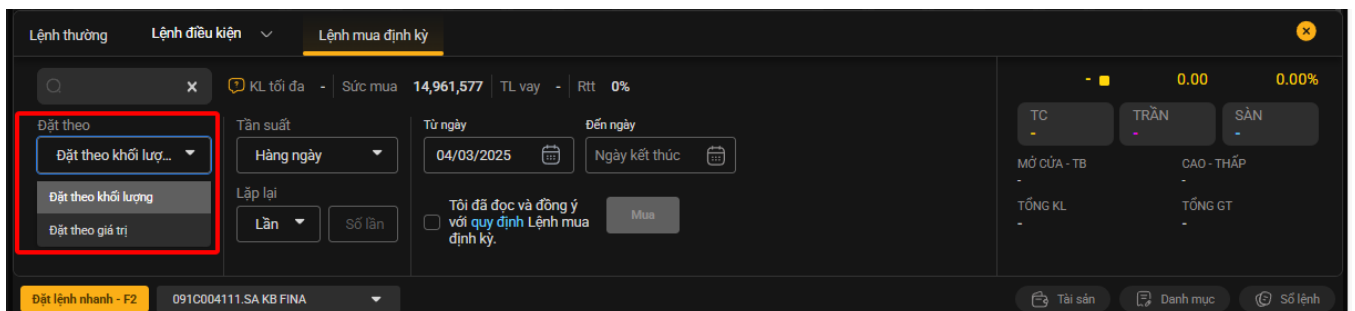
Khách hàng nhấn icon  để tham khảo hướng dẫn đặt lệnh điều kiện STO

1.3. Lệnh mua định kỳ

- Chọn tab "Lệnh mua định kỳ", khung đặt lệnh mua định kỳ:



- Hướng dẫn đặt lệnh mua định kỳ:
 - Bước 1: Chọn tiểu khoản đặt lệnh
 - Bước 2: Chọn mã chứng khoán đặt lệnh
 - Bước 3: Lựa chọn đặt theo Khối lượng hoặc đặt theo giá trị



- + Trường hợp chọn Đặt theo khối lượng: Khách hàng thiết lập khối lượng đặt
- + Trường hợp chọn Đặt theo giá trị: Khách hàng thiết lập Giá trị đặt

- Bước 4: Chọn tần suất: Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng

[Quay về mục lục](#)

- Bước 5: Chọn lặp lại: lần hoặc không giới hạn. Chọn “Lần” khách hàng nhập số lần lặp lại lệnh; chọn “Không thời hạn” thì không nhập số lần lặp lại lệnh

- Bước 6: chọn khoảng thời gian đặt lệnh (từ ngày, đến ngày)

- Bước 7: Tick chọn “Tôi đã đọc và đồng ý với quy định lệnh mua định kỳ”

- Bước 8: Nhấn nút Mua để thực hiện đặt lệnh mua định kỳ, chuyển sang màn hình nhập xác thực
- Bước 9: Nhập OTP và nhấn nút “Xác nhận” chuyển sang màn hình xác nhận lệnh
- Bước 10: Nhấn nút “Xác nhận”, hệ thống trả ra thông báo:

[Quay về mục lục](#)

Xác nhận lệnh đặt mua định kỳ

Tiểu khoản

091C123456SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

AAA

Tần suất

Hàng ngày

Thời gian

28/07/2023 - 10/08/2023

Giá trị (VNĐ)

10,000,000

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

Xác nhận lệnh đặt mua định kỳ

Tiểu khoản

091C266355.SA

Lệnh

MUA

Mã chứng khoán

ACB

Tần suất

Hàng ngày

Thời gian

từ ngày 06/06/2024

Khối lượng

100

Hủy

Xác nhận

✓ Quý khách đã đặt lệnh thành công.

2. Sổ lệnh

Tại mục “Giao dịch chứng khoán” chọn “Sổ lệnh”

Đặt lệnh

Sổ lệnh

Đăng ký quyền mua

Xác nhận lệnh

Trái phiếu chuyển đổi

Chuyển khoản chứng khoán

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiền tích

Tin mới

Chương trình Đầu tư

09:38:45

05/03/2025

Mở tài khoản

Đăng nhập

Top KL giao dịch trong ngày

Top KL mua/bán nước ngoài

MÃ CK	KL	GIÁ KHỚP	MÃ CK	GIÁ KHỚP	KL MUA	KL BÁN
MBB	10,041.90	24.00	MBB	24.00	926.40	926.62
BCR	7,643.90	3.10	VPB	19.30	1,243.20	82.10
VIX	5,042.40	11.65	VRE	17.95	45.70	747.90

MÃ CK	KL	GIÁ KHỚP	MÃ CK	GIÁ KHỚP	KL MUA	KL BÁN
MBB	10,041.90	24.00	MBB	24.00	926.40	926.62
BCR	7,643.90	3.10	VPB	19.30	1,243.20	82.10
VIX	5,042.40	11.65	VRE	17.95	45.70	747.90

Chọn mục theo...

HOSE

VN30

HNX

HNX30

UPCOM

CP theo...

Phải...

Chứng...

TPDN

ETF

↑

↓

↺

↻

	Tổng KL	Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	KL	±/−	%	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Cao	Thấp	TB	Mua			
BCM	81.10	70.50	75.80	76.50	75.20	3.10	75.60	2.00	75.80	7.40	76.00	30	0.20	0.26%	76.00	5.00	76.10	2.00	76.20	2.70	76.40	76.00	76.21	2.7
BID	43.65	37.95	40.80	350.50	41.00	55.80	41.05	7.00	41.10	12.70	41.10	60	0.30	0.74%	41.15	12.90	41.20	44.30	41.25	5.10	41.15	40.70	40.90	18.1
BVH	60.50	52.70	56.60	47.80	56.20	4.50	56.30	14.40	56.40	3.50	56.40	90	-0.20	-0.35%	56.60	3.60	56.70	50	56.80	80	56.60	56.10	56.26	30.1
CTG	44.50	38.70	41.60	1,634.00	42.05	32.10	42.10	61.40	42.15	56.10	42.15	60	0.55	1.32%	42.20	196.90	42.25	69.80	42.30	134.20	42.20	41.60	41.95	181.5
FPT	149.80	130.20	140.00	360.30	139.80	10.50	139.90	39.60	140.00	29.40	140.10	10	0.10	0.07%	140.10	120.30	140.20	111.00	140.30	101.30	140.10	139.60	139.92	137.0
GAS	73.90	64.30	69.10	78.30	68.80	6.90	68.90	14.30	69.00	9.10	69.00	40	-0.10	-0.14%	69.10	40	69.20	11.10	69.30	21.40	69.30	68.90	69.09	16.4
GVR	35.80	31.20	33.50	140.50	33.35	18.90	33.40	19.00	33.45	27.70	33.50	10	0.00	0.00%	33.50	31.60	33.55	11.50	33.60	43.60	33.60	33.30	33.43	16.4
HDB	24.55	21.35	22.95	1,401.20	23.05	131.30	23.10	100.80	23.15	29.80	23.15	20	0.20	0.87%	23.20	294.40	23.25	113.10	23.30	205.80	23.15	22.90	23.02	151.5
HPG	29.75	25.95	27.85	2,726.30	27.65	852.10	27.70	573.00	27.75	539.60	27.75	1.40	-0.10	-0.36%	27.80	1,163.20	27.85	387.70	27.90	547.20	27.90	27.75	27.81	35.6
LPB	37.95	33.05	35.50	756.70	36.30	11.20	36.35	2.20	36.40	1.00	36.40	50	0.90	2.54%	36.45	25.20	36.50	126.90	36.55	68.10	36.60	35.50	36.22	59.5
MBB	25.00	21.80	23.40	10,046.30	23.85	17.60	23.90	2,075.60	23.95	74.10	24.00	2.80	0.60	2.56%	24.00	373.00	24.05	276.50	24.10	292.10	24.10	23.30	23.73	926.4
MSN	73.90	64.30	69.10	1,376.20	69.70	187.40	69.80	38.40	69.90	63.00	70.00	60	0.90	1.30%	70.00	172.70	70.10	88.40	70.20	83.00	70.00	69.30	69.72	55.2
MWV	63.60	55.40	59.50	284.50	59.40	38.60	59.50	69.00	59.60	20	59.70	40	0.20	0.34%	59.70	46.00	59.80	45.50	59.90	32.30	59.80	59.40	59.56	47.4
PLX	47.60	41.40	44.50	105.10	44.00	27.30	44.05	20.60	44.10	12.10	44.15	1.00	-0.35	-0.79%	44.15	2.50	44.30	5.30	44.40	3.00	44.50	44.15	44.34	8
SAB	55.60	48.40	52.00	41.70	51.70	14.80	51.80	32.80	51.90	9.20	51.90	30	-0.10	-0.19%	52.00	6.90	52.10	16.10	52.20	14.70	52.10	51.90	52.01	3
SHB	10.65	9.28	9.97	2,398.60	9.99	534.20	10.00	785.80	10.05	1,341.60	10.10	1.00	0.13	1.30%	10.10	1,547.10	10.15	2,376.60	10.20	1,944.90	10.10	9.98	10.03	26.5
SSB	20.80	18.10	19.45	188.60	19.30	3.10	19.35	1.20	19.40	70	19.40	40	-0.05	-0.26%	19.45	29.50	19.50	18.00	19.55	11.90	19.45	19.30	19.36	26.5
SSI	28.15	24.55	26.35	1,470.60	26.30	233.30	26.35	163.60	26.40	141.80	26.40	2.50	0.05	0.19%	26.45	158.40	26.50	351.70	26.55	460.90	26.45	26.30	26.40	1.4
STB	41.90	36.50	39.20	1,679.60	39.55	20	39.60	122.40	39.65	3.80	39.65	20	0.45	1.15%	39.70	163.40	39.75	63.40	39.80	232.40	39.70	39.30	39.48	262.0
TCB	29.40	25.60	27.50	2,756.10	27.35	66.60	27.40	148.90	27.45	285.60	27.50	20	0.00	0.00%	27.50	162.70	27.55	168.60	27.60	250.30	27.60	27.40	27.49	651.2
TPB	17.30	15.10	16.20	1,235.40	16.25	399.90	16.30	216.00	16.35	135.40	16.40	20	0.20	1.23%	16.40	398.20	16.45	443.10	16.50	750.40	16.40	16.25	16.31	5.6
VCB	99.50	86.50	93.00	401.00	93.40	33.60	93.50	28.20	93.60	12.20	93.70	40	0.70	0.75%	93.70	40	93.80	21.20	93.90	39.10	93.80	93.00	93.20	1.7
VHM	44.95	39.15	42.05	631.80	42.45	35.00	42.50	56.80	42.55	23.90	42.60	20	0.55	1.31%	42.60	11.50	42.65	20.90	42.70	15.90	42.65	42.00	42.20	0.7
VIB	22.55	19.65	21.10	3,796.60	21.20	339.30	21.25	86.30	21.30	59.90	21.30	20	0.20	0.95%	21.35	227.70	21.40	630.20	21.45	218.30	21.40	21.40	21.40	43.6
VIC	44.85	39.05	41.95	384.20	42.25	30.40	42.30	28.50	42.35	20.20	42.40	10	0.45	1.07%	42.40	1.70	42.45	56.10	42.50	131.70	42.45	42.45	42.45	43.6

Đặt lệnh nhanh - F2

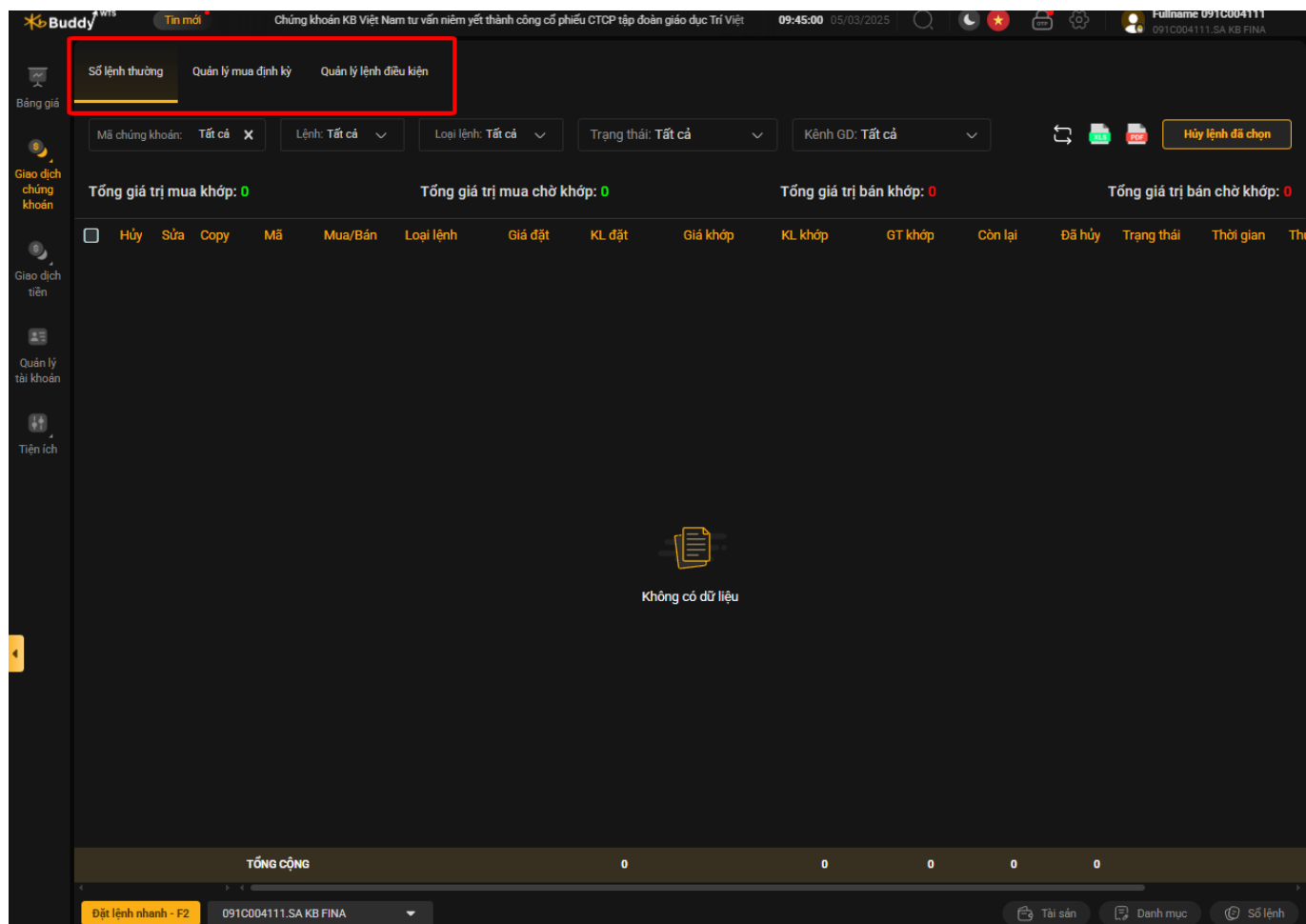
Tài sản

Danh mục

Sổ lệnh

Đầu tư TÍCH SẢN

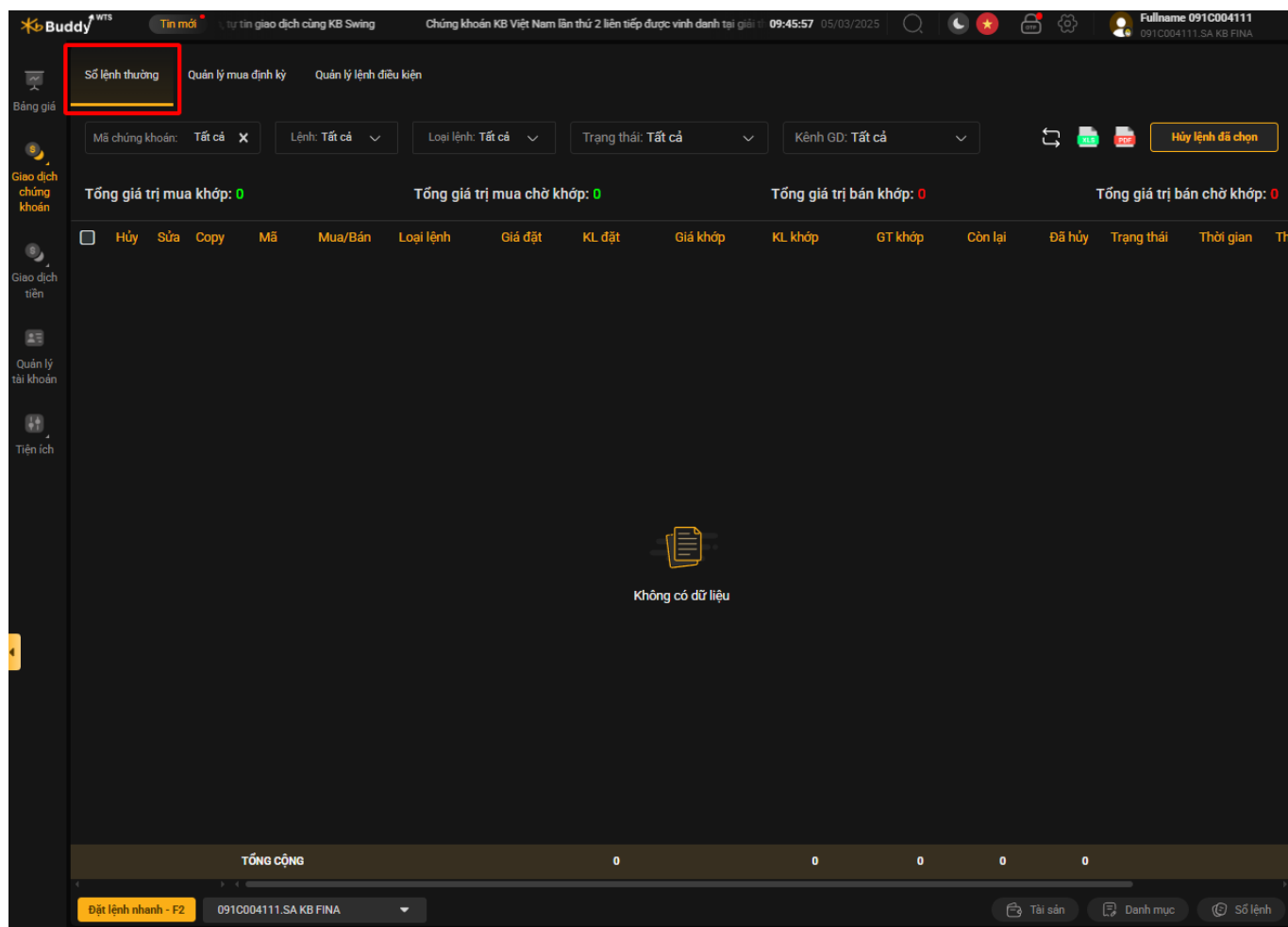
Màn hình sổ lệnh gồm: Sổ lệnh thường; Quản lý mua định kỳ, Quản lý lệnh điều kiện



2.1. Số lệnh thường

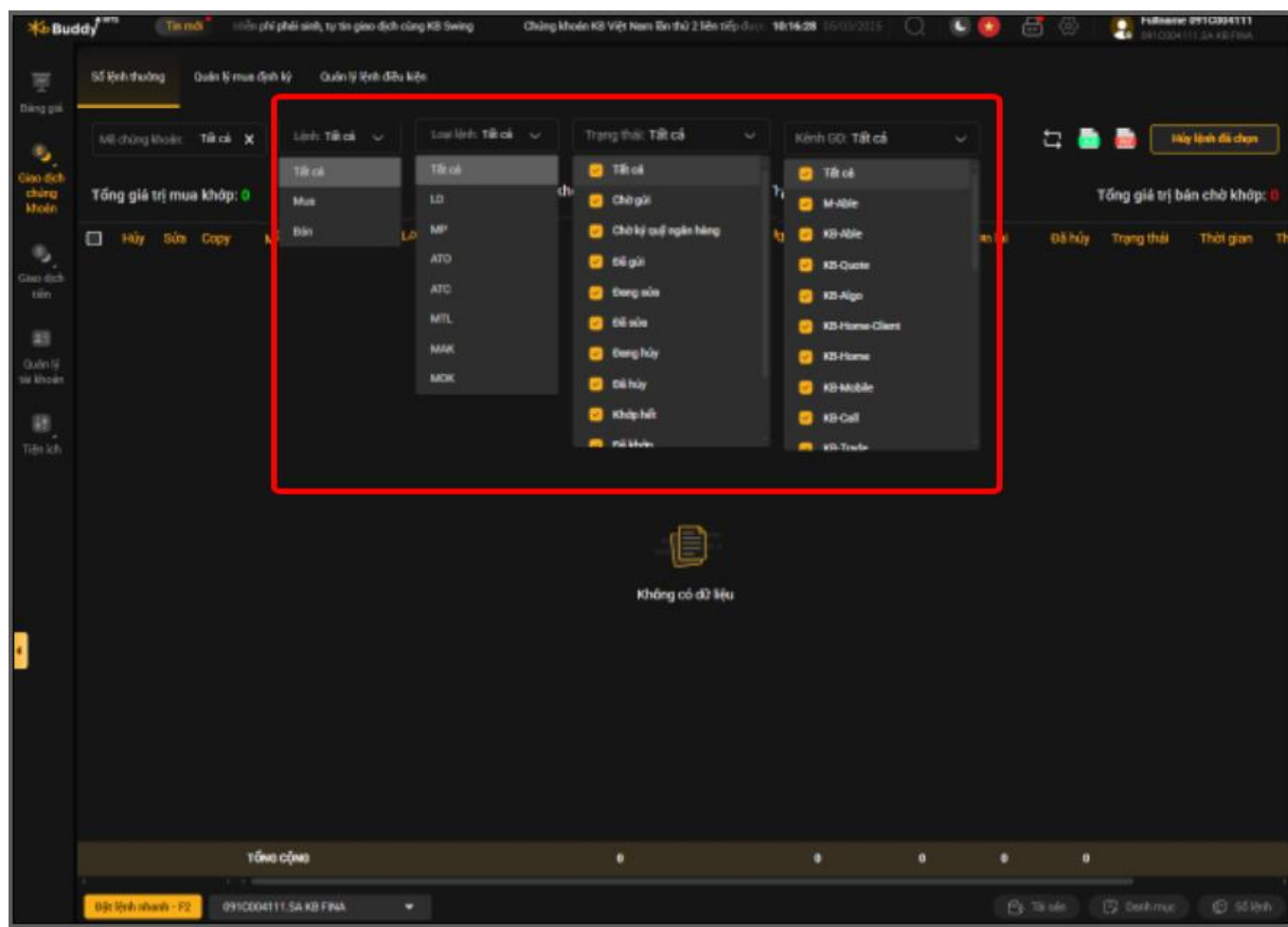
Trên mục "Giao dịch chứng khoán" chọn **Số lệnh** sau đó nhấn chọn **Số lệnh thường**:

Số lệnh thường: hiển thị thông tin tất cả các lệnh thường đã đặt trong ngày, bao gồm cả lệnh con được kích hoạt (lệnh điều kiện, lệnh định kỳ)

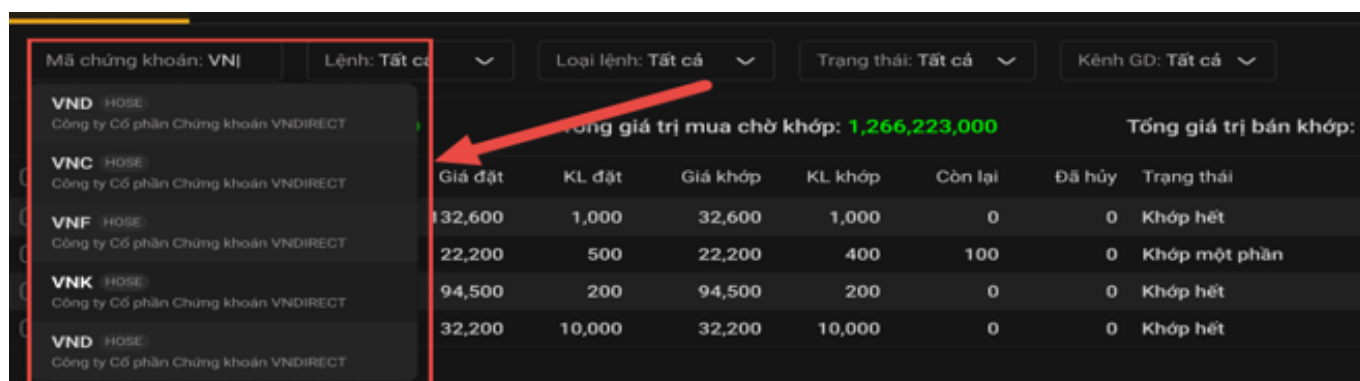


Trên màn hình “Sổ lệnh” khách hàng có thể lọc thông tin hiển thị theo nhu cầu. Bộ lọc gồm có:

- Lệnh: Mua/Bán
- Loại lệnh: LO;MP; ATO,...
- Trạng thái (Trạng thái lệnh): chọn trong combobox
- Kênh giao dịch: chọn trong combobox



- Lọc theo mã chứng khoán: nhập mã chứng khoán vào ô "Mã chứng khoán"



❖ Sửa lệnh thường:

Để sửa lệnh thường khách hàng có thể vào tab "Sổ lệnh thường" tại mục "Giao dịch chứng khoán" hoặc vào màn hình "Sổ lệnh rút gọn"

Buddy
Tin mới
Miễn phí phải sinh, tự tin giao dịch cùng KB Swing
Chứng khoán KB Việt Nam lần thứ 2 liên tiếp được: 11:00:20 05/03/2025NGUYỄN NGỌC HẢI
091 C001 552.SA

Sổ lệnh thường
Quản lý mua định kỳ
Quản lý lệnh điều kiện

Mã chứng khoán: Tất cả ✕

Lệnh: Tất cả ▾

Loại lệnh: Tất cả ▾

Trạng thái: Tất cả ▾

Kênh GD: Tất cả ▾

Tổng giá trị mua khớp: 139,500,000

Tổng giá trị mua chờ khớp: 63,500,000

Tổng giá trị bán chờ khớp: 0

☐	Hủy	Sửa	Copy	Mã	Mua/Bán	Loại lệnh	Giá đặt	KL đặt	Giá khớp	KL khớp
☐			Copy	HCM	Mua	LO	30,000	800	0	0
☐			Copy	HCM	Mua	LO	30,000	800	0	0
☐			Copy	HUT	Mua	LO	15,500	10,000	15,500	9,000

TỔNG CỘNG
11,600
9,000
1

Đặt lệnh nhanh - F2
091C001552.SA ▾

Sổ lệnh
Xem chi tiết

M/B	Mã	KL khớp/đặt	Giá	Trạng thái
Mua	HUT	9,000/10,000	15.50	Đã khớp
Mua	HCM	0/800	30.00	Đã gửi
Mua	HCM	0/800	30.00	Đã gửi

Tổng giá trị mua khớp

139,500,000

Tổng giá trị mua chờ khớp

63,500,000

Tổng giá trị bán khớp

0

Tổng giá trị bán chờ khớp

0

Tải sản
Danh mục
Sổ lệnh

Các bước sửa lệnh thường:

- Bước 1: Tại màn hình "Sổ lệnh thường" hoặc Sổ lệnh rút gọn (nút sổ lệnh tại taskbar) khách hàng chọn lệnh muốn sửa trong khung sổ lệnh, kéo sang phía bên trái, nút Sửa/ Hủy xuất hiện:

Sổ lệnh thường

Quản lý mua định kỳ

Quản lý lệnh điều kiện

Mã chứng khoán: Tất cả

Lệnh: Tất cả

Loại lệnh: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Kênh GD: Tất cả

1234

5678

Hủy lệnh đã chọn

Tổng giá trị mua khớp: 0

Tổng giá trị mua chờ khớp: 6,029,500

Tổng giá trị bán khớp: 0

Tổng giá trị bán chờ khớp: 0

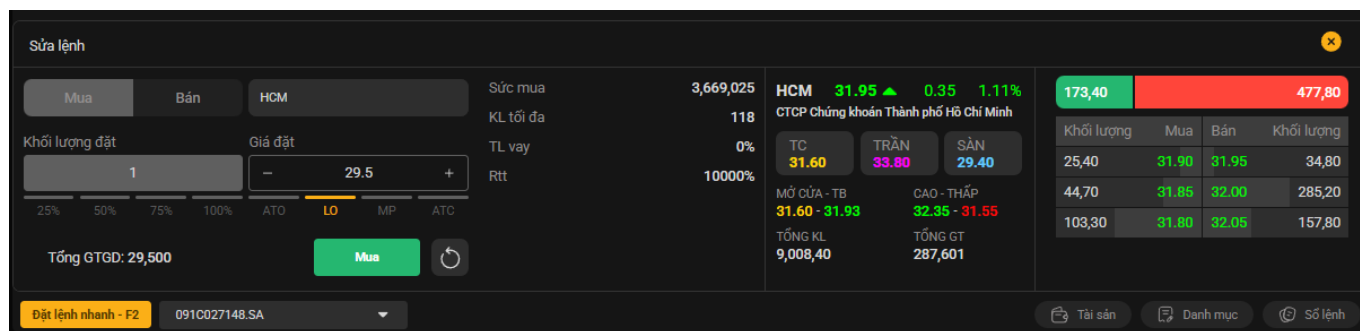
☐	Hủy	Sửa	Copy	Mã	Mua/Bán	Loại lệnh	Giá đặt	KL đặt	Giá khớp	KL khớp	GT khớp	Còn lại	Đã hủy	Trạng thái	Thời gian	Thu
☐	Hủy	Sửa	Copy	HCM	Mua	LO	29,500	1	0	0	0	1	0	Đã gửi	11:13:01	Thu
☐	Hủy	Sửa	Copy	HCM	Mua	LO	30,000	200	0	0	0	200	0	Đã gửi	11:11:44	Thu

Sổ lệnh	Xem chi tiết			
M/B	Mã	KL khớp/đặt	Giá	Trạng thái
Mua	HCM	0/200	30.00	Đã gửi
Mua	HCM	0/1	29.50	Đã gửi
Tổng giá trị mua khớp 0 Tổng giá trị mua chờ khớp 6,029,500 Tổng giá trị bán khớp 0 Tổng giá trị bán chờ khớp 0				
Tài sản	Danh mục	Sổ lệnh		

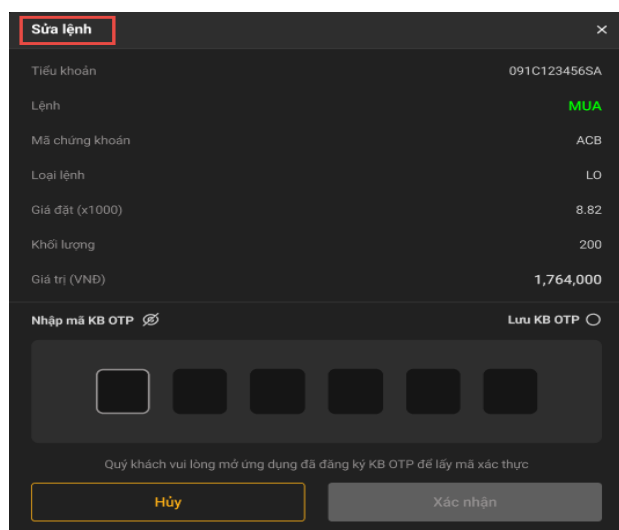
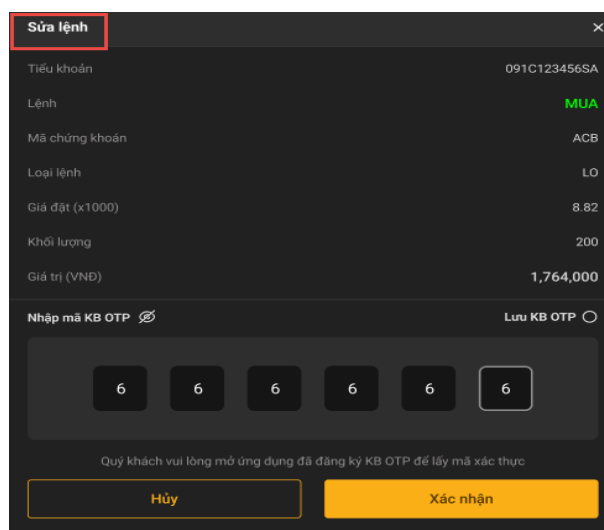
[Quay về mục lục](#)

Màn hình “Sổ lệnh thường” biểu tượng nút sửa lệnh:  hoặc biểu tượng  trên màn hình sổ lệnh rút gọn

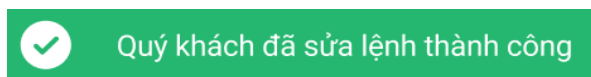
- Bước 2: Nhấn nút “Sửa lệnh” chuyển sang màn hình sửa lệnh:



- Bước 3: Nhập thông tin giá muốn sửa và nhấn nút “Mua/Bán” chuyển sang màn hình xác thực (nếu khách hàng đã lưu OTP thì sẽ chuyển sang bước 4):
- Bước 4: Nhập OTP và nhấn nút “Xác nhận” để xác nhận sửa lệnh:

- Bước 5: Sửa lệnh thành công hệ thống trả ra thông báo:



❖ Hủy lệnh thường:

Để hủy lệnh thường khách hàng có thể vào tab “Sổ lệnh thường” tại mục “Giao dịch chứng khoán” hoặc vào màn hình “Sổ lệnh”

Sổ lệnh thườngQuản lý mua định kỳQuản lý lệnh điều kiện

Mã chứng khoán: Tất cả

Lệnh: Tất cả

Loại lệnh: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Kênh GD: Tất cả

PDF

PDF

Hủy lệnh đã chọn

Tổng giá trị mua khớp: 0

Tổng giá trị mua chờ khớp: 6,029,500

Tổng giá trị bán khớp: 0

Tổng giá trị bán chờ khớp: 0

	Hủy	Sửa	Copy	Mã	Mua/Bán	Loại lệnh	Giá đặt	KL đặt	Giá khớp	KL khớp	GT khớp	Còn lại	Đã hủy	Trạng thái	Thời gian	Th
☐	Hủy	Sửa	Copy	HCM	Mua	LO	29,500	1	0	0	0	1	0	Đã gửi	11:13:01	Th
☐	Hủy	Sửa	Copy	HCM	Mua	LO	30,000	200	0	0	0	200	0	Đã gửi	11:11:44	Th

Các bước hủy lệnh thường:

- Bước 1: Tại màn hình “Số lệnh thường” hoặc Số lệnh rút gọn (nút số lệnh tại taskbar) khách hàng chọn lệnh muốn hủy kéo sang phía bên trái, nút Sửa/ Hủy xuất hiện:

Số lệnh thườngQuản lý mua định kỳ

Mã chứng khoán: Tất cả

Lệnh: Tất cả

Loại lệnh: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Kênh GD: Tất cả

XLSX

PDF

Hủy lệnh đã chọn

Tổng giá trị mua khớp: 1,266,223,000

Tổng giá trị mua chờ khớp: 1,266,223,000

Tổng giá trị bán khớp: 266,223,000

Tổng giá trị bán chờ khớp: 66,223,000

☐	Mã	M/B	Giá đặt	KL đặt	Giá khớp	KL khớp	Còn lại	Đã hủy	Trạng thái	Loại lệnh	%Lãi/Lỗ	Kênh GD	Thời gian	Thường/ĐK
☐	ACB	M	132,600	1,000	32,600	1,000	0	0	Khớp hết	LO	+2.5%	KQ-Quote	Hủy lệnh	Sửa lệnh
☐	MBB	B	22,200	500	22,200	400	100	0	Khớp một phần	MP	-1.16%	KQ-Quote	09:30:23	Thường
☐	VCB	B	94,500	200	94,500	200	0	0	Khớp hết	ATC	-2.33%	KQ-Quote	14:20:23	Thường
☐	CTG	M	32,200	10,000	32,200	10,000	0	0	Khớp hết	ATO	+2.16%	KQ-Quote	14:20:25	Điều kiện

Số lệnh Xem chi tiết				
M/B	Mã	KL khớp/đặt	Giá	Trạng thái
Mua	HCM	0/200	30.00	Đã gửi
Mua	HCM	0/1	29.50	Đã gửi
Tổng giá trị mua khớp 0 Tổng giá trị mua chờ khớp 6,029,500 Tổng giá trị bán khớp 0 Tổng giá trị bán chờ khớp 0				
Tài sản Danh mục Số lệnh				

[Quay về mục lục](#)

Màn hình "Số lệnh" biểu tượng nút hủy lệnh  hoặc biểu tượng 

Số lệnh thườngQuản lý mua định kỳQuản lý lệnh điều kiện

Mã chứng khoán: Tất cả

Lệnh: Tất cả

Loại lệnh: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Kênh GD: Tất cả

PDF

Print

Hủy lệnh đã chọn

Tổng giá trị mua khớp: 0

Tổng giá trị mua chờ khớp: 6,029,500

Tổng giá trị bán khớp: 0

Tổng giá trị bán chờ khớp: 0

	Hủy	Sửa	Copy	Mã	Mua/Bán	Loại lệnh	Giá đặt	KL đặt	Giá khớp	KL khớp	GT khớp	Còn lại	Đã hủy	Trạng thái	Thời gian	Th
☒	Hủy	Sửa	Copy	HCM	Mua	LO	29,500	1	0	0	0	1	0	Đã gửi	11:13:01	Th
☐	Hủy	Sửa	Copy	HCM	Mua	LO	30,000	200	0	0	0	200	0	Đã gửi	11:11:44	Th

Số lệnh Xem chi tiết							
M/B	Mã	KL khớp/đặt	Giá	Trạng thái			
Mua	HCM	0/200	30.00				
Mua	HCM	0/1	29.50	Đã gửi			

- Bước 2: Nhấn nút "Hủy lệnh" chuyển sang màn hình xác nhận hủy lệnh:
- Bước 3: Nhập thông tin xác thực và nhấn nút xác nhận để hoàn thành hủy lệnh.

Xác nhận hủy lệnh

Tiểu khoản

091C027148.SA

Lệnh

Mua

Mã chứng khoán

HCM

Loại lệnh

LO

Giá đặt (x1,000)

29.50

Khối lượng

1

Giá trị (VNĐ)

29,500

Hủy

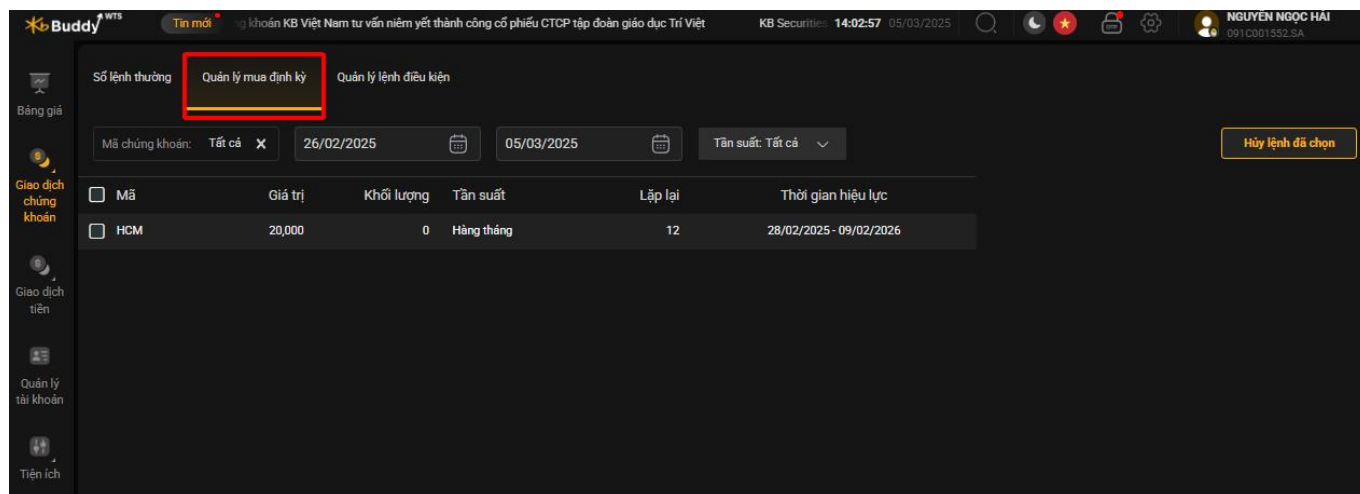
Xác nhận

- Bước 4: Hủy lệnh thành công hệ thống trả ra thông báo:

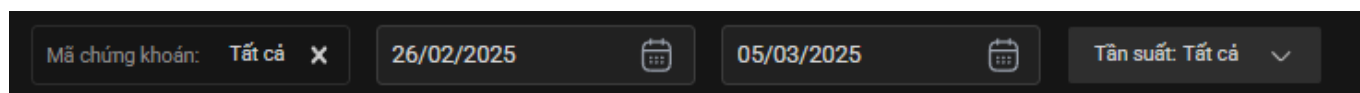
 Quý khách đã gửi lệnh hủy thành công.

2.2. Quản lý mua định kỳ

- Khách hàng có thể xem các lệnh mua định kỳ đã đặt và đang có hiệu lực tại mục **Giao dịch chứng khoán/Sổ lệnh**, tab **Quản lý mua định kỳ**



- Chọn tiểu khoản và lựa chọn các tiêu chí trong **Bộ lọc** để xem các lệnh đáp ứng điều kiện mong muốn:



- Khách hàng có thể hủy lệnh đặt mua định kỳ tại tab **Quản lý lệnh mua định kỳ**

Các bước **Hủy lệnh mua định kỳ**:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản
- Bước 2: Tại mục **Giao dịch chứng khoán/Sổ Lệnh**, chọn Tab **Quản lý mua định kỳ**
- Bước 3: Khách hàng có thể Hủy lệnh theo cách sau:
 - Cách 1: Tại từng dòng lệnh, nhấn vào dòng lệnh chọn hiển thị thông tin chi tiết của lệnh, nhấn nút **Hủy lệnh**.

Số lệnh thường

Quản lý mua định kỳ

Quản lý lệnh điều kiện

Mã chứng khoán: Tất cả

26/02/2025

05/03/2025

Tần suất: Tất cả

Hủy lệnh đã chọn

☒	Mã	Giá trị	Khối lượng	Tần suất	Lặp lại	Thời gian hiệu lực
☒	HCM	20,000	0	Hàng tháng	12	28/02/2025 - 09/02/2026

Chi tiết lệnh mua định kỳ

Tiểu khoản

091C001552.SA

Mã

HCM

Tần suất

Hàng tháng

Lặp lại

12

Thời gian

28/02/2025 - 09/02/2026

Ngày giao dịch tiếp theo

31/03/2025

Khối lượng mua

0

Giá trị mua

20,000

Sức mua hiện tại

83,229,915,361

Các lệnh đã kích hoạt (5 lệnh gần nhất)

Ngày

Thời lượng

Trạng thái

28/02/2...

0

Khối lượng phải lớn hơn k...

3

Hủy lệnh

Xác nhận hủy lệnh

Tiểu khoản

091C001552.SA

Mã

HCM

Tần suất

Hàng tháng

Lặp lại

12

Thời gian

28/02/2025 - 09/02/2026

Ngày giao dịch tiếp theo

31/03/2025

Khối lượng mua

0

Giá trị mua

20,000

Sức mua hiện tại

83,229,915,361

Nhập mã OTP

Phương thức gửi OTP mặc định

EMAIL

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút

Gửi lại SMS OTP - Gửi lại Email OTP

☐ Lưu OTP

Hủy

Xác nhận

Xác nhận hủy lệnh

Quý khách có chắc chắn muốn hủy các lệnh đã chọn?

Nhập mã OTP

Phương thức gửi OTP mặc định

EMAIL

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút

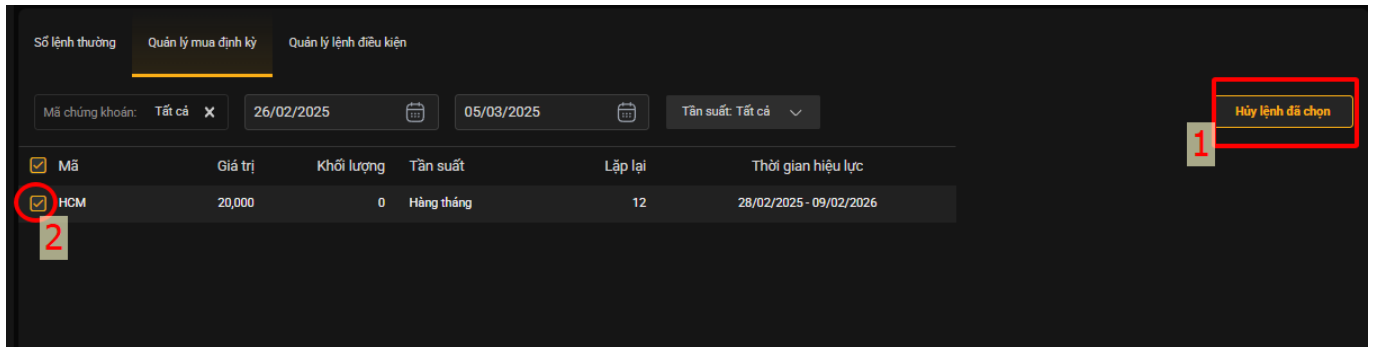
Gửi lại SMS OTP - Gửi lại Email OTP

☐ Lưu OTP

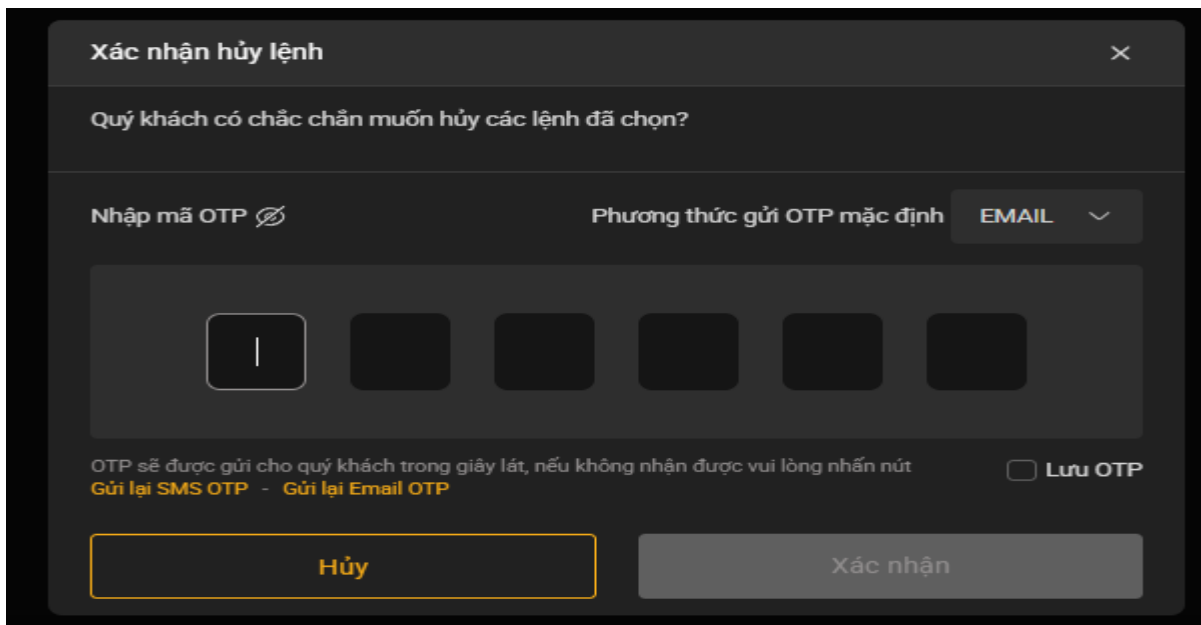
Hủy

Xác nhận

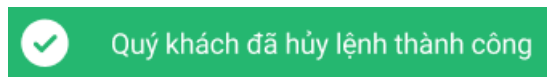
- Cách 2: Tích chọn lệnh muốn hủy trên màn hình **Quản lý mua định kỳ** và nhấn nút **Hủy lệnh đã chọn** để hủy lệnh định kỳ đã chọn. Với cách này khách hàng có thể hủy cùng lúc nhiều lệnh định kỳ đang trong thời gian hiệu lực.



- Bước 3: Sau khi chọn Hủy lệnh, xuất hiện màn hình **Xác nhận hủy lệnh**.

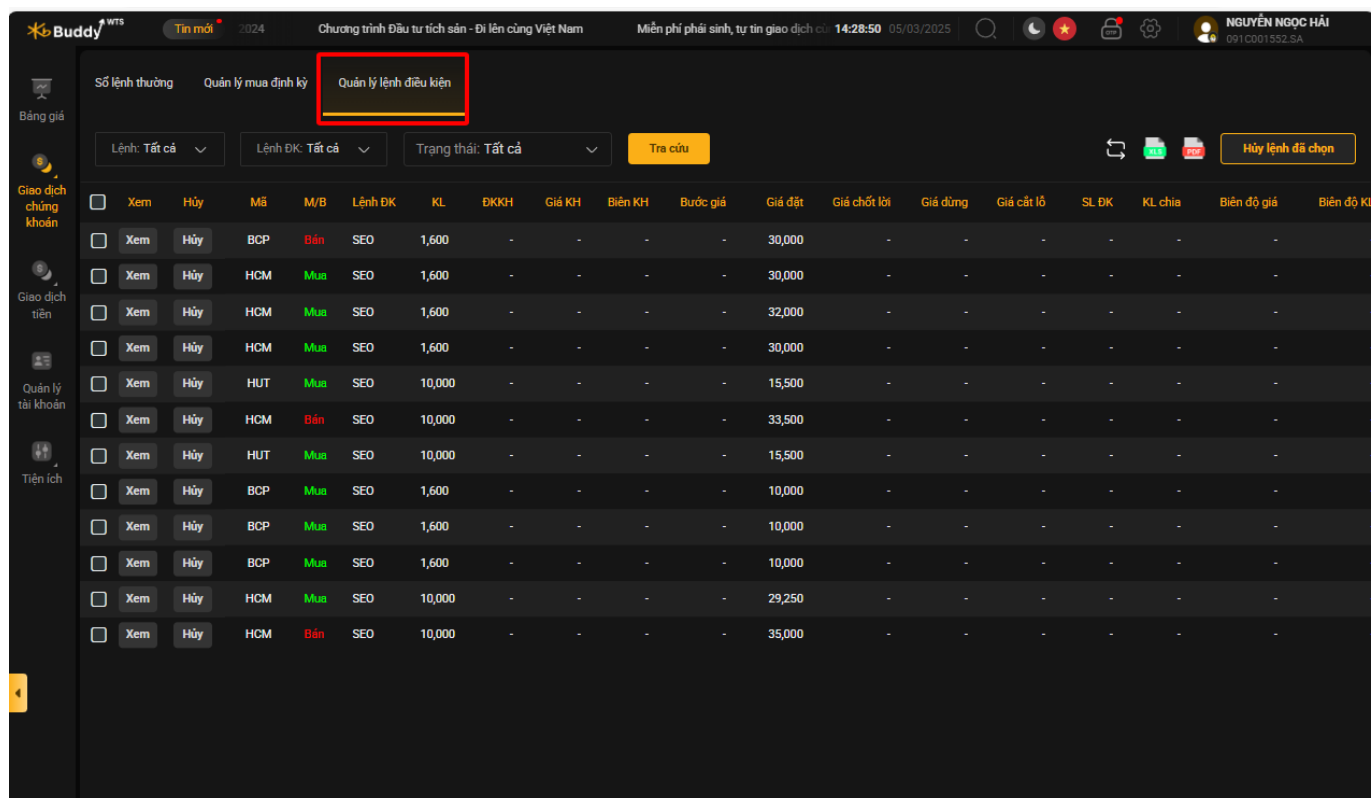


- Bước 4: Nhập OTP xác thực hủy lệnh và nhấn nút **Xác nhận**. Hủy lệnh thành công hệ thống trả ra thông báo:



2.3. Quản lý lệnh điều kiện

- Khách hàng có thể xem các lệnh mua định kỳ đã đặt và đang có hiệu lực tại mục **Giao dịch chứng khoán/Sổ lệnh**, tab **Quản lý lệnh điều kiện**



Khách hàng có thể tra cứu Quản lý lệnh điều kiện theo các trường:

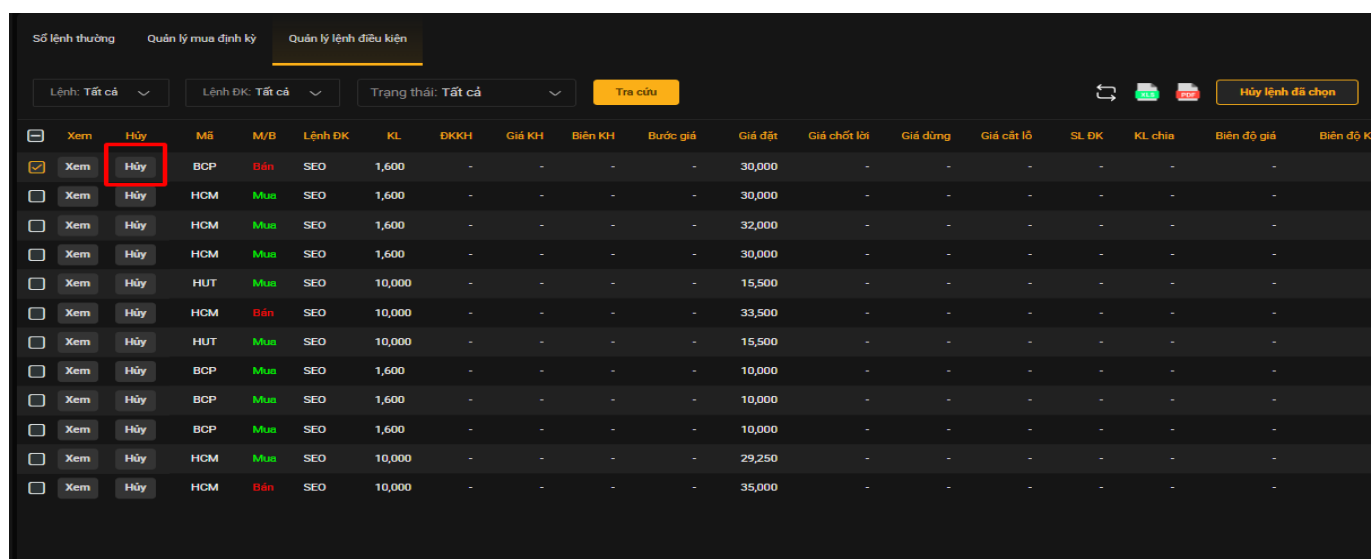
- Lệnh: Mua /Bán
- Lệnh điều kiện: SO, SEO, Stop Order, MCO,...
- Trạng thái: Chờ kích hoạt, Đã gửi,...

***Lưu ý:** Lệnh điều kiện không thể thực hiện Sửa lệnh.

Các bước **Hủy lệnh mua điều kiện**:

Cách 1:

- Bước 1: Tại màn hình Quản lý lệnh điều kiện. Nhấn chọn chức năng Hủy lệnh



[Quay về mục lục](#)

- Bước 2: Khi xuất hiện màn hình xác nhận hủy lệnh gốc. Khách hàng nhập mã OTP để thực hiện hủy lệnh và nhấn Xác nhận.

Xác nhận hủy lệnh gốc

X

Tiểu khoản	091C001552.SA	Kích hoạt khi	Giá chào mua tốt nhất
Mã	BCP	Giá đặt (x1000)	30,000
M/B	Bán	Khối lượng	1,600
Lệnh ĐK	SEO	Kiểu kích hoạt	Khớp đủ khối lượng đặt
TT lệnh gốc	Chờ kích hoạt	Ngày hết hạn	21/03/2025

Nhập mã OTP 

Phương thức gửi OTP mặc định

EMAIL 

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút

[Gửi lại SMS OTP](#) - [Gửi lại Email OTP](#)

☐ Lưu OTP

Hủy

Xác nhận

Cách 2:

- Bước 1: Tại màn hình Quản lý lên điều kiện. Nhấn chọn "Hủy lên đã chọn"

Số lệnh thưởng

Quản lý mua định kỳ

Quản lý lệnh điều kiện

Lệnh: Tất cả

Lệnh ĐK: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Trả cứu



Hủy lệnh đã chọn

	Xem	Hủy	Mã	M/B	Lệnh ĐK	KL	ĐKKH	Giá KH	Biên KH	Bước giá	Giá đặt	Giá chốt lời	Giá dừng	Giá cắt lỗ	SL ĐK	KL chia	Biên độ giá	Biên độ K
☒	Xem	Hủy	BCP	Bán	SEO	1,600	-	-	-	-	30,000	-	-	-	-	-	-	-
☐	Xem	Hủy	HCM	Mua	SEO	1,600	-	-	-	-	30,000	-	-	-	-	-	-	-
☐	Xem	Hủy	HCM	Mua	SEO	1,600	-	-	-	-	32,000	-	-	-	-	-	-	-
☐	Xem	Hủy	HCM	Mua	SEO	1,600	-	-	-	-	30,000	-	-	-	-	-	-	-

- Bước 2: Khi xuất hiện màn hình xác nhận hủy lệnh. Khách hàng nhập mã OTP để thực hiện hủy lệnh và nhấn Xác nhận.

Quay về mục lục

Xác nhận hủy lệnh

Quý khách có chắc chắn muốn hủy các lệnh đã chọn?

Nhập mã OTP

Phương thức gửi OTP mặc định

EMAIL

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút

Gửi lại SMS OTP - Gửi lại Email OTP

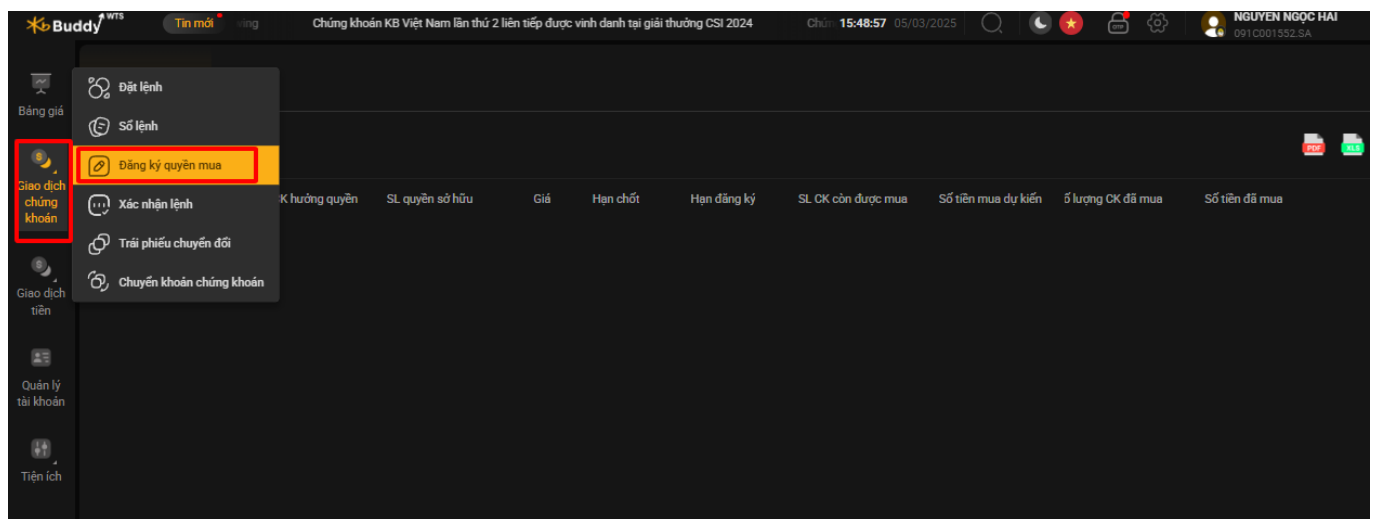
☐ Lưu OTP

Hủy

Xác nhận

3. Đăng ký quyền mua

Mục **Đăng ký quyền mua** bao gồm: **Đăng ký quyền mua** và **Lịch sử đăng ký quyền mua**



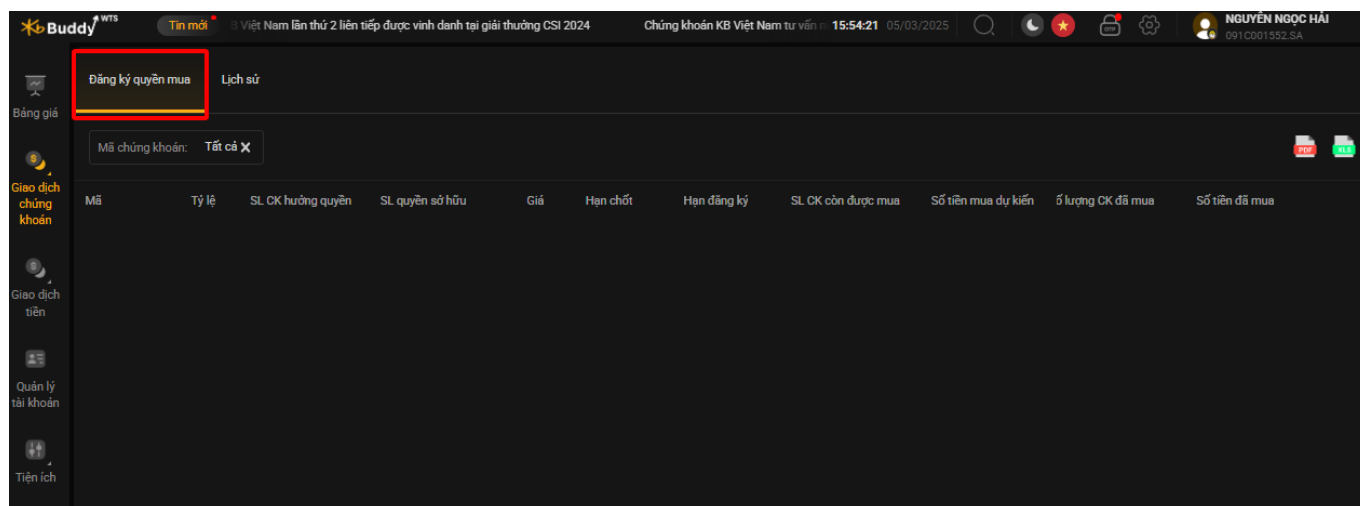
The screenshot shows the KB Buddy WTS web application. On the left, a sidebar menu contains several options, with 'Đăng ký quyền mua' (Buy Rights Registration) highlighted in orange. The main content area displays a table with columns for transaction details, including 'K hướng quyền', 'SL quyền sở hữu', 'Giá', 'Hạn chốt', 'Hạn đăng ký', 'SL CK còn được mua', 'Số tiền mua dự kiến', 'Số lượng CK đã mua', and 'Số tiền đã mua'.

3.1. Đăng ký quyền mua

Để đăng ký quyền mua chứng khoán, Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán**, tại mục **Đăng ký quyền mua** chọn tab **Đăng ký quyền mua**, màn hình Đăng ký quyền mua hiện thông tin quyền mua của khách hàng trên từng tiểu khoản:

[Quay về mục lục](#)

51



Để Đăng ký quyền mua Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản có quyền mua, màn hình xuất hiện thông tin quyền mua các mã chứng khoán.

Mã	Tỷ lệ	SL CK hưởng quyền	SL quyền sở hữu	Giá	Hạn chốt	Hạn đăng ký	SL CK còn được mua	Số tiền mua dự kiến	Số lượng CK đã mua	Số tiền đã mua	
SSI	100:15	14,000	1,000	32,600	22/12/2023	22/12/2023	1,000	0	500	0	Đăng ký
MBB	2:1	2,000	500	22,200	22/12/2023	22/12/2023	500	100	1,000	0	Đăng ký
VCB	100:75	5,000	200	94,500	10/08/2024	10/08/2024	200	0	93,000	0	Đăng ký
CTG	100:20	2,000	10,000	32,200	10/08/2024	10/08/2024	10,000	0	50,000	0	Đăng ký

- Bước 2: Chọn quyền mua muốn đăng ký, nhấn vào nút **Đăng ký** trên dòng quyền mua đó xuất hiện màn hình **Đăng ký quyền mua**.

Đăng ký quyền mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Mã

SSI

Giá

18,000

SL CK hưởng quyền

200

SL quyền sở hữu

8.82

SL CK đã mua

200

SL CK còn được mua

200

SL CK đăng ký mua

Tiền mua phải thanh toán

-

Hủy

Đăng ký

- Bước 3: Nhập số lượng chứng khoán đăng ký mua (số lượng đăng ký mua phải nhỏ hơn hoặc bằng số lượng chứng khoán được mua).

Đăng ký quyền mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Mã

SSI

Giá

18,000

SL CK hưởng quyền

200

SL quyền sở hữu

8.82

SL CK đã mua

200

SL CK còn được mua

200

SL CK đăng ký mua

2100

Tiền mua phải thanh toán

-

Hủy

Đăng ký

- Bước 4: Nhấn **Đăng ký**.
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút xác nhận để hoàn thành giao dịch

Xác nhận đăng ký quyền mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Mã

SSI

Giá

18,000

SL CK hưởng quyền

200

SL quyền sở hữu

8.82

SL CK đã mua

200

SL CK còn được mua

200

SL CK đăng ký mua

200

Tiền mua phải thanh toán

12,200,500

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Quy khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

Xác nhận đăng ký quyền mua

Tiểu khoản

091C123456SA

Mã

SSI

Giá

18,000

SL CK hưởng quyền

200

SL quyền sở hữu

8.82

SL CK đã mua

200

SL CK còn được mua

200

SL CK đăng ký mua

200

Tiền mua phải thanh toán

12,200,500

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

Gửi SMS OTP - Gửi Email OTP

Hủy

Xác nhận

- Bước 6: Đăng ký quyền mua thành công hệ thống trả ra thông báo


Quý khách đã đăng ký quyền mua SSI thành công

3.2. Lịch sử

Để xem Lịch sử đăng ký quyền mua, tại mục **Giao dịch/ Đăng ký quyền mua** chọn tab **Lịch sử**. Màn hình Lịch sử đăng ký quyền mua:

Đăng ký quyền mua

Lịch sử

Mã chứng khoán: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Từ ngày: 28/07/2023

Đến ngày: 28/07/2023

Mã	Tiểu khoản	Ngày đăng ký	Ngày hiệu lực	SL đăng ký	Trạng thái
ACB	091C123456SA	22/12/2023	22/12/2023	1,000	Chờ duyệt
MBB	091C123456SA	22/12/2023	22/12/2023	500	Chờ duyệt
VCB	091C123456SA	10/08/2024	10/08/2024	200	Thành công
CTG	091C123456SA	10/08/2024	10/08/2024	10,000	Thành công

[Quay về mục lục](#)

Khách hàng có thể lựa chọn xem lịch sử đăng ký quyền mua theo tiêu chí mong muốn tại **Bộ lọc**:

Đăng ký quyền mua

Lịch sử

Mã chứng khoán: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Từ ngày: 28/07/2023

Đến ngày: 28/07/2023

Mã	Tiểu khoản	Ngày đăng ký	Ngày hiệu lực	SL đăng ký	Trạng thái
ACB	091C123456SA	22/12/2023	22/12/2023	1,000	Chờ duyệt
MBB	091C123456SA	22/12/2023	22/12/2023	500	Chờ duyệt
VCB	091C123456SA	10/08/2024	10/08/2024	200	Thành công
CTG	091C123456SA	10/08/2024	10/08/2024	10,000	Thành công

4. Xác nhận lệnh

Để xác nhận lệnh, Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán**, chọn **Xác nhận lệnh**

Bảng giá

Số lệnh

Đăng ký quyền mua

Xác nhận lệnh

Trải phiếu chuyển đổi

Chuyển khoản chứng khoán

Mã chứng khoán: Tất cả

Từ ngày: 23/02/2025

Đến ngày: 05/03/2025

Xác nhận lệnh

Tiểu khoản	Mã	M/B	Giá	Khối lượng	Loại lệnh	Kênh GD
------------	----	-----	-----	------------	-----------	---------

Màn hình **Xác nhận lệnh**:

Xác nhận lệnh

☒ Hiển thị tất cả tiểu khoản

Mã chứng khoán: Tất cả

Từ ngày: 23/07/2024

Đến ngày: 10/03/2024

Xác nhận lệnh

☐	Ngày	Tiểu khoản	Mã	M/B	Giá	Khối lượng	Loại lệnh	Kênh GD
☒	23/04/2023	091C123456SA	ACB	Mua	132,600	1,000	LO	KQ-Quote
☐	23/04/2023	091C123456SA	MBB	Bán	22,200	500	MP	KQ-Quote
☐	23/04/2023	091C123456SA	VCB	Bán	94,500	200	ATC	KQ-Quote
☐	23/04/2023	091C123456SA	CTG	Mua	32,200	10,000	ATO	KQ-Quote

Các bước xác nhận lệnh:

- Bước 1: Tại màn hình **Xác nhận lệnh** chọn tiểu khoản hiển thị lệnh để xác nhận
- Bước 2: Chọn lệnh muốn xác nhận: Khách hàng có thể chọn 1 lệnh hoặc nhiều lệnh hoặc chọn tất cả các lệnh cần xác nhận bằng cách tick vào nút ngay tại các lệnh để chọn từng lệnh hoặc nút tick trên thanh tiêu đề để chọn tất cả các lệnh.

[Quay về mục lục](#)

Xác nhận lệnh

☒ Hiển thị tất cả tiểu khoản
 Mã chứng khoán: Tất cả
 Từ ngày: 23/07/2024
 Đến ngày: 10/03/2024

Xác nhận lệnh

☐	Ngày	Tiểu khoản	Mã	M/B	Giá	Khối lượng	Loại lệnh	Kênh GD
☒	23/04/2023	091C123456SA	ACB	Mua	132,600	1,000	LO	KQ-Quote
☐	23/04/2023	091C123456SA	MBB	Bán	22,200	500	MP	KQ-Quote
☐	23/04/2023	091C123456SA	VCB	Bán	94,500	200	ATC	KQ-Quote
☐	23/04/2023	091C123456SA	CTG	Mua	32,200	10,000	ATO	KQ-Quote

- Bước 3: Nhấn nút **Xác nhận lệnh** để qua màn hình nhập mã xác nhận
- Bước 4: Nhập mã xác nhận
- Bước 5: Xác nhận lệnh thành công màn hình popup thông báo chúc mừng giao dịch thành công

Xác nhận lệnh

Quý khách có chắc chắn muốn xác nhận các lệnh đã chọn?

Nhập mã KB OTP
 Lưu KB OTP

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

☒ Quý khách đã xác nhận lệnh thành công

5. Trái phiếu chuyển đổi

Để đăng ký chuyển đổi trái phiếu, Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán** chọn **Trái phiếu chuyển đổi**,

Bảng giá

Sao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiền ích

Đặt lệnh

Số lệnh

Đăng ký quyền mua

Xác nhận lệnh

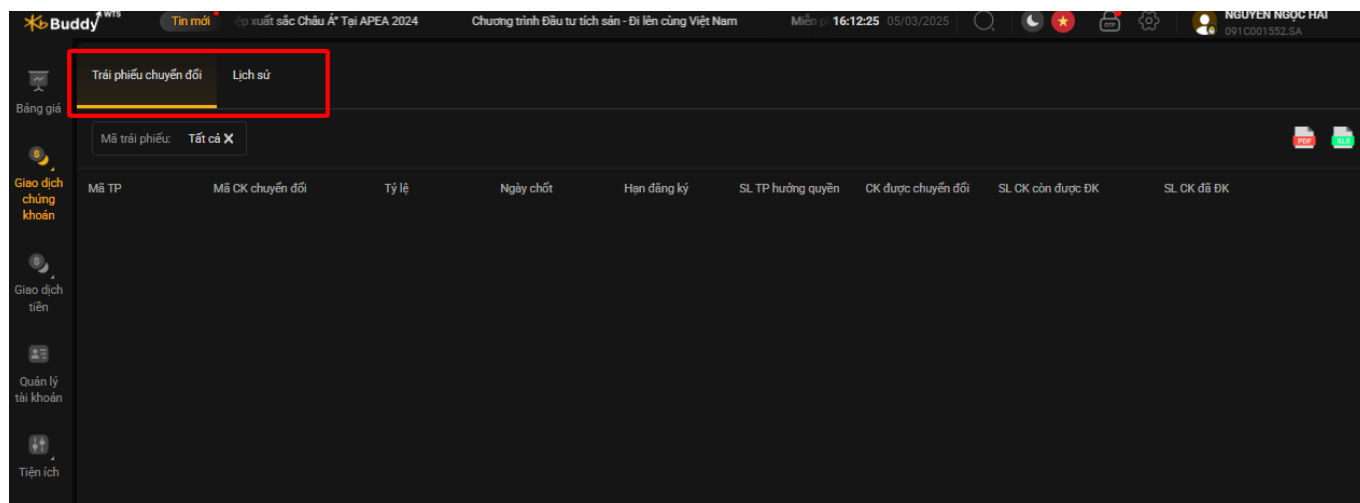
Trái phiếu chuyển đổi

Chuyển khoản chứng khoán

Tin mới
 Tin tức cùng Việt Nam
 Miễn phí phí sinh, tự tin giao dịch cùng KB Swing
 Chứng khoán KB Việt Nam
 16:11:19 05/03/2025

en đổi
 Tỷ lệ
 Ngày chốt
 Hạn đăng ký
 SL TP hưởng quyền
 CK được chuyển đổi
 SL CK còn được ĐK
 SL CK đã ĐK

Màn hình **Trái phiếu chuyển đổi** gồm **Trái phiếu chuyển đổi** và **Lịch sử** chuyển đổi trái phiếu:



5.1. Trái phiếu chuyển đổi

Khách hàng có thể đăng ký chuyển đổi trái phiếu trên webtrade tại mục **Trái phiếu chuyển đổi**

Để Đăng ký chuyển đổi trái phiếu, Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản có trái phiếu chuyển đổi, màn hình xuất hiện thông tin trái phiếu

Mã TP	Mã CK chuyển đổi	Tỷ lệ	Ngày chốt	Hạn đăng ký	SL TP hưởng quyền	SL quyền sở hữu	SL CK còn được ĐK	SL CK đã ĐK	
ACBH3235005	ACB	25%	22/12/2023	22/12/2023	1,000	32,600	1,000	0	Đăng ký
ACBH3235006	MBB	50%	22/12/2023	22/12/2023	500	22,200	400	100	Đăng ký
ACBH3235006	VCB	25%	10/08/2024	10/08/2024	200	94,500	200	0	Đăng ký
ACBH3235006	CTG	25%	10/08/2024	10/08/2024	10,000	32,200	10,000	0	Đăng ký

- Bước 2: Chọn trái phiếu muốn đăng ký chuyển đổi nhấn nút **Đăng ký** popup màn hình Chuyển đổi trái phiếu:
- Bước 3: Nhập số lượng trái phiếu đăng ký chuyển đổi (số lượng chuyển đổi phải nhỏ hơn hoặc bằng số lượng còn được đăng ký).

Chuyển đổi trái phiếu

Tiểu khoản

091C123456SA

Mã trái phiếu

ACBH3235005

Mã CK chuyển đổi

ACB

SL TP hưởng quyền

100

Ngày chốt

10/02/2023

Tỷ lệ

25%

SL CK đã đăng ký

200

SL còn được đăng ký

200

SL đăng ký chuyển đổi

200

Hủy

Đăng ký

[Quay về mục lục](#)

- Bước 4: Nhấn Đăng ký.
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận** để hoàn thành giao dịch

Xác nhận chuyển đổi trái phiếu

Tiểu khoản

091C123456SA

Mã trái phiếu

ACBH3235005

Mã CK chuyển đổi

ACB

SL TP hưởng quyền

100

Ngày chốt

10/02/2023

Tỷ lệ

25%

SL CK đã đăng ký

50

SL CK còn được đăng ký

100

SL đăng ký chuyển đổi

200

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

Xác nhận chuyển đổi trái phiếu

Tiểu khoản

091C123456SA

Mã trái phiếu

ACBH3235005

Mã CK chuyển đổi

ACB

SL TP hưởng quyền

100

Ngày chốt

10/02/2023

Tỷ lệ

25%

SL CK đã đăng ký

50

SL CK còn được đăng ký

100

SL đăng ký chuyển đổi

200

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

Gửi SMS OTP - Gửi Email OTP

Hủy

Xác nhận

- Bước 6: Chuyển đổi trái phiếu thành công hệ thống trả ra thông báo:



5.2. Lịch sử

Để xem Lịch sử đăng ký chuyển đổi trái phiếu, tại mục **Giao dịch/ Trái phiếu chuyển đổi** chọn tab **Lịch sử**.
Màn hình lịch sử chuyển đổi trái phiếu:

Trái phiếu chuyển đổi		Lịch sử			
Mã trái phiếu: Tất cả		Từ ngày: 28/07/2023	Đến ngày: 28/07/2023		
Mã TP	Ngày đăng ký	SL ĐK chuyển đổi	Giá trị	Trạng thái	
ACBH3235005	22/12/2023	1,000	12,320,460,500	Thành công	
ACBH3235006	22/12/2023	500	12,320,460,500	Thành công	
ACBH3235006	10/08/2024	200	94,500	Thành công	
ACBH3235006	10/08/2024	10,000	32,200	Chờ duyệt	

Khách hàng có thể lựa chọn xem lịch sử đăng ký quyền mua theo tiêu chí mong muốn tại **Bộ lọc**

[Quay về mục lục](#)

Trái phiếu chuyển đổi

Lịch sử

Mã trái phiếu: Tất cả

Từ ngày: 28/07/2023

Đến ngày: 28/07/2023

Mã TP	Ngày đăng ký	SL ĐK chuyển đổi	Giá trị	Trạng thái
ACBH3235005	22/12/2023	1,000	12,320,460,500	Thành công
ACBH3235006	22/12/2023	500	12,320,460,500	Thành công
ACBH3235006	10/08/2024	200	94,500	Thành công
ACBH3235006	10/08/2024	10,000	32,200	Chờ duyệt

6. Chuyển khoản chứng khoán

Tại cây thư mục webtrade Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán/ Chuyển khoản chứng khoán**:

Bảng giá		SL tự do CN	SL hạn chế CN	
Giao dịch chứng khoán	Đăng ký quyền mua	21,400	0	Chuyển khoản
	Xác nhận lệnh	1,500	0	Chuyển khoản
	Trái phiếu chuyển đổi	50	0	Chuyển khoản
	Chuyển khoản chứng khoán	300	0	Chuyển khoản
	BCG	900	2,000	Chuyển khoản
Giao dịch tiền	BCM	300	0	Chuyển khoản
	BCP	16,300	0	Chuyển khoản
	BOT	4,100	0	Chuyển khoản
Quản lý tài khoản	CEO	600	0	Chuyển khoản
	DCM	1,000	0	Chuyển khoản

Màn hình **Chuyển khoản chứng khoán** gồm: **Chuyển khoản chứng khoán**; **Lịch sử chuyển khoản chứng khoán**:

Chuyển khoản chứng khoán		Lịch sử	
Mã	SL tự do CN	SL hạn chế CN	
Δ 17	21,400	0	Chuyển khoản
Nộp tiền	1,500	0	Chuyển khoản
Chuyển tiền	50	0	Chuyển khoản
Ứng trước tiền bán	300	0	Chuyển khoản
Quét mã QR	900	2,000	Chuyển khoản
Hướng dẫn nộp tiền	300	0	Chuyển khoản
Báo cáo nộp rút	16,300	0	Chuyển khoản
BOT	4,100	0	Chuyển khoản
CEO	600	0	Chuyển khoản
DCM	1,000	0	Chuyển khoản

[Quay về mục lục](#)

6.1. Chuyển khoản chứng khoán

Để **Chuyển khoản chứng khoán**, tại cây thư mục webtrade chọn **Giao dịch chứng khoán/ Chuyển khoản chứng khoán**, tại màn hình **Chuyển khoản chứng khoán** chọn tab **Chuyển khoản chứng khoán**, Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản muốn chuyển chứng khoán đi, màn hình xuất hiện thông tin những mã chứng khoán có thể chuyển khoản.
- Bước 2: Chọn mã chứng khoán muốn chuyển, nhấn nút **Chuyển khoản** tại dòng chứng khoán muốn chuyển khoản chứng khoán, xuất hiện màn hình chuyển khoản chứng khoán.

- Bước 3: Nhập số thông tin tiểu khoản nhận; SL chứng khoán muốn chuyển

Chuyển khoản chứng khoán

Tiểu khoản chuyển

091C001552.SA

Tiểu khoản nhận *

091C001552.MA

Mã

A32

SL tự do CN

21,400

SL tự do CN chuyển *

Nhập số lượng

Hủy

Chuyển khoản

- Bước 4: nhấn nút **Chuyển khoản**, chuyển qua màn hình nhập thông tin xác thực

Xác nhận chuyển khoản chứng khoán

Tiểu khoản chuyển

091C123456MA

Tiểu khoản nhận

091C123456SA

Mã

AAA

SL tự do CN chuyển

200

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

Xác nhận chuyển khoản chứng khoán

Tiểu khoản chuyển

091C123456MA

Tiểu khoản nhận

091C123456SA

Mã

AAA

SL tự do CN chuyển

200

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

Gửi SMS OTP - Gửi Email OTP

Hủy

Xác nhận

- Bước 5: Nhập OTP và nhấn **Xác nhận**
- Bước 6: Chuyển khoản chứng khoán thành công trả ra thông báo

Quý khách đã chuyển khoản chứng khoán thành công

6.2. Lịch sử

Để xem **Lịch sử** chuyển khoản chứng khoán, tại cây thư mục webtrade Khách hàng chọn **Giao dịch chứng khoán/ Chuyển khoản chứng khoán/ Lịch sử** màn hình lịch sử chuyển khoản chứng khoán:

Chuyển khoản chứng khoán		Lịch sử				
Từ ngày: 28/07/2023 Đến ngày: 28/07/2023						
Ngày giao dịch	Mã	Tiểu khoản chuyển	Tiểu khoản nhận	SL tự do CN chuyển	Trạng thái	
23/12/2023	ACB	091C123456SA	091C123456MA	1,000	Thành công	
23/12/2023	MBB	091C123456SA	091C123456MA	500	Thành công	
23/12/2023	VCB	091C123456SA	091C123456MA	200	Chờ duyệt	
23/12/2023	CTG	091C123456SA	091C123456MA	20,000,000	Chờ duyệt	

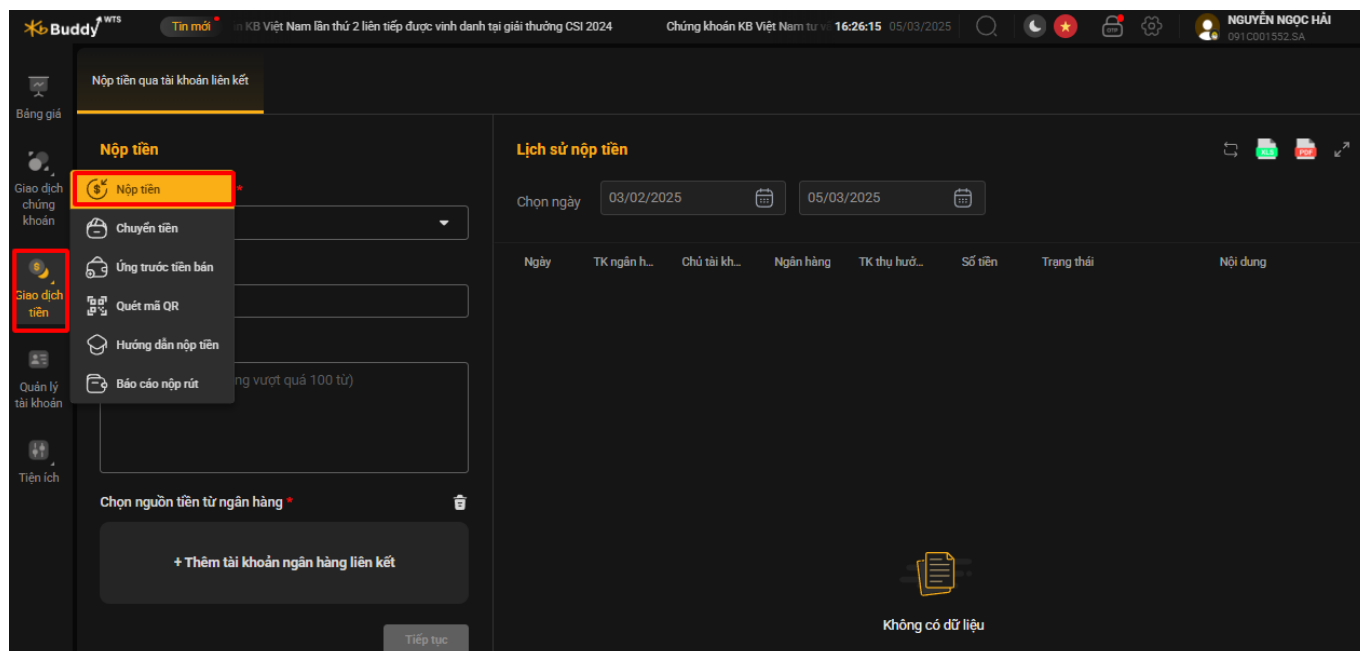
Tại màn hình lịch sử chuyển khoản chứng khoán khách hàng có thể chọn xem theo thời gian:

Chuyển khoản chứng khoán		Lịch sử				
23/02/2025 05/03/2025						
Ngày giao dịch	Mã	Tiểu khoản chuyển	Tiểu khoản nhận	SL tự do CN chuyển	Trạng thái	

[Quay về mục lục](#)

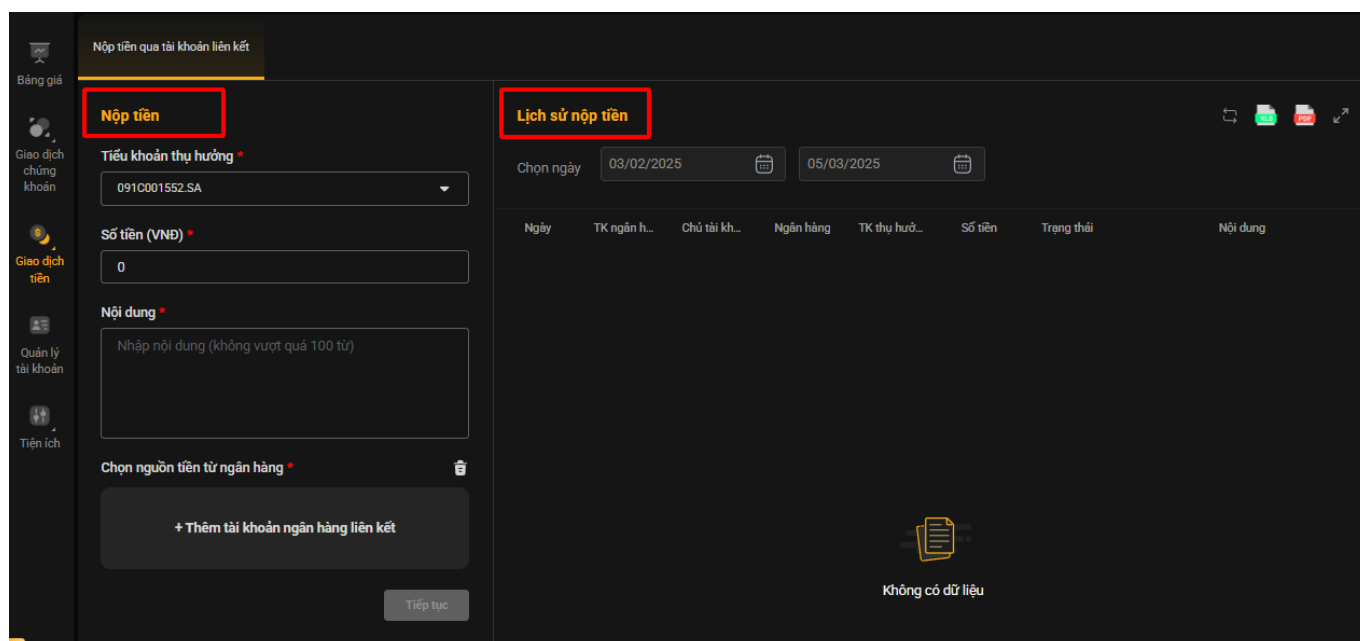
II. Giao dịch tiền

Tại khung menu của webtrade chọn mục **Giao dịch tiền**, mục giao dịch tiền gồm các mục: **Nộp tiền; Chuyển tiền; Ứng trước tiền bán; Quét mã QR; Hướng dẫn nộp tiền; Báo cáo nộp rút**



1. Nộp tiền

Tại mục **Giao dịch tiền** nhấn chọn **Nộp tiền**. Sẽ xuất hiện màn hình **Nộp tiền qua tài khoản liên kết** gồm có 02 tab: **Nộp tiền qua tài khoản liên kết; Lịch sử nộp tiền**:



1.1. Nộp tiền qua Tk liên kết

Tại mục **Giao dịch tiền/ Nộp tiền qua tài khoản liên kết** khách hàng chọn **Nộp tiền**:

Nộp tiền qua tài khoản liên kết

Nộp tiền

Tiểu khoản thụ hưởng *

091C123456SA

Số tiền (VNĐ) *

Nhập số tiền

Nội dung *

Nhập nội dung (không vượt quá 100 từ)

Chọn nguồn tiền từ ngân hàng *

BIDV

40054565123

VPB

1900123456

+ Thêm tài khoản ngân hàng liên kết

Tiếp tục

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày

12/12/2023

22/12/2023

Ngày	TK ngân hàng nộp	Chủ tài khoản	Ngân hàng	TK thụ hưởng
Không có dữ liệu				

❖ Liên kết tài khoản ngân hàng:

Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** Khách hàng có thể đăng ký mới hoặc đăng ký thêm tài khoản ngân hàng liên kết theo các bước:

- Bước 1: Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** chọn mục **Thêm tài khoản ngân hàng liên kết** chuyển sang màn hình **Liên kết tài khoản ngân hàng**

Nộp tiền qua tài khoản liên kết

Nộp tiền

Tiểu khoản thụ hưởng *

091C123456SA

Số tiền (VNĐ) *

Nhập số tiền

Nội dung *

Nhập nội dung (không vượt quá 100 từ)

Chọn nguồn tiền từ ngân hàng *

BIDV

40054565123

VPB

1900123456

+ Thêm tài khoản ngân hàng liên kết

Tiếp tục

Lịch sử nộp tiền

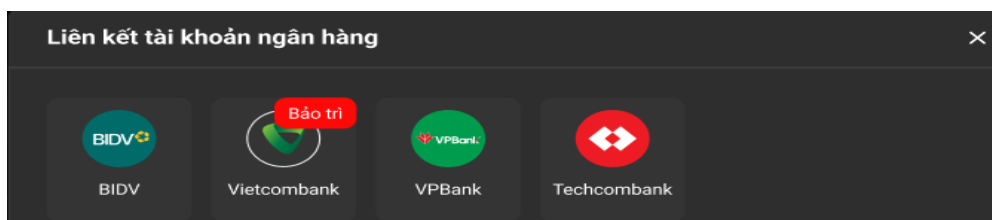
Chọn ngày

12/12/2023

22/12/2023

Ngày	TK ngân hàng nộp	Chủ tài khoản	Ngân hàng	TK thụ hưởng
Không có dữ liệu				

[Quay về mục lục](#)



- Bước 2: Lựa chọn Ngân hàng để đăng ký liên kết chuyển sang màn hình **Xác nhận thông tin khách hàng**
- Bước 3: Tại màn hình **Xác nhận thông tin khách hàng** tick chọn vào dòng "Tôi đã đọc và đồng ý với các điều khoản và điều kiện dịch vụ liên kết tài khoản giữa KBSV và Ngân Hàng"

Xác nhận thông tin khách hàng

Số tài khoản

091C123456

Tên khách hàng

Nguyễn Đăng Hoàng

Số CCCD/CMND

0123886578

Điện thoại

0938612022

Ngân hàng

BIDV

Tên, CCCD/CMND và số điện thoại chủ tài khoản tại KBSV phải trùng với thông tin đã đăng ký với ngân hàng BIDV. Vui lòng kiểm tra lại thông tin của quý khách, sau đó nhấn "Xác nhận" để thực hiện xác thực liên kết tài khoản trên website của BIDV.

☒

Tôi đã đọc và đồng ý với các Điều khoản và điều kiện dịch vụ liên kết tài khoản giữa KBSV và Ngân hàng.

Hủy

Xác nhận

- Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận**
- ❖ **Nộp tiền qua ngân hàng liên kết:**

Để nộp tiền qua TK liên kết, KH thực hiện các bước như sau:

- Bước 1: Lựa chọn "Tiểu khoản thụ hưởng" chọn tiểu khoản nộp tiền vào
- Bước 2: Điền thông tin "Số tiền nộp"
- Bước 3: Điền nội dung (Không bắt buộc)
- Bước 4: Chọn nguồn tiền từ ngân hàng

Nộp tiền qua tài khoản liên kết

Nộp tiền

Tiểu khoản thụ hưởng *

091C123456SA

Số tiền (VNĐ) *

Nhập số tiền

Nội dung *

Nhập nội dung (không vượt quá 100 từ)

Chọn nguồn tiền từ ngân hàng *

BIDV

BIDV

40054565123

VPB

VPB

1900123456

+ Thêm tài khoản ngân hàng liên kết

Nộp tiền qua tài khoản liên kết

Nộp tiền

Tiểu khoản thụ hưởng *

091C123456SA

Số tiền (VNĐ) *

10,000,000

Nội dung *

Chuyen tien cho Nguyen Van A

Chọn nguồn tiền từ ngân hàng *

BIDV

BIDV

40054565123

VPB

VPB

1900123456

+ Thêm tài khoản ngân hàng liên kết

Tiếp tục

- Bước 5: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình **Xác nhận thông tin nộp tiền**.

Xác nhận thông tin nộp tiền

1. Thông tin nộp tiền

Tài khoản ngân hàng

40054565123

Chủ tài khoản

Nguyễn Đăng Hoàng

Ngân hàng

BIDV

2. Thông tin thụ hưởng

Số TKCK nhận

091C123456SA

Ngày nhận

09/01/2023

Số tiền

150,000,000

(Một trăm năm mươi triệu đồng)

Nội dung

123456, Nguyen Dang Hoang, BIDV, chuyen tien TKCK ngay 09/01/2023 vao

Hủy

Xác nhận

Xác nhận thông tin nộp tiền

1. Thông tin nộp tiền

Tài khoản ngân hàng

40054565123

Chủ tài khoản

Nguyễn Đăng Hoàng

Ngân hàng

BIDV

2. Thông tin thụ hưởng

Số TKCK nhận

091C123456SA

Ngày nhận

09/01/2023

Số tiền

5,500,000

(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)

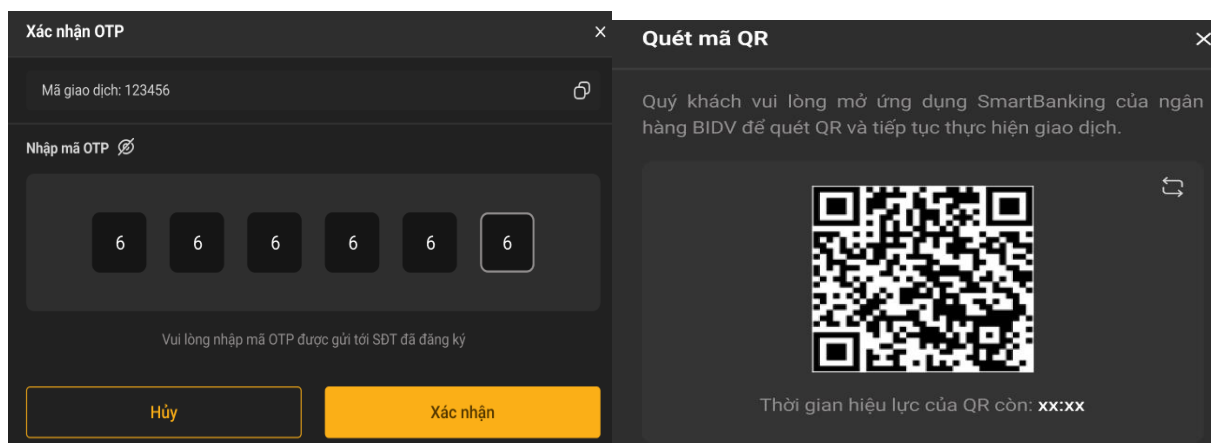
Nội dung

123456, Nguyen Dang Hoang, BIDV, chuyen tien TKCK ngay 09/01/2023 vao

Hủy

Xác nhận

- Bước 6: tại màn hình **Xác nhận thông tin nộp tiền** nhấn nút **Xác nhận** để chuyển sang màn hình xác thực thông tin yêu cầu nộp tiền từ tài khoản liên kết

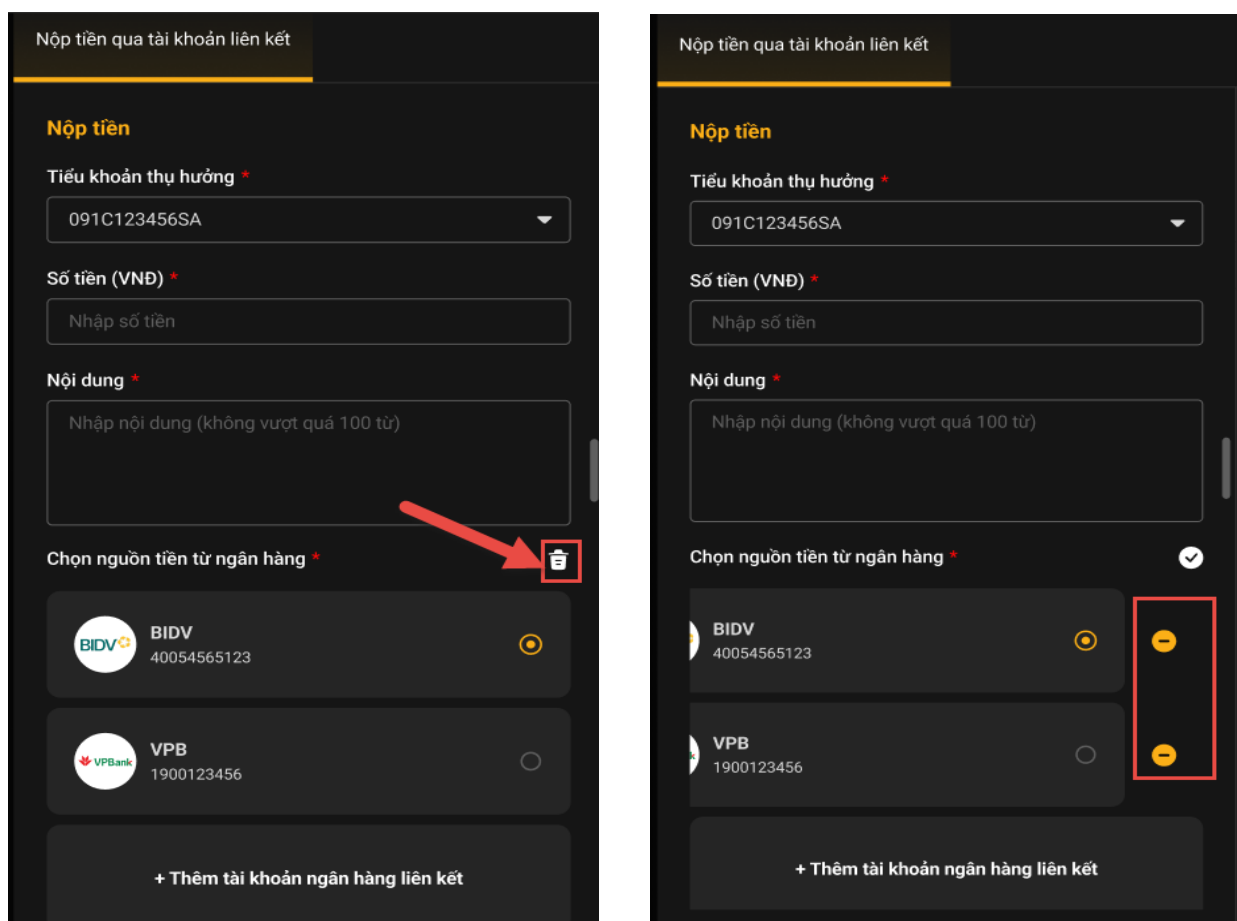


- Bước 7: Giao dịch thành công hệ thống trả ra thông báo:

❖ Hủy tài khoản ngân hàng liên kết

Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** Khách hàng có thể hủy đăng ký tài khoản ngân hàng liên kết theo các bước:

- Bước 1: Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** chọn mục biểu tượng xóa tại dòng **Chọn nguồn tiền** từ ngân hàng xuất hiện biểu tượng **Hủy liên kết**



- Bước 2: Nhấn chọn biểu tượng **Hủy liên kết** chuyển sang màn hình xác nhận **Hủy liên kết**
- Bước 3: Tại màn hình **Hủy liên kết ngân hàng** nhấn nút **Xác nhận**

➤ [Quay về mục lục](#)

➤ Bước 4: Hủy liên kết thành công hệ thống trả ra thông báo:



Nộp tiền qua tài khoản liên kết

Nộp tiền

Tiểu khoản thụ hưởng *

091C123456SA

Số tiền (VND) *

10,000,000

Nội dung *

Chuyen tien cho Nguyen Van A

Chọn nguồn tiền từ ngân hàng *

BIDV

40054565123

VPB

1900123456

+ Thêm tài khoản ngân hàng liên kết

TIẾP TỤC

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày

12/12/2023

22/12/2023

Ngày	TK ngân hàng nộp	Chủ tài khoản	Ngân hàng	TK thụ hưởng	Số tiền	Trạng thái	Nội dung
12/01/2024	19035288535018	Nguyễn Thị Văn Anh	Techcombank	091C123456SA	100,000,000,000	Đang xử lý	Tiền m
12/01/2024	40054565123	Phạm Văn Nam	Vietcombank	091C123456SA	500,000	Thất bại	Tiền m
12/01/2024	40054565123	Trần Thị Nữ	BIDV	091C123456MA	100,000	Hoàn tất	Tiền m
12/01/2024	18231235	Lê Ngọc Bảo Ngân	VPBank	091C123456MA	1,000,000	Hoàn tất	Tiền m

Quay về mục lục

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày

12/12/2023

22/12/2023

Ngày	TK ngân hàng nộp	Chủ tài khoản	Ngân hàng	TK thụ hưởng	Số tiền	Trạng thái	Nội dung
12/01/2024	19035288535018	Nguyễn Thị Vân Anh	Techcombank	091C123456SA	100,000,000,000	Đang xử lý	Tiền m
12/01/2024	40054565123	Phạm Văn Nam	Vietcombank	091C123456SA	500,000	Thất bại	Tiền m
12/01/2024	40054565123	Trần Thị Nữ	BIDV	091C123456MA	100,000	Hoàn tất	Tiền m
12/01/2024	18231235	Lê Ngọc Bảo Ngân	VPBank	091C123456MA	1,000,000	Hoàn tất	Tiền m

2. Chuyển tiền

Tại mục **Giao dịch tiền** chọn mục **Chuyển tiền** chuyển sang màn hình bao gồm các mục chuyển tiền: **Chuyển tiền** và **Đăng ký người thụ hưởng**:

Chuyển tiền

Đăng ký người thụ hưởng

Chuyển tiền nội bộ

Chuyển tiền ngân hàng

Tiểu khoản chuyển *

091C004111.SA KB FINA

Tiểu khoản nhận *

Chọn

Số tiền (VNĐ) *

0

Nội dung

Nhập nội dung (không vượt quá 100 từ)

Chuyển tiền

Thông tin tiểu khoản chuyển

Tiền mặt

14,961,577

Tiền ứng

0

Số tiền tối đa được chuyển

48,408

2.1. Chuyển tiền

- Tại màn hình **chuyển tiền** sẽ bao gồm: Chuyển tiền nội bộ và Chuyển tiền ngân hàng.

❖ **Chuyển tiền nội bộ**

Chuyển tiền nội bộ là giao dịch mà Khách hàng có thể chuyển tiền giữa các tiểu khoản của tài khoản. Màn hình chuyển tiền nội bộ bao gồm: **Chuyển tiền nội bộ** và **Thông tin tiểu khoản chuyển**

68

- Bước 5: Nhấn **Chuyển khoản** sẽ chuyển sang màn hình xác nhận giao dịch chuyển tiền

Xác nhận chuyển tiền nội bộ

Tiểu khoản nhận

091C123456SA

Số tiền

10,000,000

Nội dung

123456, Nguyen Dang Hoang, BIDV, chuyển tiền TKCK ngay 09/01/2023 vào tài khoản.

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

Hủy

Xác nhận

Xác nhận chuyển tiền nội bộ

Tiểu khoản nhận

091C123456SA

Số tiền

10,000,000

Nội dung

123456, Nguyen Dang Hoang, BIDV, chuyển tiền TKCK ngay 09/01/2023 vào tài khoản.

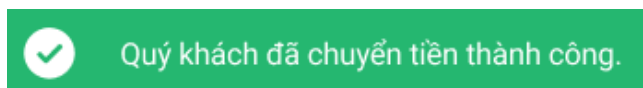
Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Hủy

Xác nhận

- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**,
- Bước 7: Chuyển tiền thành công trả ra thông báo:



2.2. Chuyển tiền ngân hàng

Màn hình chuyển tiền ra Ngân hàng bao gồm: Chuyển tiền ra Ngân Hàng; Thông tin tiểu khoản chuyển; Thông tin tài khoản thụ hưởng

Chuyển tiền

Đăng ký người thụ hưởng

Bảng giá

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiện ích

Chuyển tiền nội bộ

Chuyển tiền ngân hàng

Tiểu khoản chuyển *

091C001552.SA

Tài khoản thụ hưởng *

Chọn

Số tiền (VNĐ) *

0

Nội dung

Nhập nội dung (không vượt quá 100 từ)

Chuyển tiền

Thông tin tiểu khoản chuyển

Tiền mặt

83,229,915,361

Tiền ứng

0

Số tiền tối đa được chuyển

83,229,915,361

Phí chuyển tiền

-

Thông tin tài khoản thụ hưởng

Tài khoản thụ hưởng

Tên người thụ hưởng

Ngân hàng thụ hưởng

Lưu ý

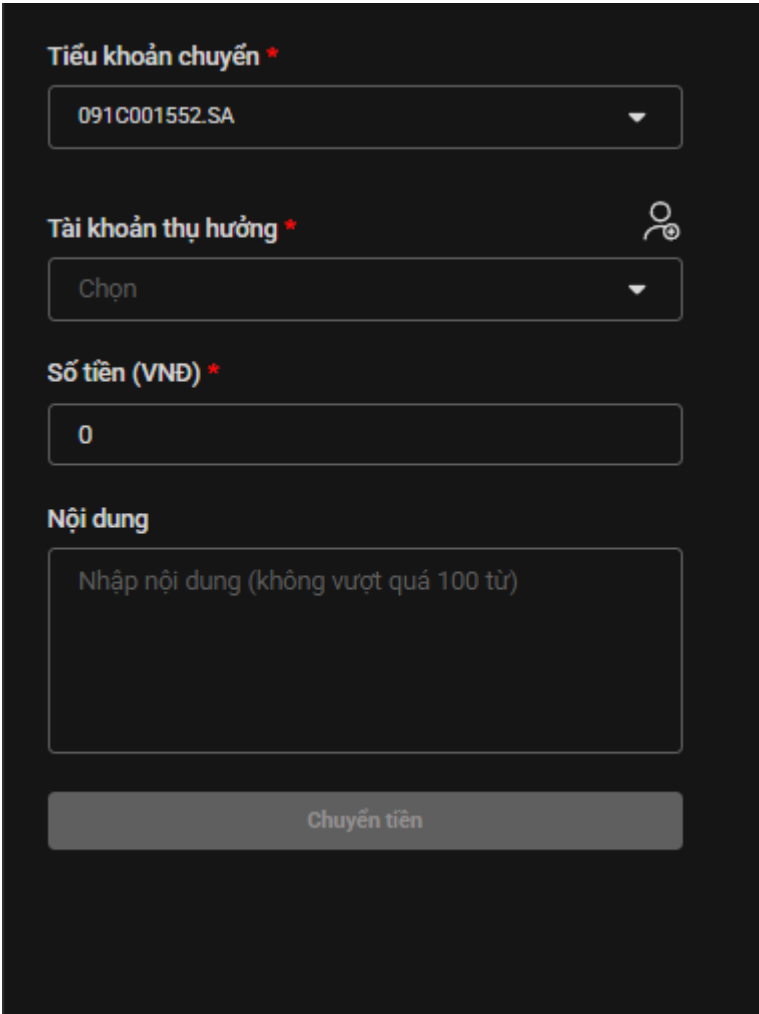
- Số tiền chuyển tối thiểu 100.000 VNĐ.
- Hạn mức/ngày: 5.000.000 VNĐ.
- Phí chuyển tiền:
 - Sang BIDV/MSB/VPB/VCB/TCB/VietinBank: 5.500 VNĐ/giao dịch.
 - NH khác: 13.200 VNĐ/giao dịch (số tiền < 500.000.000 VNĐ); 0,044% giá trị giao dịch (số tiền >= 500.000.000 VNĐ) tối đa 1.100.000 VNĐ.
- Thời gian giao dịch: chuyển ra BIDV/MSB/VPB/VCB/TCB/ VietinBank 24/7, các ngân hàng khác có kết nối NAPAS giá trị <= 500.000.000 24/7, còn lại 9h00-15h30.

[Quay về mục lục](#)

❖ Chuyển tiền Ngân hàng

Khách hàng có thể chuyển tiền tới các tài khoản ngân hàng đã đăng kí người thụ hưởng với KBSV

Để thực hiện giao dịch **Chuyển Tiền Ngân Hàng**, tại màn hình **Giao dịch tiền** chọn **Chuyển Tiền Ngân Hàng**



Tiểu khoản chuyển *

091C001552.SA ▼

Tài khoản thụ hưởng * 

Chọn ▼

Số tiền (VNĐ) *

0

Nội dung

Nhập nội dung (không vượt quá 100 từ)

Chuyển tiền

Để chuyển tiền ra ngân hàng Khách hàng thực hiện theo các bước:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản chuyển.
- Bước 2: Chọn tài khoản thụ hưởng đã đăng ký với KBSV.
- Bước 3: Nhập số tiền muốn chuyển dựa theo số dư tại thông tin tiểu khoản chuyển.

Thông tin tiểu khoản chuyển

Tiền mặt	83,229,915,361
Tiền ứng	0
Số tiền tối đa được chuyển	83,229,915,361
Phí chuyển tiền	-

Thông tin tài khoản thụ hưởng

Tài khoản thụ hưởng
Tên người thụ hưởng
Ngân hàng thụ hưởng

Lưu ý

- Số tiền chuyển tối thiểu 100.000 VNĐ.
- Hạn mức/ngày: 5.000.000.000 VNĐ.
- Phí chuyển tiền:
 - Sang BIDV/MSB/VPB/VCB/TCB/VietinBank: 5.500 VNĐ/giao dịch.
 - NH khác: 13.200 VNĐ/giao dịch (số tiền < 500.000.000 VNĐ); 0,044% giá trị giao dịch (số tiền >= 500.000.000 VNĐ) tối đa 1.100.000 VNĐ.
- Thời gian giao dịch: chuyển ra BIDV/MSB/VPB/VCB/TCB/ VietinBank 24/7, các ngân hàng khác có kết nối NAPAS giá trị <= 500.000.000 24/7, còn lại 9h00-15h30.

- Bước 4: Nhập ghi chú chuyển tiền (nếu có)
- Bước 5: Nhấn **Chuyển khoản** hiển thị thông báo xác nhận chuyển.
- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 7: Chuyển tiền thành công trả ra thông báo:

Xác nhận chuyển tiền ra ngân hàng

Tài khoản thụ hưởng
MARITIME BANK
- NH TMCP HANG HAI VIET NAM
(MSB) -

Số tiền
100,000,000

Nội dung

Nhập mã OTP
Phương thức gửi OTP mặc định EMAIL

|

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút
[Gửi lại SMS OTP](#) - [Gửi lại Email OTP](#)

Hủy

Xác nhận

Quý khách đã chuyển tiền thành công.

2.3. Đăng ký người thụ hưởng

Khách hàng có thể đăng ký người thụ hưởng (cùng chủ tài khoản) trên hệ thống online của KBSV.

Để đăng ký tài khoản thụ hưởng phục vụ việc chuyển tiền ra Ngân Hàng của Khách hàng thực hiện theo cách thức sau:

- Cách 1: Đăng ký tại màn hình Chuyển tiền ngân hàng nhấn chọn biểu tượng  để chuyển sang màn hình đăng ký người thụ hưởng.

- Cách 2: Nhấn chọn Đăng ký người thụ hưởng tại mục Chuyển tiền

[Quay về mục lục](#)

❖ Đăng ký người thụ hưởng

Để **Đăng ký người thụ hưởng** Khách hàng thực hiện theo các bước

- Bước 1: Tên người thụ hưởng được hệ thống điền sẵn là tên của Khách hàng
- Bước 2: Nhập số tài khoản người thụ hưởng,
- Bước 3: Chọn Ngân hàng thụ hưởng; Chọn chi nhánh Ngân Hàng thụ hưởng; Chọn tỉnh/Thành phố; Nhập tên gợi ý
- Bước 4: Nhấn xác nhận để chuyển sang form xác nhận đăng ký người thụ hưởng
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 6: Đăng ký người thụ hưởng thành công trả ra thông báo

Xác nhận đăng ký người thụ hưởng

TK thụ hưởng

1112345123

Ngân hàng

AB BANK - NH TMCP AN BINH (ABB)

Chi nhánh

AB BANK BA RIA VUNG TAU

Tỉnh/ Thành phố

Bà Rịa Vũng Tàu

Tên gợi ý

DatPham

Nhập mã SMS OTP

6

6

6

6

6

6

Quý khách vui lòng click vào đây để nhận OTP qua tin nhắn SMS.

Hủy

Xác nhận

✓ Quý khách đã đăng ký người thụ hưởng thành công.

❖ Danh sách người thụ hưởng

Để xem danh sách người thụ hưởng tại màn hình **Đăng ký người thụ hưởng** chọn tab **Danh sách người thụ hưởng**

Chuyển tiếp

Đăng ký người thụ hưởng

Đăng ký người thụ hưởng

Người thụ hưởng*

NGUYEN NGOC HAI

Tài khoản thụ hưởng*

Nhập số tài khoản

Ngân hàng thụ hưởng*

Chi nhánh*

Tỉnh/ Thành phố*

Nhập tỉnh/ thành phố

Tên gợi ý*

Nhập tên gợi ý

Xác nhận

Danh sách người thụ hưởng

Tên gợi ý	Người thụ hưởng	TK thụ hưởng	Ngân hàng	Chi nhánh	Tỉnh/ Thành phố
		03101014520878	MARITIME BANK - NH T	MARITIME BANK CN DC	HA NOI
		1111111111111111111	ACB - NH TMCP A CHAI	ACB BAC NINH	QUAN BA DINH
Uuu		3464646	ANZ - NH TNHH MTV A	ANZ HO CHI MINH (HC)	Yyy
		KBSV091C023398SA	BIDV - NH DAU TU VA P	BIDV HA NOI (HN)	HA NOI
		130645364	VPBANK - NH TMCP VII	VPBANK HO CHI MINH	Hồ Chí Minh

Màn hình **Danh sách người thụ hưởng** hiển thị toàn bộ danh sách tài khoản thụ hưởng mà khách hàng đã đăng ký với KBSV.

Để xóa tài khoản thụ hưởng đã đăng ký với KBSV,

- Bước 1: tại **Danh sách người thụ hưởng** chọn tài khoản mà khách hàng muốn xóa sẽ xuất hiện nút **Xóa người thụ hưởng**

- Bước 2: Nhấn nút **Xóa người thụ hưởng**
- Bước 3: Màn hình xác nhận **Xóa tài khoản thụ hưởng** xuất hiện

➤ Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận** để xóa thành công tài khoản thụ hưởng.

Để vào mục **Ứng trước tiền bán** mục **Giao dịch tiền** chọn **Ứng trước tiền bán** chuyển sang màn hình **Ứng trước tiền bán**: gồm 02 tab: **Ứng trước tiền bán** và **Lịch sử ứng trước tiền bán**

[Quay về mục lục](#)

3.1. Ứng trước tiền bán

❖ Ứng trước từng lần

Đối với trường hợp tiểu khoản không đăng ký ứng trước tự động, Khách hàng có thể tự ứng trước tiền bán với số tiền và phí ứng trước tiền bán theo quy định của KBSV.

Để tự ứng trước tiền bán Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Tại màn hình **Ứng trước tiền bán** chọn tiểu khoản thực hiện ứng trước tiền bán. Với những tiểu khoản đăng ký ứng trước tự động, chức năng này chỉ dành cho việc tra cứu thông tin đã ứng trước tự động.
- Bước 2: Nhập số tiền muốn ứng (số tiền ứng không được lớn hơn tiền ứng chứng khoán tối đa). Khách hàng có thể nhập số tiền vào 1 trong 02 mục **Số tiền ứng trước** hoặc mục **Số tiền thực nhận**, hệ thống tự động tính **Phí ứng trước** theo quy định và tự động điền số tiền vào mục còn lại (Số tiền thực nhận = Số tiền ứng trước – Phí ứng trước)
- Bước 3: Nhấn nút **Ứng trước tiền bán** xuất hiện form **Xác nhận ứng trước tiền bán**.
- Bước 4: tại màn hình **Xác nhận ứng trước tiền bán** nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**

Ứng trước tiền bán

Tiểu khoản ứng *

091C001552.SA

Tiền chờ về 0

Tiền đã ứng 0

Tiền có thể ứng 0

Số tiền (VNĐ) *

0

- Ứng bán ngày - 04/03/2025 0
- Ứng bán ngày - 05/03/2025 0
- Ứng bán ngày - 06/03/2025 0

Tổng phí ứng 0

Tiền thực nhận 0

Tiếp tục

Xác nhận ứng trước tiền bán

Tiểu khoản 091C123456SA

Số tiền 50,000,000

Phí ứng 10,000

Số tiền thực nhận 49,990,000

Nhập mã KB OTP

6

6

6

6

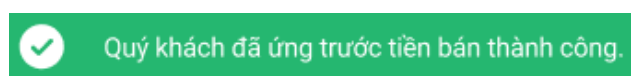
6

6

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy Xác nhận

- Bước 5: Ứng trước tiền bán thành công trả ra thông báo



[Quay về mục lục](#)

❖ Ứng trước tự động

Là một dịch vụ ưu việt của KBSV nhằm cung cấp tiện ích cho Khách hàng trong việc sử dụng tối ưu số tiền bán chứng khoán chờ về. Hệ thống sẽ tự động tính toán số tiền bán chờ về mà khách hàng có thể sử dụng và cộng ngay vào sức mua để Khách hàng đặt lệnh. Khách hàng đã đăng ký dịch vụ ứng trước tự động thì sẽ không phải thực hiện ứng trước từng lần mà hệ thống sẽ tự động ứng trước

Ứng trước tiền bán

Ứng trước tiền bán

Tiểu khoản ứng *
091C123456SA

Tiền chờ về	100,000,000
Tiền đã ứng	1,000,000
Tiền có thể ứng	99,000,000
• Ứng bán ngày - 12/03/2024	30,000,000
• Ứng bán ngày - 13/03/2024	20,000,000

*Tiểu khoản đã đăng ký ứng trước tự động

3.2. Lịch sử ứng trước tiên bán

Để tra cứu **Lịch sử ứng trước tiên bán** tại màn hình **Ứng trước tiên bán** chọn tab **Lịch sử**:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản muốn tra cứu
- Bước 2: Chọn khoảng thời gian muốn tra cứu màn hình thông tin lịch sử ứng trước tiền bản với các thông tin đã lọc

Lịch sử ứng trước tiền bán

Chọn ngày

05/02/2025



07/03/2025





Ngày bán	Ngày ứng	Số ngày ứng	Số tiền bán	Số tiền ứng	Phí ứng	tiền thực nhận	Trạng thái	Kênh GD
----------	----------	-------------	-------------	-------------	---------	----------------	------------	---------

4. Quét mã QR

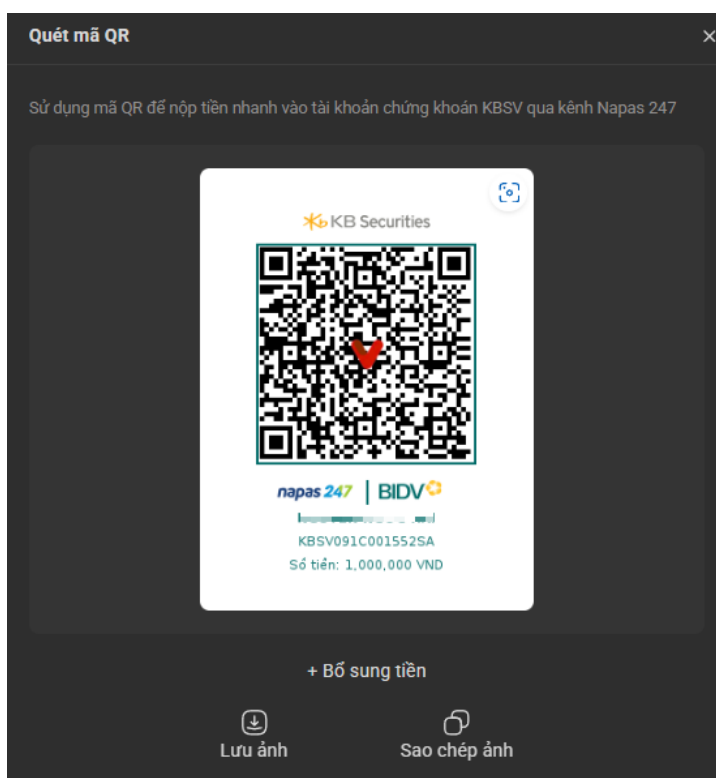
Quét mã QR là công cụ giúp khách hàng trong việc nộp tiền vào tài khoản chứng khoán nhanh và dễ dàng hơn. Tại mục **Giao dịch tiền** chọn **Quét mã QR**. Màn hình **Quét mã QR** xuất hiện:

Quay về mục lục

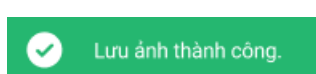
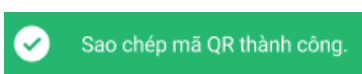


Để sử dụng quét mã QR nộp tiền vào tài khoản chứng khoán khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Tại mục **Giao dịch tiền** chọn **Quét mã QR** xuất hiện màn hình **Quét mã QR**
- Bước 2: Tại màn hình **Quét mã QR** chọn **Bổ sung tiền**, khách hàng nhập thông tin số tiền cần nộp, nội dung
- Bước 3: Nhấn nút **Tạo mã** hệ thống sẽ tạo 1 mã QR



- Bước 4: Tại mã QR vừa tạo khách hàng chọn lưu ảnh hoặc sao chép ảnh để sử dụng cho việc nộp tiền vào tài khoản chứng khoán
- Bước 5: Lưu ảnh/ Sao chép ảnh thành công hệ thống trả ra thông báo:

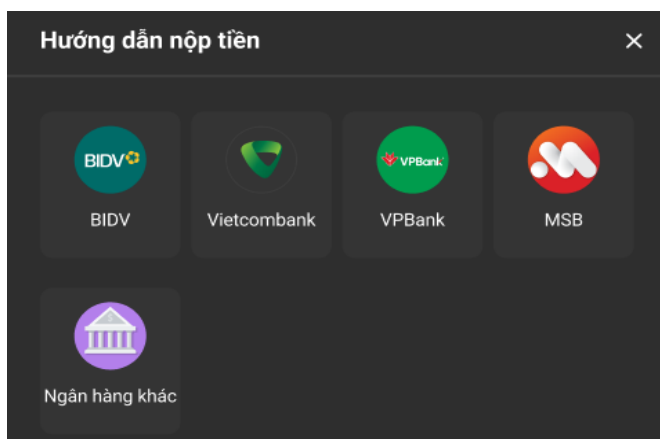


5. Hướng dẫn nộp tiền

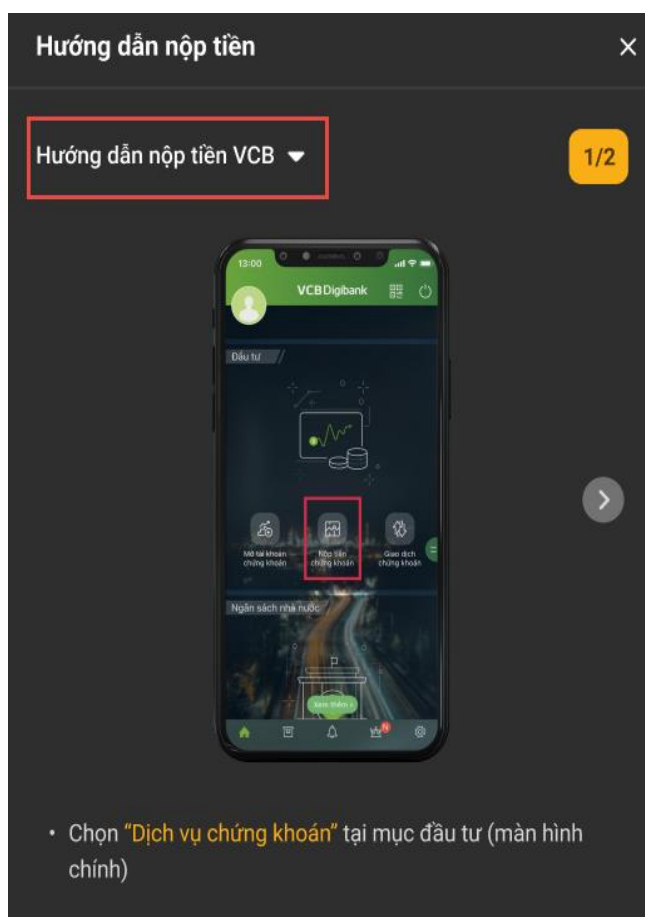
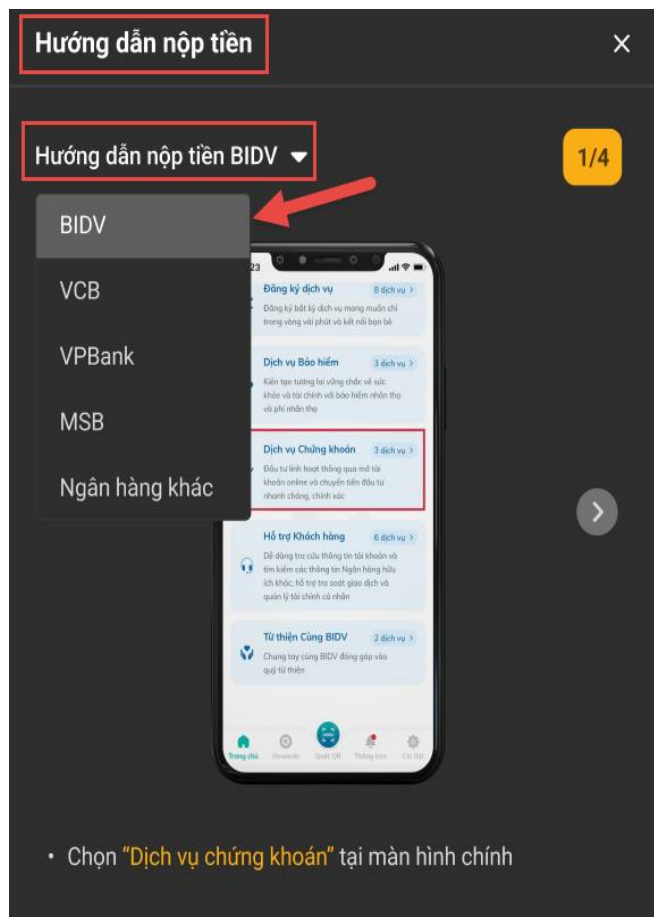
Tại màn hình mục **Giao dịch tiền** chọn **Hướng dẫn nộp tiền**

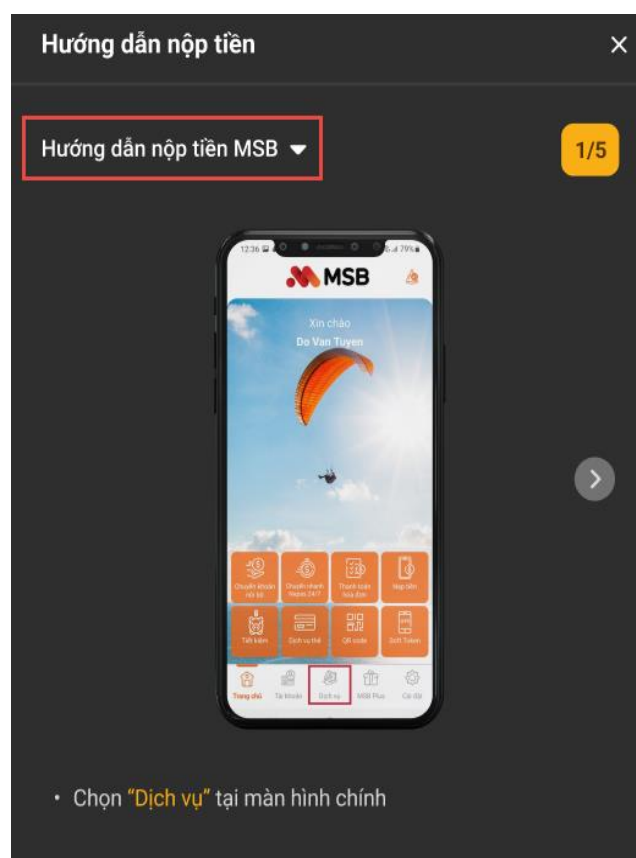
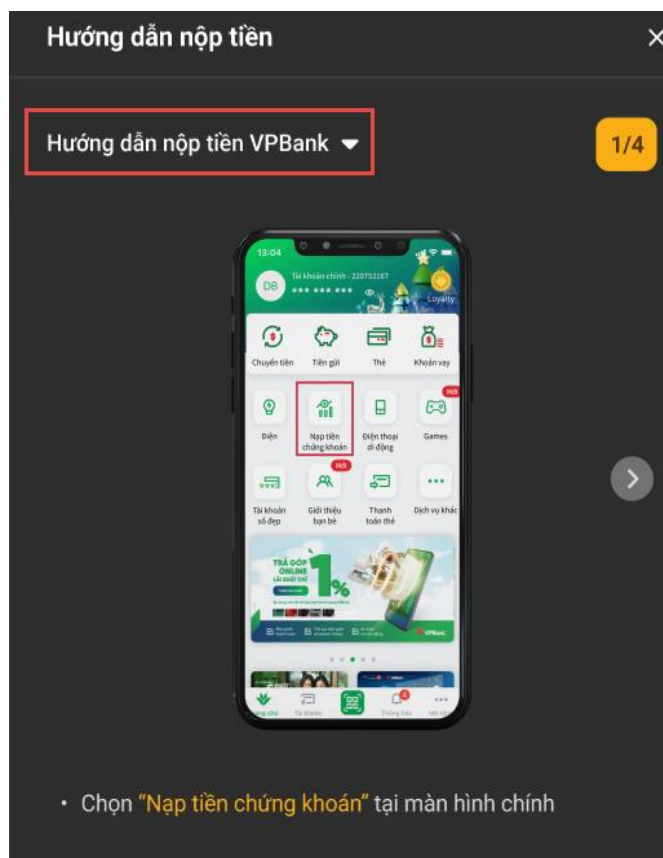
[Quay về mục lục](#)

Màn hình **Hướng dẫn nộp tiền** có biểu tượng ngân hàng có hướng dẫn chi tiết và hướng dẫn chung với tất cả các ngân hàng



Nộp tiền trực tiếp tại app: đối với các Ngân hàng: BIDV; VCB; VPB; MSB: Khách hàng chọn trực tiếp vào biểu tượng Ngân hàng sẽ có hướng dẫn chi tiết





❖ Hướng dẫn nạp tiền tại Ngân hàng khác

Hướng dẫn nạp tiền

Hướng dẫn nạp tiền ngân hàng khác

- Đăng nhập vào màn hình app/ trang web của ngân hàng để nạp tiền vào tài khoản chứng khoán
- Nhập thông tin người thụ hưởng hoặc quét mã QR

Nhập thông tin người thụ hưởng

 - Tài khoản thụ hưởng: <KBSV + Số tài khoản chứng khoán + Tên tiểu khoản>

KBSV091C123456SA

KBSV091C123456MA

*SA: Tiểu khoản thường *MA: Tiểu khoản ký quỹ

 - Ngân hàng thụ hưởng: <Chọn Ngân hàng BIDV>
 - Họ tên người thụ hưởng: <Tự động hiện>
 - Số tiền: Nhập số tiền cần chuyển

Quét mã QR
- Nhập OTP và xác nhận giao dịch

[Quay về mục lục](#)

III. Quản lý tài khoản

Quản lý tài khoản bao gồm ba tab: **Danh mục**, **Báo cáo tài sản**, **Tổng tài sản**

Danh mục													
Tổng giá trị vốn: 14,494,676,240				Tổng giá trị thị trường: 15,396,284,000				Tổng lãi/lỗ: 27,732,260		Tổng % lãi/lỗ : 6.22%		Bán nhiều mã	
Mã	Tổng KL	Khả dụng	Quyền	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/lỗ	%Lãi/lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Tỷ trọng
DCM	1,000	1,000	0	30,075	35,700	30,075,000	35,700,000	5,625,000	18.7%	0	0	0	0.23%
DIG	130	60	70	12,018	20,050	1,562,340	2,606,500	1,044,160	66.83%	0	0	0	0.02%
HCM	349,550	344,250	0	29,305	32,550	10,243,562,750	11,377,852,500	1,134,289,750	11.07%	1,300	0	4,000	73.9%
HPG	1,680	1,680	0	25,661	28,200	43,110,480	47,376,000	4,265,520	9.89%	0	0	0	0.31%
HUT	135,200	115,100	0	15,740	15,500	2,128,048,000	2,095,600,000	-32,448,000	-1.52%	1,000	9,000	10,100	13.61%
MBB	700	500	200	10,739	24,400	7,517,300	17,080,000	9,562,700	127.21%	0	0	0	0.11%
NVL	300	300	0	22,133	10,400	6,639,900	3,120,000	-3,519,900	-53.01%	0	0	0	0.02%
SHS	2,900	2,900	0	8,964	17,400	25,995,600	50,460,000	24,464,400	94.11%	0	0	0	0.33%
SSI	10,950	6,800	0	22,741	26,900	249,013,950	294,555,000	45,541,050	18.29%	0	0	0	1.91%
TNG	7,300	7,300	0	76,458	17,200	558,143,400	125,560,000	-432,583,400	-77.5%	0	0	0	0.82%
VHC	20	20	0	66,199	71,100	1,323,980	1,422,000	98,020	7.4%	0	0	0	0.01%
VHM	320	320	0	39,562	43,600	12,659,840	13,952,000	1,292,160	10.21%	0	0	0	0.09%
VND	23,100	11,550	11,550	5,513	13,800	127,350,300	318,780,000	191,429,700	150.32%	0	0	0	2.07%
Phân bố danh mục													
A14 0.34 % BOG 0.15 % DCM 0.23 % MBB 0.11 % VHC 0.01 % A32 4.54 % BCM 0.15 % DIG 0.02 % NVL 0.02 % VHM 0.09 % AAA 0.08 % BCP 1.15 % HCM 73.9 % SHS 0.33 % VND 2.07 % AAT 0 % BOT 0.07 % HPG 0.31 % SSI 1.91 % AGR 0.04 % CEO 0.06 % HUT 13.61 % TNG 0.82 %													
Đặt lệnh nhanh - F2 091C001552.SA Tài sản Danh mục Sổ lệnh													

1. Danh mục

Danh mục bao gồm các tab: **Danh mục**; **Phân bố danh mục**

[Quay về mục lục](#)

Danh mục

Báo cáo tài sản

Tổng tài sản

Danh mục

Tổng giá trị vốn: 14,494,676,240

Tổng giá trị thị trường: 15,396,284,000

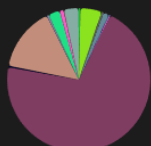
Tổng lãi/lỗ: 27,732,260

Tổng % lãi/lỗ : 6.22%

Bán nhiều mã

Mã	Tổng KL	Khả dụng	Quyền	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/lỗ	%Lãi/lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Tỷ trọng
DCM	1,000	1,000	0	30,075	35,700	30,075,000	35,700,000	5,625,000	18.7%	0	0	0	0.23%
DIG	130	60	70	12,018	20,050	1,562,340	2,606,500	1,044,160	66.83%	0	0	0	0.02%
HCM	349,550	344,250	0	29,305	32,550	10,243,562,750	11,377,852,500	1,134,289,750	11.07%	1,300	0	4,000	73.9%
HPG	1,680	1,680	0	25,661	28,200	43,110,480	47,376,000	4,265,520	9.89%	0	0	Mua	Bán
HUT	135,200	115,100	0	15,740	15,500	2,128,048,000	2,095,600,000	-32,448,000	-1.52%	1,000	9,000	10,100	13.61%
MBB	700	500	200	10,739	24,400	7,517,300	17,080,000	9,562,700	127.21%	0	0	0	0.11%
NVL	300	300	0	22,133	10,400	6,639,900	3,120,000	-3,519,900	-53.01%	0	0	0	0.02%
SHS	2,900	2,900	0	8,964	17,400	25,995,600	50,460,000	24,464,400	94.11%	0	0	0	0.33%
SSI	10,950	6,800	0	22,741	26,900	249,013,950	294,555,000	45,541,050	18.29%	0	0	0	1.91%
TNG	7,300	7,300	0	76,458	17,200	558,143,400	125,560,000	-432,583,400	-77.5%	0	0	0	0.82%
VHC	20	20	0	66,199	71,100	1,323,980	1,422,000	98,020	7.4%	0	0	0	0.01%
VHM	320	320	0	39,562	43,600	12,659,840	13,952,000	1,292,160	10.21%	0	0	0	0.09%
VND	23,100	11,550	11,550	5,513	13,800	127,350,300	318,780,000	191,429,700	150.32%	0	0	0	2.07%

Phân bố danh mục



A14 0.34 %

BCG 0.15 %

DCM 0.23 %

MBB 0.11 %

VHC 0.01 %

A32 4.54 %

BCM 0.15 %

DIG 0.02 %

NVL 0.02 %

VHM 0.09 %

AAA 0.08 %

BCP 1.15 %

HCM 73.9 %

SHS 0.33 %

VND 2.07 %

AAT 0 %

BOT 0.07 %

HPG 0.31 %

SSI 1.91 %

AGR 0.04 %

CEO 0.06 %

HUT 13.61 %

TNG 0.82 %

1.1. Danh mục

Tại tab **Danh mục** chọn **Danh mục**: Thông tin danh mục chứng khoán sở hữu của Khách hàng theo tiểu khoản:

Bao gồm:

- Tất cả các mã chứng khoán hiện có trên tiểu khoản
- Tổng giá trị của tất cả các mã chứng khoán trên tiểu khoản
- Tài sản ròng của tiểu khoản
- Lãi/ lỗ tạm tính của tổng các mã chứng khoán đang có trên tiểu khoản
- Chi tiết từng mã chứng khoán hiện có trên tiểu khoản.

[Quay về mục lục](#)

Danh mụcBáo cáo tài sảnTổng tài sản

Danh mục

Tổng giá trị vốn: 14,494,676,240

Tổng giá trị thị trường: 15,396,284,000

Tổng lãi/lỗ: 27,732,260

Tổng % lãi/lỗ : 6.22%

Bán nhiều mã

Mã	Tổng KL	Khả dụng	Quyền	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/lỗ	%Lãi/lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Tỷ trọng
DCM	1,000	1,000	0	30,075	35,700	30,075,000	35,700,000	5,625,000	18.7%	0	0	0	0.23%
DIG	130	60	70	12,018	20,050	1,562,340	2,606,500	1,044,160	66.83%	0	0	0	0.02%
HCM	349,550	344,250	0	29,305	32,550	10,243,562,750	11,377,852,500	1,134,289,750	11.07%	1,300	0	4,000	73.9%
HPG	1,680	1,680	0	25,661	28,200	43,110,480	47,376,000	4,265,520	9.89%	0	0	0	0.31%
HUT	135,200	115,100	0	15,740	15,500	2,128,048,000	2,095,600,000	-32,448,000	-1.52%	1,000	9,000	10,100	13.61%
MBB	700	500	200	10,739	24,400	7,517,300	17,080,000	9,562,700	127.21%	0	0	0	0.11%
NVL	300	300	0	22,133	10,400	6,639,900	3,120,000	-3,519,900	-53.01%	0	0	0	0.02%
SHS	2,900	2,900	0	8,964	17,400	25,995,600	50,460,000	24,464,400	94.11%	0	0	0	0.33%
SSI	10,950	6,800	0	22,741	26,900	249,013,950	294,555,000	45,541,050	18.29%	0	0	0	1.91%
TNG	7,300	7,300	0	76,458	17,200	558,143,400	125,560,000	-432,583,400	-77.5%	0	0	0	0.82%
VHC	20	20	0	66,199	71,100	1,323,980	1,422,000	98,020	7.4%	0	0	0	0.01%
VHM	320	320	0	39,562	43,600	12,659,840	13,952,000	1,292,160	10.21%	0	0	0	0.09%
VND	23,100	11,550	11,550	5,513	13,800	127,350,300	318,780,000	191,429,700	150.32%	0	0	0	2.07%

❖ Bán nhiều mã

Tại màn hình **Danh mục** này khi nhấn vào nút: **Bán nhiều mã** hệ thống tự động chuyển sang màn hình **Bán nhiều mã**

Danh mụcBáo cáo tài sảnTổng tài sản

Danh mục

Tổng giá trị vốn: 1,266,223,000

Tổng giá trị thị trường: 1,266,223,000

Tổng lãi/lỗ: -266,223,000,000

Tổng % lãi/lỗ: -20.16%

Bán nhiều mã

Mã	Tổng KL	Khả dụng	Có thể bán	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/Lỗ	%Lãi/Lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Bán T0	Bán T1
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
CTG	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000,000	2.16%	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
CTG	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000,000	2.16%	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
CTG	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000,000	2.16%	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200

Cài đặt bán nhiều mã gồm các bước:

- Bước 1: Nhấn nút **Bán nhiều mã** xuất hiện khung tick chọn một hoặc nhiều mã muốn bán
- Bước 2: Tick chọn các mã muốn bán (có thể chọn tất cả hoặc chọn những mã muốn bán); Chọn khối lượng bán

[Quay về mục lục](#)

- Bước 3: Lựa chọn giá đặt lệnh, giá mặc định là MP, để có thể thay đổi giá nhấn vào biểu tượng chỉnh sửa chuyển sang màn hình **Thay đổi giá**

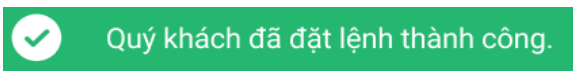
- Bước 4: Nhấn nút **Bán** chuyển sang màn hình xác nhận đặt bán nhiều mã

Nguyên tắc xác định giá trong mục **Bán nhiều mã: Đối với các mã chứng khoán niêm yết tại các sàn, KBSV mặc định đầy loại lệnh/ giá theo nguyên tắc sau:*

- Tại HSX: loại lệnh ATO tại phiên mở cửa, loại lệnh MP phiên liên tục, lệnh ATC tại phiên đóng cửa đối với các giao dịch lô chẵn và loại lệnh LO giá sàn đối với các giao dịch lô lẻ.
- Tại sàn HNX: Loại lệnh MTL tại phiên liên tục, loại lệnh ATC tại phiên đóng cửa, loại lệnh PLO tại phiên ngoài giờ đối với các giao dịch lô chẵn và loại lệnh LO giá sàn đối với các giao dịch lô lẻ.
- Tại sàn UPCOM: Loại lệnh LO giá sàn đối với các giao dịch lô chẵn và lẻ.

[Quay về mục lục](#)

- Bước 5: Nhập phương thức xác thực và nhấn **Xác nhận** để hoàn tất bán nhiều mã
- Bước 6: Hoàn tất lệnh bán nhiều mã hệ thống trả ra thông báo:



❖ Nút Mua/Bán

Tại mỗi dòng thông tin mã chứng khoán trong danh mục, kéo sang trái sẽ xuất hiện nút **Mua/Bán**. Khi nhấn nút **Mua/Bán** tự động chuyển sang màn hình giao dịch.

Danh mục

Báo cáo tài sản

Tổng tài sản

Danh mục

Tổng giá trị vốn: 1,266,223,000

Tổng giá trị thị trường: 1,266,223,000

Tổng lãi/lỗ: -266,223,000,000

Tổng % lãi/lỗ: -20.16%

Bán nhiều mã

Mã	Tổng KL	Khả dụng	Có thể bán	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/Lỗ	%Lãi/Lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Bán T0	Bán T1
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	+10,000,000	+2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	+10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
CTG	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	+10,000,000	+2.16%	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	+10,000,000	+2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	+10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500

[Quay về mục lục](#)

CEO (HNX)

CTCP Tập đoàn C.E.O

▼ 18.80 -0.10 -0.53%

TC 18.90 TRẦN 20.70 SÀN 17.10

MỞ CỬA - TB 18.10 - 18.93 CAO - THẤP 19.10 - 18.10

% DƯ MUA 27.26 % DƯ BÁN 72.74

Đặt lệnh 091C266355.SA

Lệnh thường Lệnh mua định kỳ

Mua Bán KL tối đa 10,947,000 Sức mua 11,753,116 TL vay 0% Rtt 10000%

Giá đặt 18.8 Khối lượng đặt 100

LO MTL MAK MOK ATC PLO 25% 50% 75% 100%

*Tổng GTGD: 1,880,000

Lưu lệnh

663.30 604.60

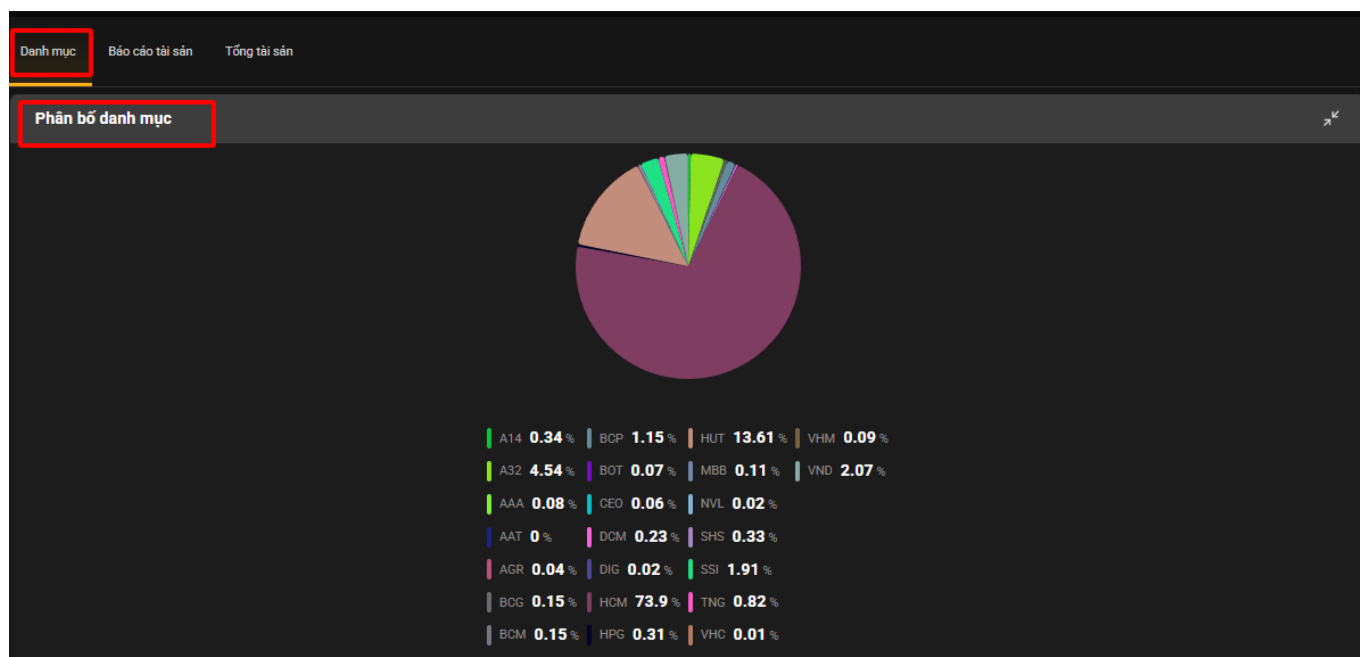
Khối lượng	Mua	Bán	Khối lượng
343,30	18.80	18.90	94,00
159,10	18.70	19.00	226,80
160,90	18.60	19.10	283,80

Tài sản Danh mục Sổ lệnh

1.2. Phân bổ danh mục

Tại tab **Quản lý tài khoản/ Danh mục** chọn tab **Phân bổ danh mục**. Màn hình tab **Phân bổ danh mục**:

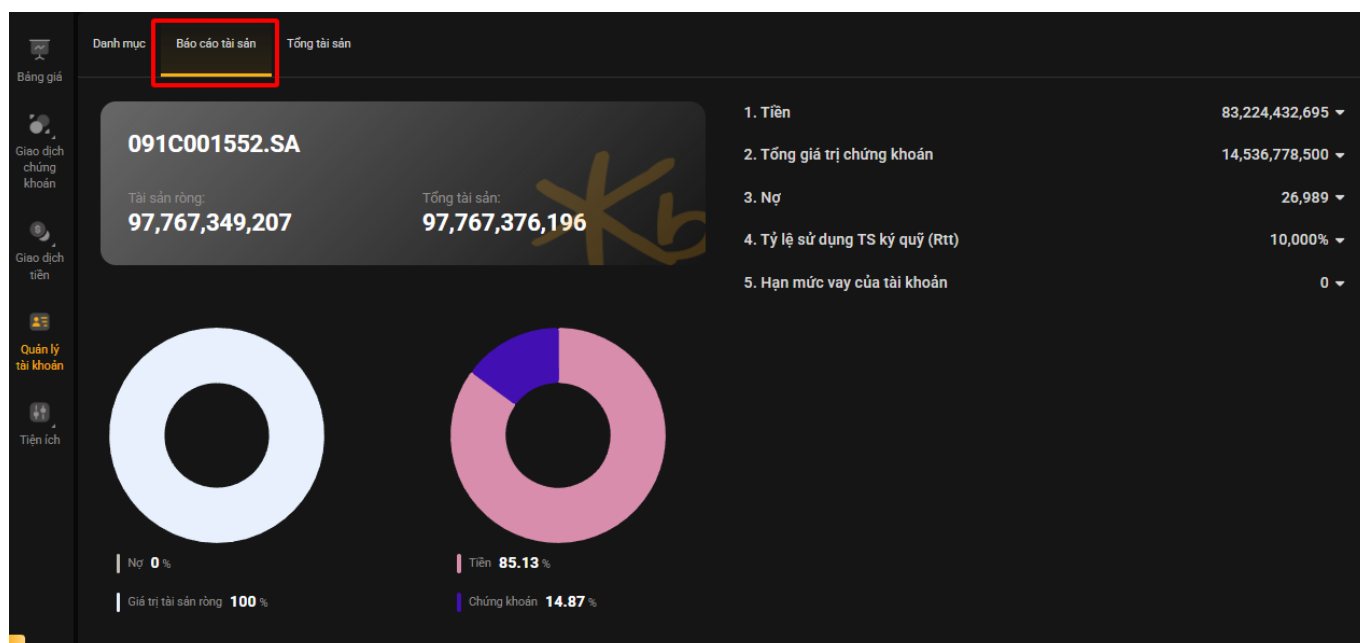
[Quay về mục lục](#)



Màn hình **Phân bố danh mục** thể hiện chi tiết toàn bộ danh mục theo tiểu khoản của khách hàng trên biểu đồ hình tròn, tỷ lệ từng mã chứng khoán trong danh mục.

2. Báo cáo tài sản

Tại mục **Quản lý tài khoản** khách hàng chọn **Báo cáo tài sản**

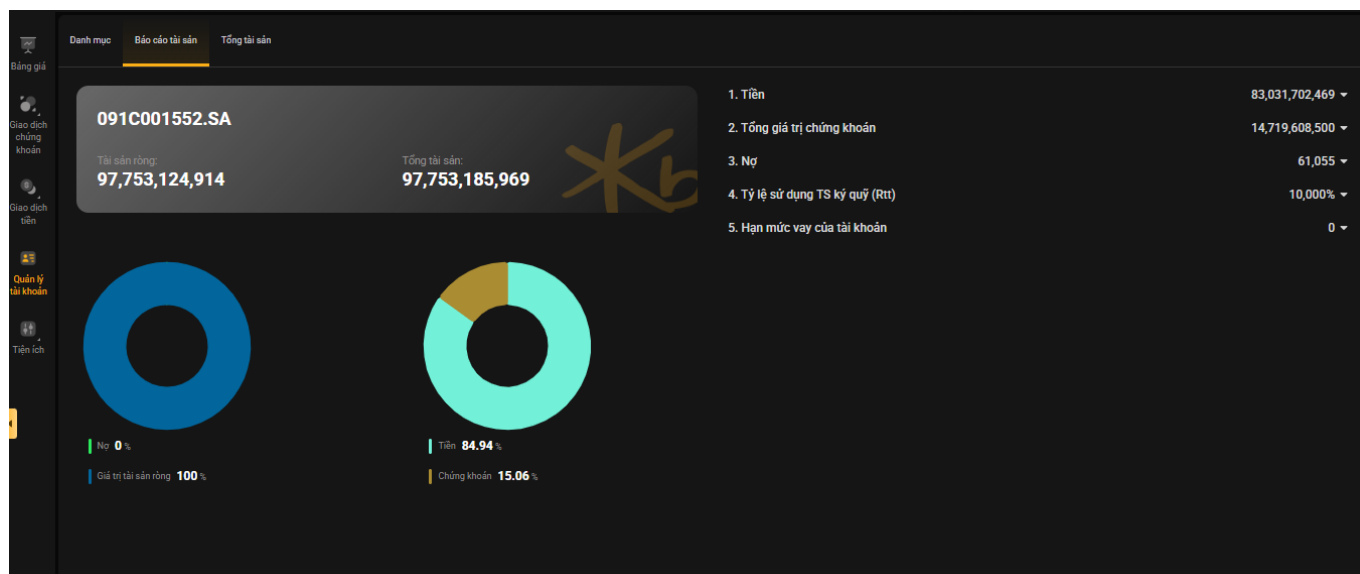


Báo cáo tài sản gồm toàn bộ thông tin toàn bộ tài sản theo tiểu khoản:

- Tài sản ròng: tài sản ròng của tiểu khoản
- Tổng tài sản: Tổng tài sản trên tiểu khoản.
- Tổng GTCK: tổng giá trị chứng khoán trên tiểu khoản.
- Tiền: Tiền mặt, tiền mua chờ khớp, tiền có thể ứng, cổ tức bằng tiền mặt, lãi tiền gửi.
- Nợ: tổng nợ của tiểu khoản
- Tỷ lệ ký quỹ: tỷ lệ ký quỹ của tiểu khoản

[Quay về mục lục](#)

- Hạn mức vay của tài khoản: Hạn mức KBSV có thể cho khách hàng vay
- Vòng tròn tỷ lệ giữa Nợ/ Tài sản ròng
- Vòng tròn tỷ lệ giữa Tiền và chứng khoán



3. Tổng tài sản

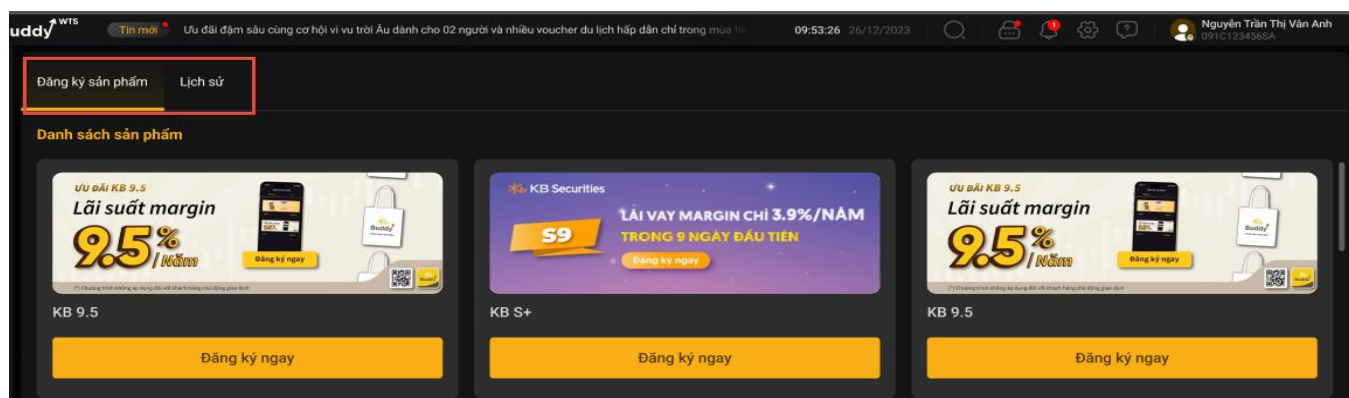
Tại mục **Quản lý tài khoản** khách hàng chọn **Tổng tài sản**

Tổng tài sản là màn hình thể hiện tất cả tài sản trên tài khoản của khách hàng (Tổng tài sản của tất cả các tiểu khoản):

- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán cơ sở
- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán phái sinh

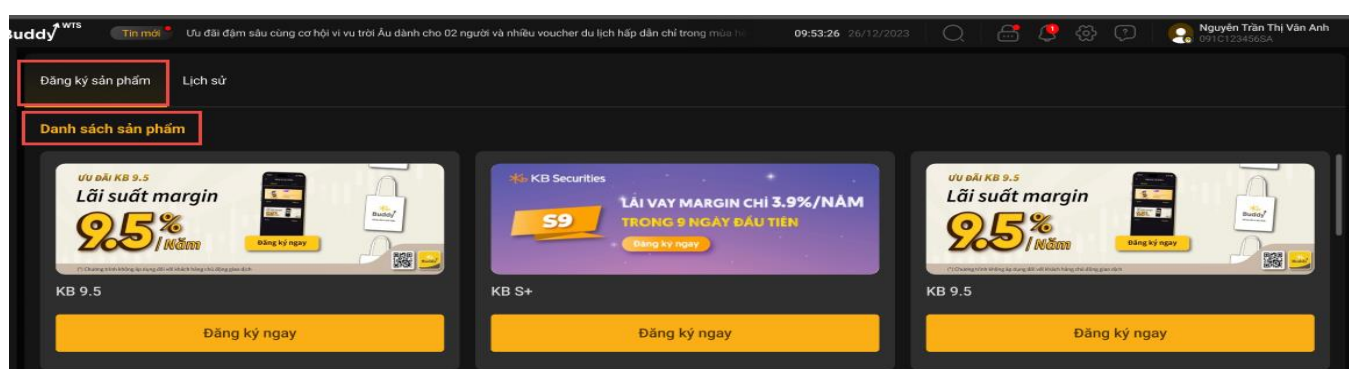
[Quay về mục lục](#)

87



1.1. Đăng ký sản phẩm

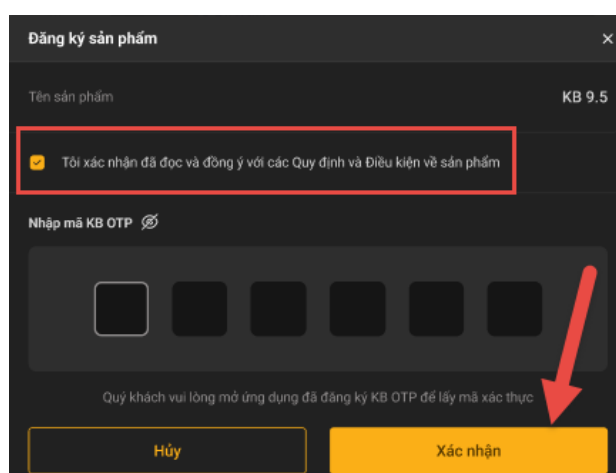
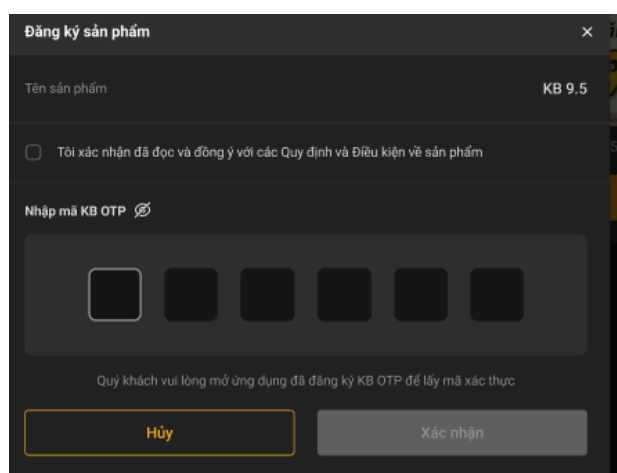
Tại màn hình **Danh sách sản phẩm**, Khách hàng có thể đăng ký online các sản phẩm của KBSV, bao gồm: đăng ký mở các tiểu khoản giao dịch và đăng ký các sản phẩm, dịch vụ khác



Nhấn vào từng sản phẩm chuyển qua màn hình chi tiết thông tin về sản phẩm.

Để đăng ký các sản phẩm khác Khách hàng thực hiện các thao tác:

- Bước 1: Chọn nút **Đăng ký ngay** tại phía dưới từng sản phẩm chuyển sang ảnh hình xác thực đăng ký sản phẩm
- Bước 2: Tick chọn "Tôi xác nhận đã đọc và đồng ý với các quy định và điều kiện của sản phẩm",
- Bước 3: Nhập thông tin xác thực đăng ký sản phẩm



- Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận** để hoàn tất đăng ký sản phẩm, đăng ký sản phẩm thành công hệ thống trả ra thông báo:



Đăng ký thành công. KBSV sẽ gửi email xác nhận tới Quý khách trong vòng 01 ngày làm việc.

1.2. Lịch sử đăng ký sản phẩm

Để xem Lịch sử đăng ký sản phẩm, tại mục **Đăng ký sản phẩm** khách hàng chọn tab **Lịch sử**.

Màn hình lịch sử đăng ký sản phẩm gồm: **Đã đăng ký** và **Đã hủy**



Bảng giá



Giao dịch chứng khoán



Giao dịch tiền



Quản lý tài khoản



Tiện ích

Đăng ký sản phẩm

Lịch sử

Đã đăng ký

Đã hủy

STT	Tên sản phẩm	Ngày đăng ký	Trạng thái
1	S12	08/09/2021	Hoàn tất đăng ký
2	KB S12	28/06/2023	Từ chối đăng ký
3	test sp	30/06/2023	Chờ xử lý đăng ký
4	KB S12	30/06/2023	Chờ xử lý đăng ký
5	KB S6	01/09/2023	Chờ xử lý đăng ký

❖ **Đã hủy** là màn hình thông tin, trạng thái sản phẩm khách hàng đã hủy đăng ký

Đăng ký sản phẩm

Lịch sử

Đã đăng ký

Đã hủy

STT	Tên sản phẩm	Ngày đăng ký	Trạng thái
1	KB 9.5	21/04/2023	Đã hủy
2	KB S+	21/04/2023	Chờ xử lý hủy
3	KB S+	19/06/2023	Chờ xử lý hủy
4	KB S+	18/07/2023	Đã hủy

- Trạng thái **Đã hủy**: sản phẩm khách hàng đã hủy thành công
- Trạng thái **Chờ xử lý hủy**: Sản phẩm đang chờ xác nhận hủy từ hệ thống

2. Dịch vụ tài chính

2.1. Tra cứu món vay

Để thực hiện **Tra cứu món vay**, Khách hàng chọn **Tiện ích** tại mục **Dịch vụ tài chính** chọn **Tra cứu món vay**

[Quay về mục lục](#)

uddy WTS Tin mới Ưu đãi đậm sâu cùng cơ hội vi vụ trời Âu dành cho 02 người và nhiều voucher du lịch hấp dẫn chỉ trong mùa hè 09:53:26 26/12/2023 Nguyễn Trần Thị Vân Anh 091C123456SA

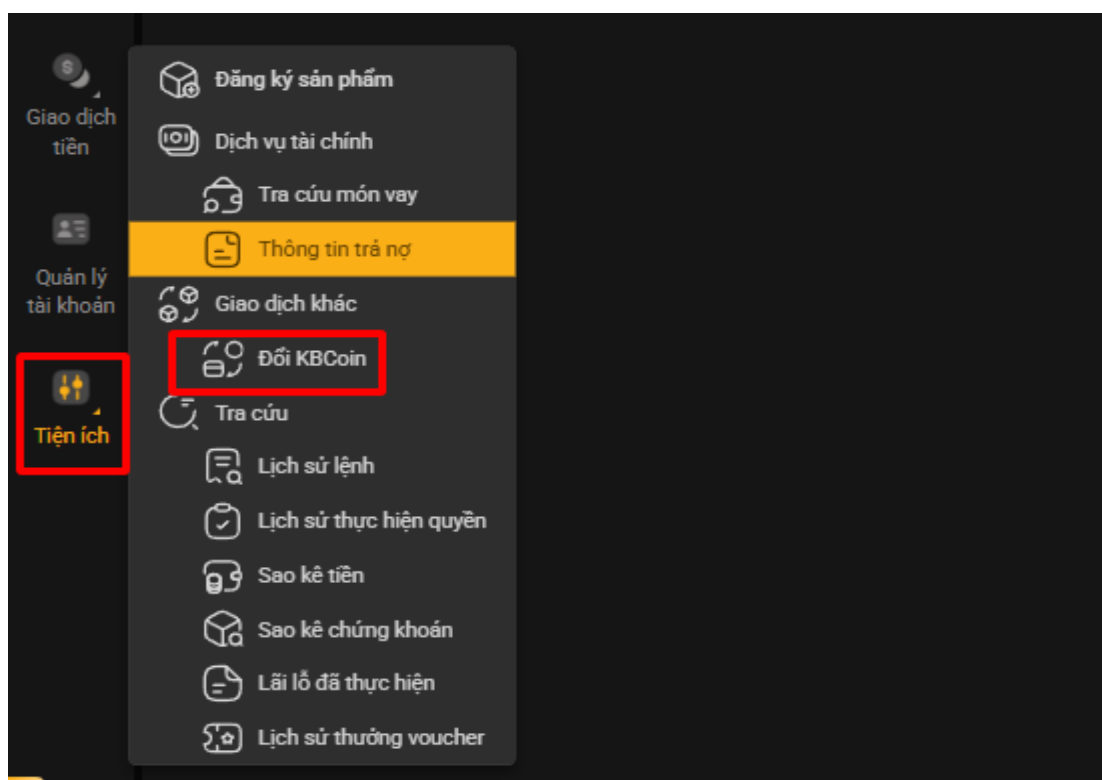
Thông tin trả nợ

Ngày trả nợ Từ ngày: 28/07/2022 Đến ngày: 28/07/2023

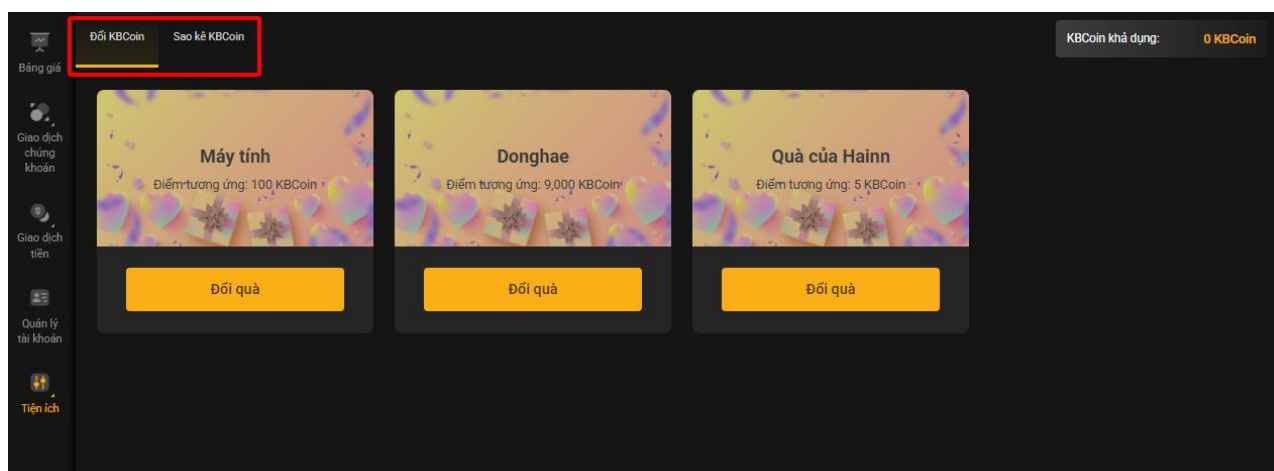
Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Ngày trả nợ	Nợ gốc	Nợ hiện tại	Tiền gốc TT	Tiền lãi TT
31/12/2022	31/03/2023	31/03/2023	24,436,500	24,436,500	0	0
31/12/2022	31/03/2023	31/03/2023	24,436,500	24,436,500	0	0
01/01/0223	01/04/2023	01/04/2023	30,000,000	30,000,000	0	0
01/01/0223	01/04/2023	01/04/2023	30,000,000	30,000,000	0	0

3. Giao dịch khác

Tại mục **Tiện ích/ Giao dịch khác** chọn **Đổi KB Coin**



Màn hình mục **Đổi KB Coin** gồm: **Đổi Kb Coin; Sao kê KB Coin**

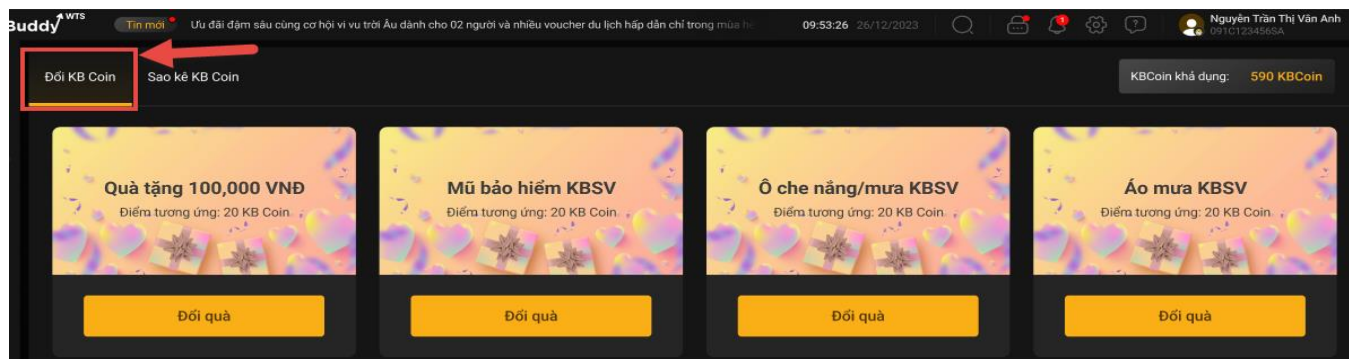


[Quay về mục lục](#)

3.1. Đổi KB Coin

Đổi KB Coin là tiện ích tại app KB Buddy và KB Buddy Pro dành cho khách hàng. Khách hàng có thể đổi KB Coin sang những món quà hoặc sản phẩm khác khi có chương trình.

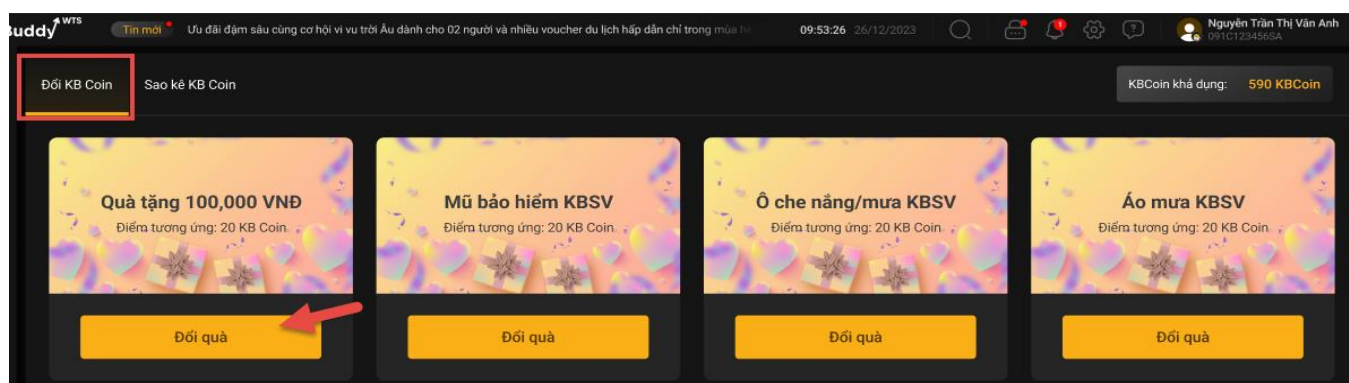
Tại **Tiện ích** mục **Giao dịch khác**, Khách hàng chọn mục **Đổi KB Coin** chuyển sang màn hình **Đổi KB Coin**



❖ Đổi KB Coin

Để Đổi KB Coin Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn loại quà muốn đổi.
- Bước 2: Nhấn vào nút **Đổi quà** xuất hiện màn hình **Đổi KB Coin**.



- Bước 3: Nhập Số lượng quà muốn đổi vào ô Số lượng

Đổi KB Coin

KB Coin khả dụng

590 KB Coin

Quà tặng

Tiền mặt 100,000 VNĐ

Điểm đổi/ 1 quà tặng

20 KB Coin

Số lượng

Tổng KB Coin đổi quà

40 KB Coin

Hủy

Tiếp tục

- Bước 4: Nhấn **Tiếp tục** chuyển sang màn hình nhập xác thực
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận** để hoàn thành giao dịch
- Bước 6: Đổi KB Coin thành công hệ thống trả ra thông báo

[Quay về mục lục](#)

3.2. Sao kê KB Coin

Đổi KB Coin

Sao kê KB Coin

KBCoin khả dụng: 590 KBCoin

Từ ngày: 28/07/2022

Đến ngày: 28/07/2023

Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	+30	590	Hoàn thành nhiệm vụ
31/12/2022	+30	620	Hoàn thành nhiệm vụ
01/01/0223	-20	600	Đổi quà
01/01/0223	-20	580	Đổi quà

Đổi KB Coin

Sao kê KB Coin

KBCoin khả dụng: 590 KBCoin

Từ ngày: 28/07/2022

Đến ngày: 28/07/2023

Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	+30	590	Hoàn thành nhiệm vụ
31/12/2022	+30	620	Hoàn thành nhiệm vụ
01/01/0223	-20	600	Đổi quà
01/01/0223	-20	580	Đổi quà

Tại tab **Tiện ích** chọn mục **Tra cứu** bao gồm các mục: **Lịch sử lệnh; Lịch sử thực hiện quyền; Sao kê tiền; Sao kê chứng khoán; Lãi lỗ đã thực hiện; Lịch sử thưởng voucher.**

Bảng giá

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiền ịch

Lịch sử lệnh

Đăng ký sản phẩm

Dịch vụ tài chính

Tra cứu món vay

Thông tin trả nợ

Giao dịch khác

Đổi KBcoin

Tra cứu

Lịch sử lệnh

Lịch sử thực hiện quyền

Sao kê tiền

Sao kê chứng khoán

Lãi lỗ đã thực hiện

Lịch sử thưởng voucher

Từ ngày:	08/02/2025	Đến ngày:	10/03/2025	Lệnh:	Tất cả	Trạng thái:	Tất cả	Mã chứng khoán:	Tất cả				
Mã	M/B	Ngày GD	Ngày TT	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Giá trị khớp	Thuế	Phí GD	%Phí	Trạng thái	Kênh GD
HCM	Mua	06/03/2025	-	1,600	31,000	0	0	0	0	2,480,000	0.00%	Đã gửi	LDK WTS
		06/03/2025	-	1,600	31,000	0	0	0	0	2,480,000	0.00%	Đã gửi	LDK WTS
		06/03/2025	10/03/2025	1,000	30,200	500	30,200	15,100,000	0	755,000	5.00%	Đã khớp	LDK WTS
		06/03/2025	10/03/2025	800	30,000	400	30,000	12,000,000	0	600,000	5.00%	Đã hủy	LDK WTS
		06/03/2025	10/03/2025	800	30,000	400	30,000	12,000,000	0	600,000	5.00%	Đã khớp	LDK WTS
		06/03/2025	10/03/2025	1,000	15,500	1,000	15,500	15,500,000	0	775,000	5.00%	Khớp hết	LDK WTS
		05/03/2025	-	800	30,000	0	0	0	0	0	0.00%	Hết hiệu lực	LDK WTS
		05/03/2025	-	800	30,000	0	0	0	0	0	0.00%	Hết hiệu lực	LDK WTS
		05/03/2025	07/03/2025	10,000	15,500	9,000	15,500	139,500,000	0	209,250	0.15%	Hết hiệu lực	LDK WTS
		04/03/2025	06/03/2025	1,600	30,000	800	30,000	24,000,000	0	36,000	0.15%	Hết hiệu lực	LDK WTS
		04/03/2025	06/03/2025	1,600	60,000	800	42,000	33,600,000	0	50,400	0.15%	Hết hiệu lực	KB Buddy WT
		04/03/2025	06/03/2025	1,600	30,000	800	30,000	24,000,000	0	36,000	0.15%	Hết hiệu lực	LDK WTS
		04/03/2025	06/03/2025	1,600	30,000	800	30,000	24,000,000	0	36,000	0.15%	Hết hiệu lực	LDK WTS
HCM	Mua	04/03/2025	06/03/2025	1,600	30,000	800	30,000	24,000,000	0	36,000	0.15%	Hết hiệu lực	LDK WTS
HUT	Mua	04/03/2025	-	10,000	15,500	0	0	0	0	0	0.00%	Hết hiệu lực	LDK WTS
HUT	Mua	04/03/2025	-	10,000	15,500	0	0	0	0	0	0.00%	Hết hiệu lực	LDK WTS
HUT	Mua	04/03/2025	06/03/2025	10,000	15,500	10,000	15,500	155,000,000	0	232,500	0.15%	Khớp hết	LDK WTS
BCP	Mua	04/03/2025	06/03/2025	100	10,000	100	10,000	1,000,000	0	1,500	0.15%	Khớp hết	KB Buddy WT
HUT	Mua	04/03/2025	06/03/2025	100	15,500	100	15,500	1,550,000	0	2,325	0.15%	Khớp hết	KB Buddy WT
HCM	Mua	28/02/2025	-	800	31,350	0	0	0	0	0	0.00%	Hết hiệu lực	LDK WTS
HCM	Mua	28/02/2025	-	10,000	29,250	0	0	0	0	0	0.00%	Hết hiệu lực	LDK WTS

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.SA

Tải sản

Danh mục

Sổ lệnh

4.1. Lịch sử lệnh

Để xem **Lịch sử lệnh** tại mục **Tra cứu** chọn **Lịch sử lệnh** chuyển sang màn hình **Lịch sử lệnh**

Lịch sử lệnh

Từ ngày:

28/07/2022

Đến ngày:

28/07/2023

Lệnh:

Tất cả

Trạng thái:

Tất cả

Mã chứng khoán:

Tất cả

Mã	M/B	Ngày GD	Ngày TT	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Giá trị khớp	Thuế	Phí GD	%Phí	Thưởng/ĐK	Trạng thái	Kênh GD
ACB	M	23/03/2023	23/03/2023	1,000	32,600	100,000	32,600	3,260,000,000	0	8,400	0.05%	Thưởng	Đã khớp	KB Buddy Pro
MBB	B	23/03/2023	23/03/2023	500	22,200	400	22,200	22,200	100	8,400	0.15%	Thưởng	Khớp một phần	KQ-Quote
VCB	B	23/03/2023	23/03/2023	200	94,500	200	94,500	94,500	0	8,400	0.15%	ĐK	Khớp hết	KQ-Quote
CTG	M	23/03/2023	23/03/2023	10,000	32,200	10,000	32,200	32,200	0	8,400	0.15%	ĐK	Khớp hết	KQ-Quote

Tại màn hình **Lịch sử lệnh** chọn tiêu chí lọc lịch sử lệnh: Mã CK; Thời gian; Trạng thái, Loại lệnh

Lịch sử lệnh

Từ ngày:

28/07/2022

Đến ngày:

28/07/2023

Lệnh:

Tất cả

Trạng thái:

Tất cả

Mã chứng khoán:

Tất cả

Mã	M/B	Ngày GD	Ngày TT	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Giá trị khớp	Thuế	Phí GD	%Phí	Loại lệnh	Thưởng/ĐK	Trạng thái	Kênh GD
ACB	M	23/03/2023	23/03/2023	1,000	32,600	100,000	32,600	3,260,000,000	0	8,400	0.05%	LO	Thưởng	Đã khớp	KB Buddy Pro
MBB	B	23/03/2023	23/03/2023	500	22,200	400	22,200	22,200	100	8,400	0.15%	LO	Thưởng	Khớp một phần	KQ-Quote
VCB	B	23/03/2023	23/03/2023	200	94,500	200	94,500	94,500	0	8,400	0.15%	LO	ĐK	Khớp hết	KQ-Quote
CTG	M	23/03/2023	23/03/2023	10,000	32,200	10,000	32,200	32,200	0	8,400	0.15%	MP	ĐK	Khớp hết	KQ-Quote

Tất cả

Mua

Bán

☐ Tất cả

☒ Đang gửi

☐ Đã gửi

☒ Đã hủy

☐ Chờ gửi

☒ Khớp hết

☐ Khớp 1 phần

☐ Sửa thành công

☒ Lệnh hết hiệu lực

☐ Số từ chối

☐ Đang hủy

☐ Lệnh sửa gửi thành công

- Màn hình hiển thị thông tin lịch sử lệnh đã lọc theo tiêu chí chọn

Lịch sử lệnh														
Từ ngày: 28/07/2022			Đến ngày: 28/07/2023			Lệnh: Tất cả		Trạng thái: Tất cả		Mã chứng khoán: Tất cả				
Mã	M/B	Ngày GD	Ngày TT	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Giá trị khớp	Thuế	Phí GD	%Phí	Thưởng/ĐK	Trạng thái	Kênh GD
ACB	M	23/03/2023	23/03/2023	1,000	32,600	100,000	32,600	3,260,000,000	0	8,400	0.05%	Thưởng	Đã khớp	KB Buddy Pro
MBB	B	23/03/2023	23/03/2023	500	22,200	400	22,200	22,200	100	8,400	0.15%	Thưởng	Khớp một phần	KQ-Quote
VCB	B	23/03/2023	23/03/2023	200	94,500	200	94,500	94,500	0	8,400	0.15%	ĐK	Khớp hết	KQ-Quote
CTG	M	23/03/2023	23/03/2023	10,000	32,200	10,000	32,200	32,200	0	8,400	0.15%	ĐK	Khớp hết	KQ-Quote

4.2. Lịch sử thực hiện quyền

Để xem **Lịch sử thực hiện quyền** tại mục **Tra cứu** chọn **Lịch sử thực hiện quyền** chuyển sang màn hình **Lịch sử thực hiện quyền**

Buddy WTS														
Tin mới: 2 liên tiếp được vinh danh tại giải thưởng CSI 2024														
Chứng khoán KB Việt Nam tư vấn niêm yết thành công: 15:58:19 07/03/2025														
NGUYỄN NGỌC HẢI 091 001 552 SA														
Quyền mua cổ phiếu Cổ tức bằng tiền mặt Cổ tức bằng cổ phiếu Cổ phiếu thưởng Trái phiếu chuyển đổi Quyền hoán đổi cổ phiếu Tham dự ĐHCD/Lấy ý kiến/Quyền bỏ phiếu														
Mã chứng khoán: Tất cả X Ngày chốt: Từ ngày: 05/02/2025 Đến ngày: 07/03/2025 Ngày phân bổ: Từ ngày: 05/02/2025 Đến ngày: 31/12/2100														
Ngày chốt	Ngày phân bổ	Hạn chốt đăng ký	Mã	Tỷ lệ	Giá mua	SL CK hưởng quyền	SL CK sở hữu	SL CK còn được mua	SL CK đã mua	Số tiền đã nộp				

Màn hình **Lịch sử thực hiện quyền** gồm các tab: **Quyền mua cổ phiếu; Cổ tức bằng tiền mặt; Cổ tức bằng cổ phiếu; Cổ phiếu thưởng; Trái phiếu chuyển đổi; Quyền hoán đổi cổ phiếu; Tham dự ĐHCD/Lấy ý kiến/Quyền bỏ phiếu**

❖ Quyền mua cổ phiếu:

Để xem **Lịch sử quyền mua cổ phiếu** tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Lịch sử quyền mua cổ phiếu**

Tại màn hình **Quyền mua cổ phiếu** chọn tiêu chí lọc lịch sử quyền mua cổ phiếu: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chí đã chọn

Quyền mua cổ phiếu										
Cổ tức bằng tiền mặt Cổ tức bằng cổ phiếu Cổ phiếu thưởng Trái phiếu chuyển đổi Quyền hoán đổi cổ phiếu										
Mã chứng khoán: Tất cả			Ngày chốt: Từ ngày: 28/07/2022 Đến ngày: 28/07/2023		Ngày phân bổ: Từ ngày: 28/07/2022 Đến ngày: 28/07/2023					
Ngày chốt	Ngày phân bổ	Hạn chốt đăng ký	Mã	Tỷ lệ	Giá mua	SL CK hưởng quyền	SL CK sở hữu	SL CK còn được mua	SL CK đã mua	Số tiền đã nộp
23/03/2023	23/03/2023	23/03/2023	ACB	100:15	32,600	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000
23/03/2023	23/03/2023	23/03/2023	MBB	100:15	22,200	400	400	400	400	400
23/03/2023	23/03/2023	23/03/2023	VCB	100:15	94,500	200	200	200	200	200
23/03/2023	23/03/2023	23/03/2023	CTG	100:15	32,200	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000

❖ Cổ tức bằng tiền mặt:

Để xem thông tin nhận cổ tức bằng tiền mặt; tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Cổ tức bằng tiền mặt**

Tại màn hình **Cổ tức bằng tiền mặt** chọn tiêu chí lọc lịch sử cổ tức bằng tiền mặt: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chí đã chọn

Quyền mua cổ phiếu Cổ tức bằng tiền mặt Cổ tức bằng cổ phiếu Cổ phiếu thưởng Trái phiếu chuyển đổi Quyền hoán đổi cổ phiếu						
Mã chứng khoán: Tất cả	Ngày chốt:	Từ ngày: 28/07/2022	Đến ngày: 28/07/2023	Ngày phân bổ:	Từ ngày: 28/07/2022	Đến ngày: 28/07/2023
Ngày chốt	Ngày phân bổ	Mã	Tỷ lệ	SL CK hưởng quyền	Số tiền được nhận	
23/03/2023	23/03/2023	ACB	100:15	100,000	100,000	
23/03/2023	23/03/2023	MBB	100:15	400	400	
23/03/2023	23/03/2023	VCB	100:15	200	200	
23/03/2023	23/03/2023	CTG	100:15	10,000	10,000	

❖ Cổ tức bằng cổ phiếu:

Để xem thông tin nhận cổ tức bằng cổ phiếu; tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Cổ tức bằng cổ phiếu**

Tại màn hình **Cổ tức bằng cổ phiếu** chọn tiêu chí lọc lịch sử cổ tức bằng cổ phiếu: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chí đã chọn

Quyền mua cổ phiếu Cổ tức bằng tiền mặt Cổ tức bằng cổ phiếu Cổ phiếu thưởng Trái phiếu chuyển đổi Quyền hoán đổi cổ phiếu						
Mã chứng khoán: Tất cả	Ngày chốt:	Từ ngày: 28/07/2022	Đến ngày: 28/07/2023	Ngày phân bổ:	Từ ngày: 28/07/2022	Đến ngày: 28/07/2023
Ngày chốt	Ngày phân bổ	Mã	Tỷ lệ	SL CK hưởng quyền	Số lượng CK được nhận	
23/03/2023	23/03/2023	ACB	100:15	100,000	100,000	
23/03/2023	23/03/2023	MBB	100:15	400	400	
23/03/2023	23/03/2023	VCB	100:15	200	200	
23/03/2023	23/03/2023	CTG	100:15	10,000	10,000	

❖ Cổ phiếu thưởng:

Để xem thông tin nhận cổ phiếu thưởng; tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Cổ phiếu thưởng**

Tại màn hình **Cổ phiếu thưởng** chọn tiêu chí lọc lịch sử cổ phiếu thưởng: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chí đã chọn

Quyền mua cổ phiếu Cổ tức bằng tiền mặt Cổ tức bằng cổ phiếu Cổ phiếu thưởng Trái phiếu chuyển đổi Quyền hoán đổi cổ phiếu						
Mã chứng khoán: Tất cả	Ngày chốt:	Từ ngày: 28/07/2022	Đến ngày: 28/07/2023	Ngày phân bổ:	Từ ngày: 28/07/2022	Đến ngày: 28/07/2023
Ngày chốt	Ngày phân bổ	Mã	Tỷ lệ	SL CK hưởng quyền	SL CK được nhận	
23/03/2023	23/03/2023	ACB	100:15	100,000	100,000	
23/03/2023	23/03/2023	MBB	100:15	400	400	
23/03/2023	23/03/2023	VCB	100:15	200	200	
23/03/2023	23/03/2023	CTG	100:15	10,000	10,000	

❖ Trái phiếu chuyển đổi:

Để xem thông tin lịch sử trái phiếu chuyển đổi; tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Trái phiếu chuyển đổi**

Tại màn hình **Trái phiếu chuyển đổi** chọn tiêu chí lọc lịch sử trái phiếu chuyển đổi: Mã CK; Thời gian tra cứu. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chí đã chọn

Quyền mua cổ phiếu

Cổ tức bằng tiền mặt

Cổ tức bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng

Trái phiếu chuyển đổi

Quyền hoán đổi cổ phiếu

Mã chứng khoán: Tất cả

Từ ngày: 28/07/2022

Đến ngày: 28/07/2023

XLS

PDF

Ngày chốt	Hạn chốt đăng ký	Mã trái phiếu	Mã CK chuyển đổi	Tỷ lệ	SL TP hưởng quyền	SL quyền sở hữu	SL CK còn được chuyển	SL CK đã chuyển đổi
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	ACB	100:15	100,000	100,000	100,000	100,000
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	MBB	100:15	400	400	400	400
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	VCB	100:15	200	200	200	200
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	CTG	100:15	10,000	10,000	10,000	10,000

❖ Quyền hoán đổi cổ phiếu:

Để xem thông tin lịch sử quyền hoán đổi cổ phiếu: tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Quyền hoán đổi cổ phiếu**

Tại màn hình **Quyền hoán đổi cổ phiếu** chọn tiêu chí lọc lịch sử quyền hoán đổi cổ phiếu: Mã CK; Ngày chốt; ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chí đã chọn

Quyền mua cổ phiếu

Cổ tức bằng tiền mặt

Cổ tức bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng

Trái phiếu chuyển đổi

Quyền hoán đổi cổ phiếu

Mã chứng khoán: Tất cả

Ngày chốt: Từ ngày: 28/07/2022

Đến ngày: 28/07/2023

Ngày phân bổ: Từ ngày: 28/07/2022

Đến ngày: 28/07/2023

Ngày chốt	Ngày phân bổ	Mã	Mã CK được nhận	Tỷ lệ	SL CK hưởng quyền	SL CK được nhận
23/03/2023	23/03/2023	ACB	ACB	100:15	100,000	100,000
23/03/2023	23/03/2023	MBB	MBB	100:15	400	400
23/03/2023	23/03/2023	VCB	VCB	100:15	200	200
23/03/2023	23/03/2023	CTG	CTG	100:15	10,000	10,000

4.3. Sao kê tiền

Khách hàng có thể tra cứu sao kê tiền bằng cách: tại mục **Tiện ích/Tra cứu**, chọn **Sao kê tiền** chuyển sang màn hình **Sao kê tiền**

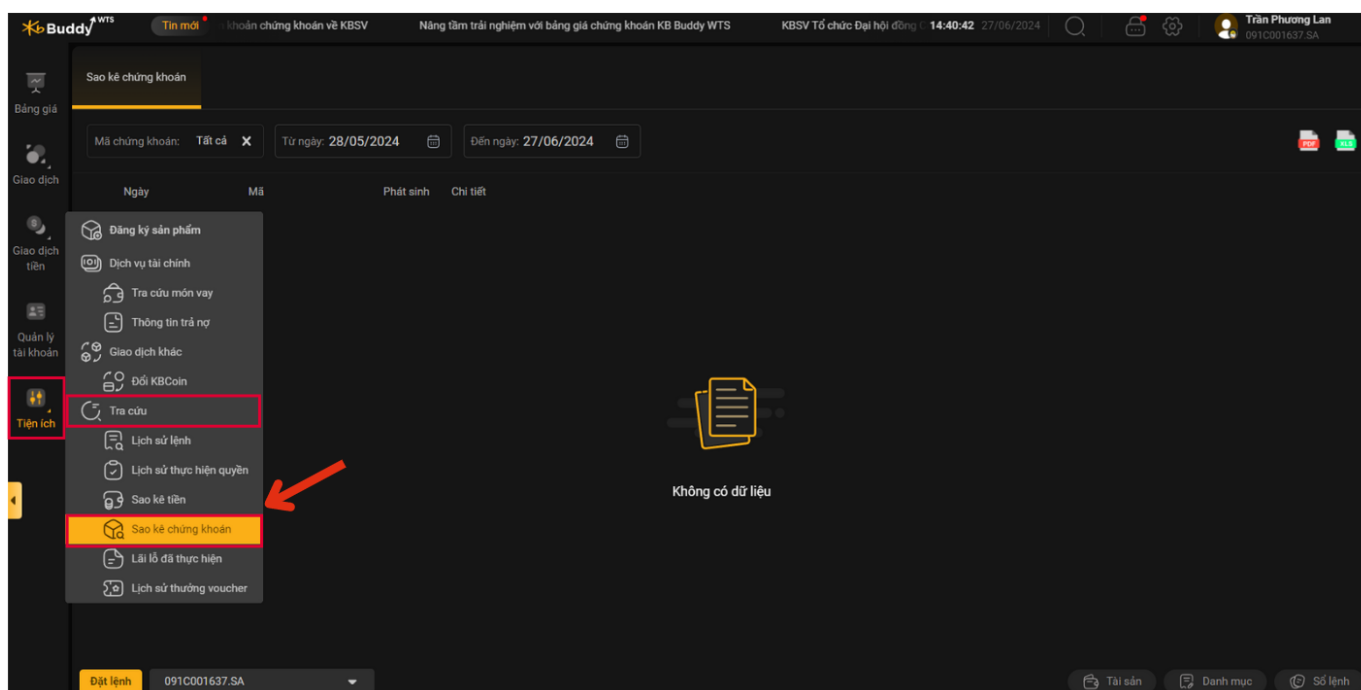
Tại màn hình **Sao kê tiền** chọn thời gian muốn xem sao kê tiền, hiển thị màn hình chi tiết sao kê tiền trong khoảng thời gian đã lọc

[Quay về mục lục](#)

Sao kê tiền			
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023	
Số dư đầu kỳ:	Phát sinh tăng:	Phát sinh giảm:	Số dư cuối kỳ:
1,266,223,000	1,266,223,000	1,266,223,000	120,266,223,000
Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	-1,000,000	7,450,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
31/12/2022	-2,000,000	7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

4.4. Sao kê chứng khoán

Khách hàng có thể tra cứu sao kê tiền bằng cách: tại mục **Tiện ích/Tra cứu**, chọn **Sao kê chứng khoán** chuyển sang màn hình **Sao kê chứng khoán**:



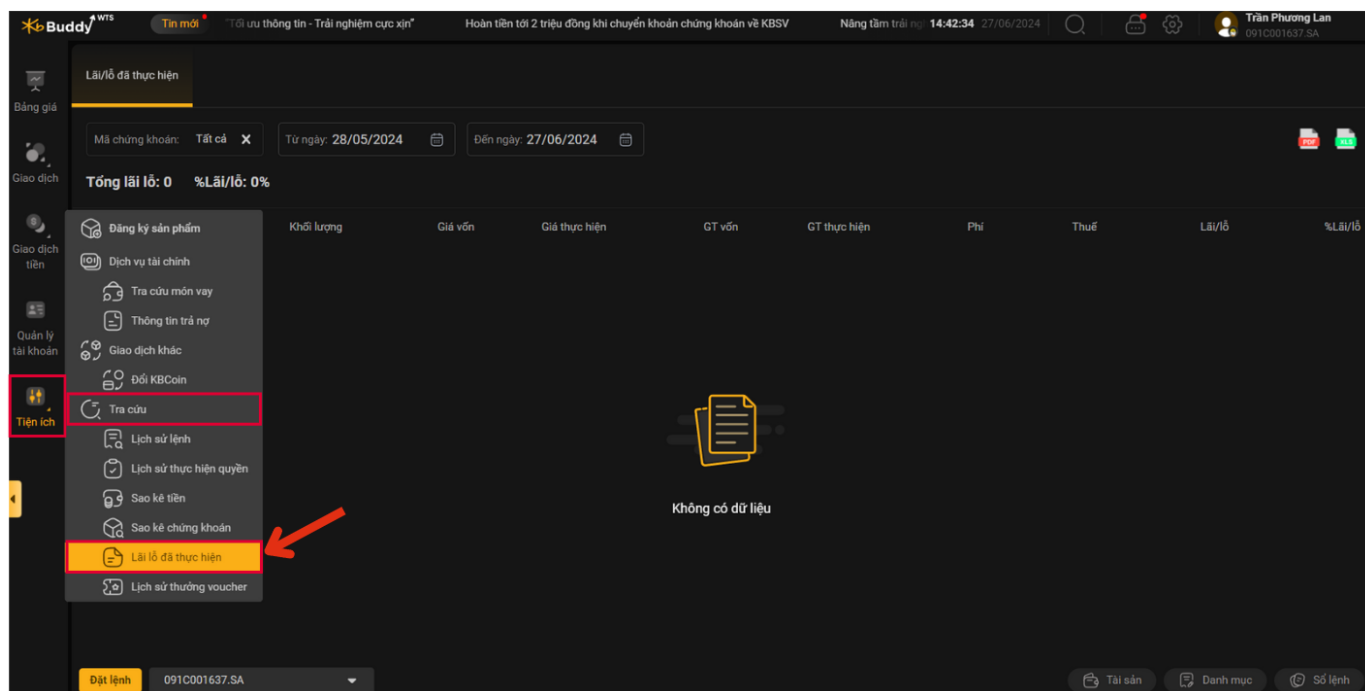
Tại màn hình **Sao kê chứng khoán** chọn thời gian muốn xem sao kê chứng khoán, hiển thị màn hình chi tiết sao kê chứng khoán trong khoảng thời gian đã lọc

Sao kê chứng khoán			
Mã chứng khoán: Tất cả		Từ ngày: 23/07/2022	
		Đến ngày: 28/08/2023	
Ngày	Mã	Phát sinh	Chi tiết
31/12/2022	ACB	+7,450,000,000	Bán 1000 cổ phiếu ACB
31/12/2022	MBB	-7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	STB	+5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	VCB	+5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

[Quay về mục lục](#)

4.5. Lãi lỗ đã thực hiện

Khách hàng có thể tra cứu lãi lỗ đã thực hiện bằng cách: tại mục **Tiện ích/ Tra cứu**, chọn **Lãi lỗ đã thực hiện** chuyển sang màn hình **Lãi lỗ đã thực hiện**



Tại màn hình **Lãi lỗ đã thực hiện** chọn mã chứng khoán; thời gian thực hiện, hiển thị màn hình chi tiết lãi lỗ đã thực hiện theo tiêu chí đã lọc

Lãi/lỗ đã thực hiện

Mã chứng khoán: Tất cả

Từ ngày: 23/07/2022

Đến ngày: 28/08/2023

Tổng lãi lỗ: -24,440,000

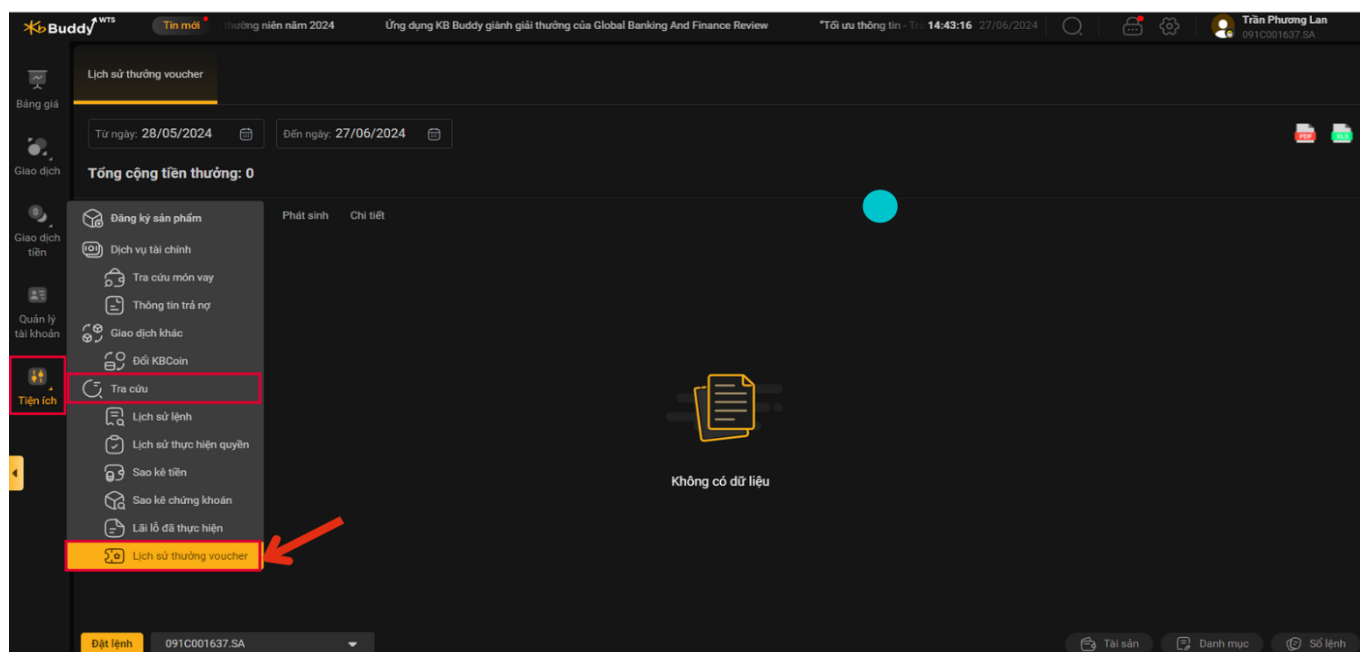
%Lãi/lỗ: -6.98%

Ngày	Mã	Khối lượng	Giá vốn	Giá thực hiện	GT vốn	GT thực hiện	Phí	Thuế	Lãi/lỗ	%Lãi/lỗ
31/12/2022	MBB	400	22,200	23,200	8,880,000	9,280,000	22,200	22,200	+400,000	+4.31%
31/12/2022	VCB	200	94,500	125,300	18,900,000	25,060,000	94,500	94,500	+6,160,000	+24.58%
01/01/2023	CTG	10,000	32,200	29,100	322,000,000	291,000,000	232,200	132,200	-31,000,000	-9.63%

4.6. Lịch sử thưởng voucher

Khách hàng có thể tra cứu lịch sử thưởng Voucher bằng cách: tại mục **Tiện ích/Tra cứu**, chọn tab **Lịch sử thưởng Voucher** chuyển sang màn hình **Lịch sử thưởng Voucher**

[Quay về mục lục](#)



Tại màn hình **Lịch sử thưởng Voucher** chọn thời gian tra cứu thưởng Voucher, hiển thị màn hình chi lịch sử thưởng Voucher theo thời gian đã chọn:

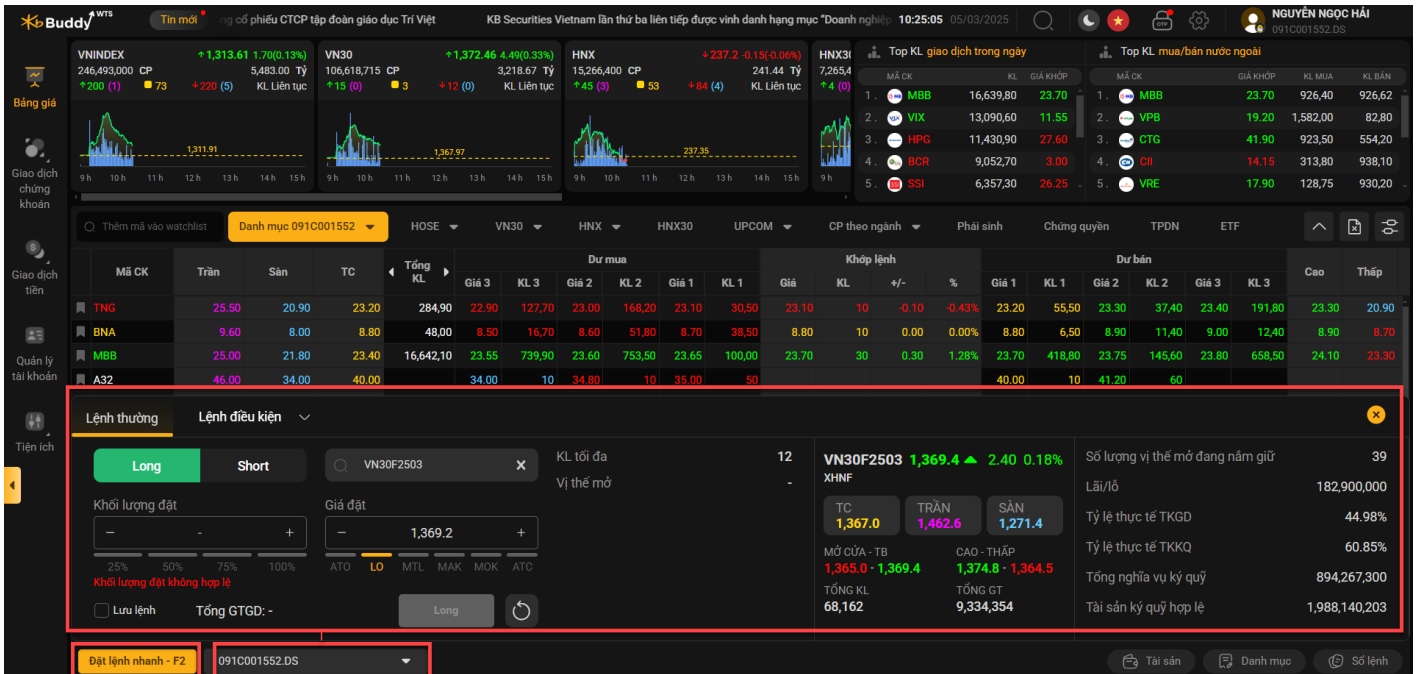
Lịch sử thưởng voucher		
Từ ngày: 23/07/2022	Đến ngày: 28/08/2023	
Tổng cộng tiền thưởng: 1,500,000		
Ngày	Phát sinh	Chi tiết
31/12/2022	+1,000,000	Thưởng giải nhất chương trình Lotto 1
31/12/2022	+500,000	Thưởng giải nhất chương trình Lotto 1

D. Phái sinh

I. Giao dịch

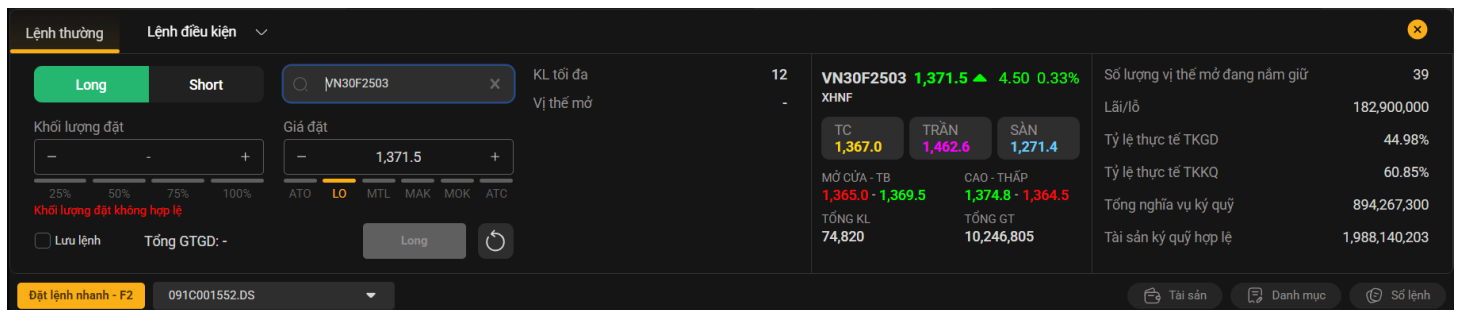
Các cách hiển thị khung đặt lệnh:

- Chọn nút **Đặt lệnh nhanh – F2** dưới thanh menu, tại màn hình giao dịch chọn tiểu khoản phái sinh (tiểu khoản đuôi DS)

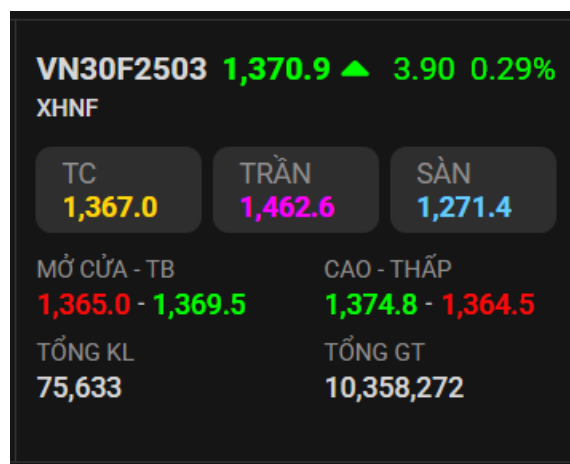


1. Đặt lệnh

Tại màn hình tab **Đặt lệnh** chọn mã chứng khoán phái sinh để hiển thị thông tin và đặt lệnh:



❖ Khung thông tin giá của mã cổ phiếu



[Quay về mục lục](#)

❖ Khung thông tin đặt lệnh:

- Khung thông tin tài khoản: lãi lỗ; khối lượng;...

Số lượng vị thế mở đang nắm giữ	39
Lãi/lỗ	182,900,000
Tỷ lệ thực tế TKGD	44.98%
Tỷ lệ thực tế TKKQ	60.85%
Tổng nghĩa vụ ký quỹ	894,267,300
Tài sản ký quỹ hợp lệ	1,988,140,203

2. Lệnh thường

Tại màn hình **Lệnh thường** để đặt lệnh Long/ Short chứng khoán phái sinh Khách Hàng thực hiện theo các bước sau

- Bước 1: Chọn mã chứng khoán phái sinh muốn đặt lệnh.
- Bước 2: Chọn loại lệnh
- Bước 3: Nhập/ chọn giá đặt
- Bước 4: Nhập khối lượng

[Quay về mục lục](#)

- Bước 5: Nhấn nút Long/ Short chuyển sang màn hình **Xác nhận lệnh**
- Bước 6: Nhập thông tin xác thực đặt lệnh và nhấn **Xác nhận**
- Bước 7: Lệnh đặt thành công màn hình xuất hiện thông báo:

Xác nhận lệnh đặt mua

Tiểu khoản

091C001552.DS

Lệnh

LONG

Mã chứng khoán

VN30F2503

Loại lệnh

LO

Giá đặt

1,371.5

Khối lượng

2

Giá trị (VNĐ)

274,300,000

Nhập mã OTP

Phương thức gửi OTP mặc định

SMS

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút

Gửi lại SMS OTP - Gửi lại Email OTP

Lưu OTP

Hủy

Xác nhận


Quý khách đã đặt lệnh thành công.

3. Lệnh điều kiện

Tại mục Lệnh điều kiện, chọn một trong các loại lệnh điều kiện: Stop Order, Trailing Buy, Trailing Sell, OCO, Bull & Bear.

Để đặt lệnh Long/ Short chứng khoán phái sinh Khách Hàng thực hiện theo các bước sau

- Bước 1: Chọn mã chứng khoán phái sinh muốn đặt lệnh.
- Bước 2: Chọn loại lệnh
- Bước 3: Nhập/ chọn giá đặt
- Bước 4: Nhập khối lượng

Lệnh thường

Stop Order

Stop Order

Trailing Buy

Trailing Sell

OCO

Bull & Bear

Chọn mã hợp đồng

KL tối đa

Vị thế mở

đặt

0

+

Long

Lưu lệnh

TC

TRẦN

SÀN

MỞ CỬA - TB

CAO - THẤP

TỔNG KL

TỔNG GT

0.00

0.00%

Số lượng vị thế mở đang nắm giữ

39

Lãi/lỗ

182,900,000

Tỷ lệ thực tế TKGD

44.98%

Tỷ lệ thực tế TKKQ

60.85%

Tổng nghĩa vụ ký quỹ

894,267,300

Tài sản ký quỹ hợp lệ

1,988,140,203

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.DS

Tài sản

Danh mục

Số lệnh

[Quay về mục lục](#)

Lệnh thường
Stop Order ⓘ

Long Short
VN30F2503 X
KL tối đa 12 | Vị thế mở -

Giá kích hoạt
≥ - 1,370 +
Giá đặt
- 1,371 +

Khối lượng
- 2 +
Long
☐ Lưu lệnh

Lệnh thường
Trailing Buy ⓘ

VN30F2503 X
KL tối đa 12 | Vị thế mở -

Biên kích hoạt
- 0.1 +
Bước giá
- 0.1 +

Khối lượng
- 2 +
Long
☐ Lưu lệnh

Lệnh thường
Trailing Sell ⓘ

VN30F2503 X
KL tối đa 12 | Vị thế mở -

Biên kích hoạt
- 0.1 +
Bước giá
- 0.1 +

Khối lượng
- 2 +
Short
☐ Lưu lệnh

Lệnh thường

OCO i ▼

Long

Short

×

KL tối đa 12

Vị thế mở -

Giá chốt lời

+

Giá dừng

+

Giá cắt lỗ

+

Khối lượng

+

Long

☐ Lưu lệnh

Lệnh thường

Bull & Bear i ▼

Long

Short

×

KL tối đa 12

Vị thế mở -

Kiểu kích hoạt

Khớp hết ▼

Giá đặt

+

Giá chốt lời

+

Giá dừng

+

Giá cắt lỗ

+

Khối lượng

+

Long

☐ Lưu lệnh

- Bước 5: Nhấn nút Long/ Short chuyển sang màn hình **Xác nhận lệnh**
- Bước 6: Nhập thông tin xác thực đặt lệnh và nhấn **Xác nhận**
- Bước 7: Lệnh đặt thành công màn hình xuất hiện thông báo:

Xác nhận lệnh ×

Tiểu khoản	091C001552.DS	Giá đặt	1370
Vị thế	LONG	Giá chốt lời	1375
Mã	VN30F2503	Giá dừng	1369
Lệnh điều kiện	Bull & Bear	Giá cắt lỗ	1368
Kiểu kích hoạt	Khớp hết	Khối lượng	1
Loại lệnh	LO		

Nhập mã OTP 🔗

Phương thức gửi OTP mặc định SMS ▼

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút 🔗

Gửi lại SMS OTP - Gửi lại Email OTP

☐ Lưu OTP

Hủy

Xác nhận

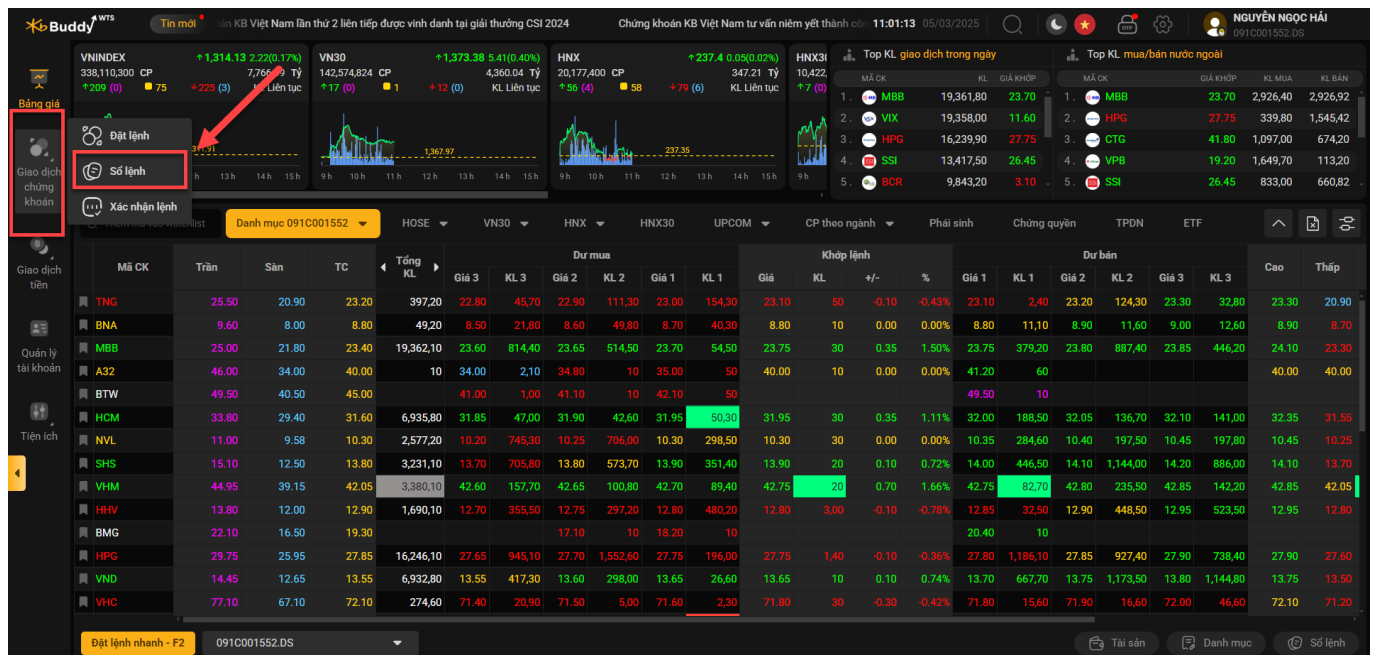


Quý khách đã đặt lệnh thành công.

[Quay về mục lục](#)

4. Sổ lệnh

Tại mục **Giao dịch chứng khoán** chọn **Sổ lệnh** màn hình sổ lệnh phái sinh:



Sổ lệnh thường

Chọn mã hợp đồng: Tất cả

Lệnh: Tất cả

Vị thế: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

PDF

PDF

Hủy lệnh đã chọn

☐	Mã	Vị thế	Loại lệnh	Giá đặt	KL đặt	Giá khớp	KL khớp	Còn lại	Đã hủy	Trạng thái	%Lãi/Lỗ	Thưởng/ĐK	Thời gian	Kênh GD
☐	VN30F2306	Short	MP	1087,7	500	22,200	400	100	0	Khớp một phần	-1.16%	Thưởng	09:30:23	KQ-Quote
☐	VN30F2307	Short	ATC	1087,7	200	94,500	200	0	0	Khớp hết	-2.33%	ĐK	14:20:23	KQ-Quote
☐	VN30F2307	Long	ATO	1087,7	10,000	32,200	10,000	0	0	Khớp hết	+2.16%	ĐK	14:20:25	KQ-Quote

Khách hàng có thể lọc thông tin hiển thị của sổ lệnh theo tiêu chí: Mã; Loại lệnh; Vị thế; và Trạng thái:

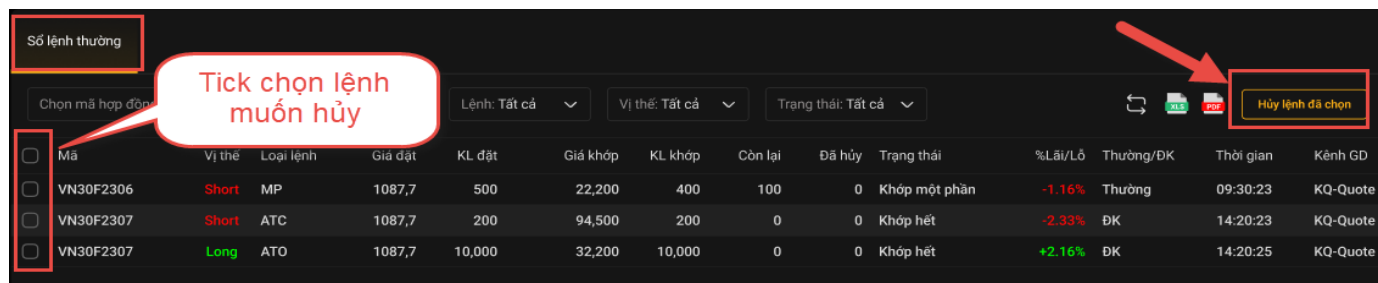
Sổ lệnh thường													
Chọn mã hợp đồng: Tất cả				Lệnh: Tất cả		Vị thế: Tất cả		Trạng thái: Tất cả		Hủy lệnh đã chọn			
VN30F2403 HNX: 1,260.00 (+0.1%) HDTL chỉ số VN30 1 tháng 297,841 HD VN30F2404 HNX: 1,258.00 (+0.4%) HDTL chỉ số VN30 2 tháng 2,873 HD VN30F2406 HNX: 1,260.90 (+0.1%) HDTL chỉ số VN30 1 quý 98 HD VN30F2409 HNX: 1,264.00 (+0.1%) HDTL chỉ số VN30 2 quý 102 HD				Tất cả Lệnh thường Lệnh điều kiện		Tất cả Long Short		Tất cả Chờ gửi Đã gửi Lệnh sửa gửi thành công Đang hủy Đã hủy Khớp hết Khớp 1 phần Từ chối		%Lãi/Lỗ Thưởng/ĐK Thời gian Kênh GD			
										-1.16% Thưởng 09:30:23 KQ-Quote			
										-2.33% ĐK 14:20:23 KQ-Quote			
										+2.16% ĐK 14:20:25 KQ-Quote			

Tại màn hình **Sổ lệnh** Khách hàng có thể theo dõi thông tin trạng thái lệnh đặt trong ngày và **Hủy/ sửa** lệnh đã đặt trên **Sổ lệnh**

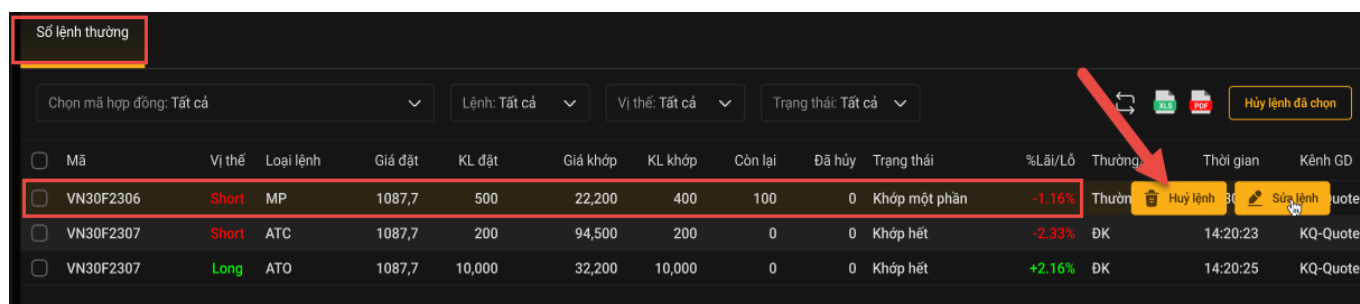
❖ Hủy lệnh

✓ Hủy từng lệnh

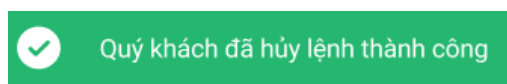
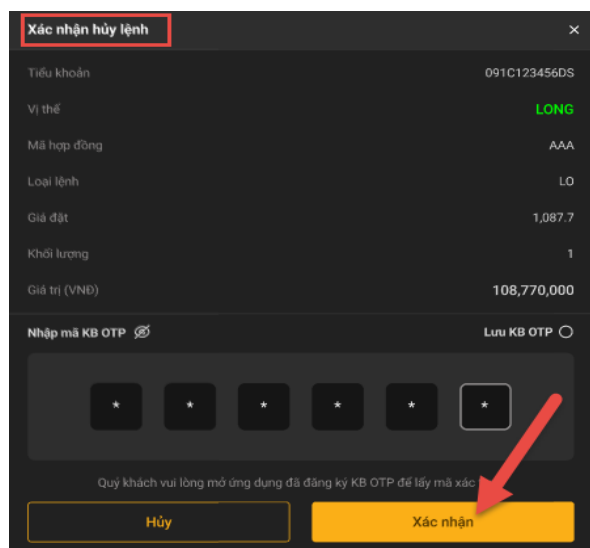
- Bước 1: Để hủy từng lệnh, tại màn hình **Sổ lệnh** khách hàng tick chọn vào lệnh muốn hủy



Hoặc tại màn hình **Sổ lệnh** khách hàng chọn lệnh muốn hủy kéo ngược sang trái màn hình xuất hiện nút **Hủy lệnh/Sửa lệnh**



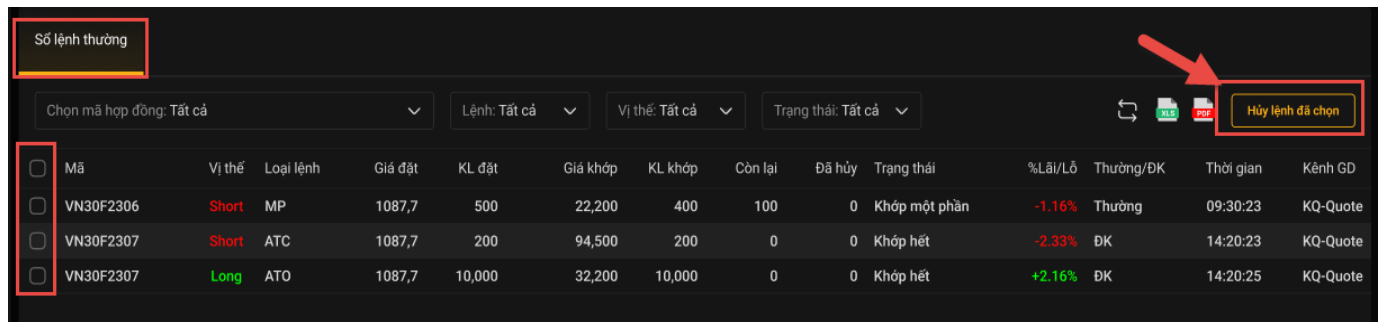
- Bước 2: Nhấn nút **Hủy lệnh/ Hủy lệnh đã chọn** chuyển sang màn hình xác nhận hủy lệnh:
- Bước 3: Nhập mã xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 4: Hủy thành công trả ra thông báo:



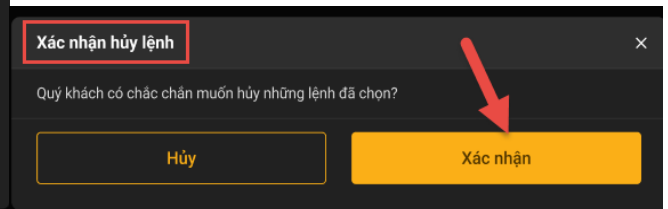
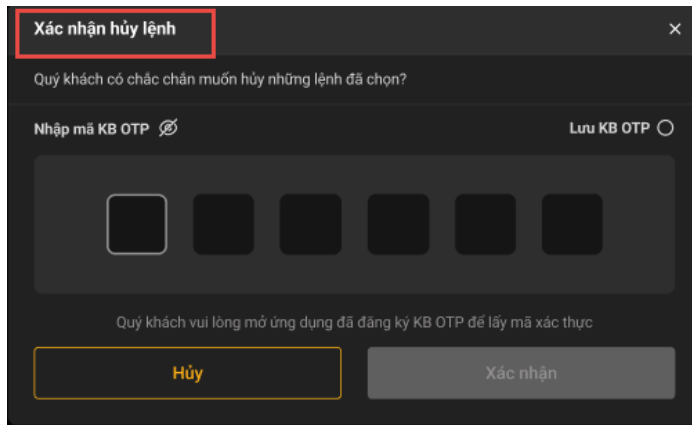
✓ Hủy nhiều lệnh

- Bước 1: Tại màn hình **Sổ lệnh** chọn các lệnh hủy và nhấn nút **Hủy các lệnh đã chọn**

[Quay về mục lục](#)



- Bước 2: Chuyển sang màn hình nhập phương thức xác thực
- Bước 3: Nhập mã mã xác thực và nhấn nút **Xác nhận**, chuyển sang màn hình **Xác nhận hủy lệnh**

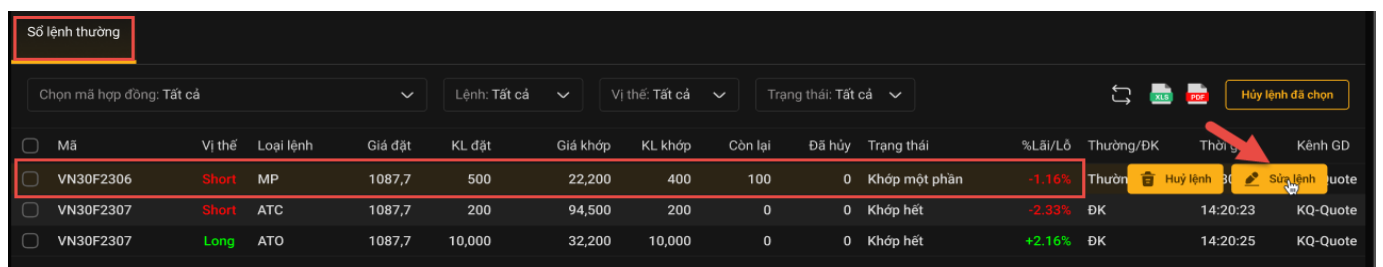


- Bước 4: Hủy toàn bộ lệnh thành công trả ra thông báo:

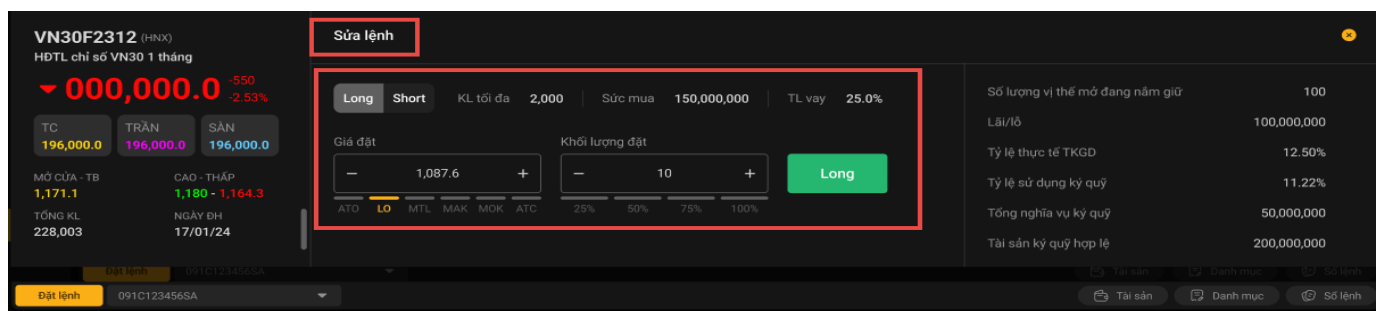
✔ Quý khách đã gửi lệnh hủy thành công.

❖ Sửa lệnh:

- Bước 1: vào màn hình **Số Lệnh**, chọn lệnh muốn sửa và kéo sang bên trái xuất hiện nút **Hủy lệnh/ Sửa lệnh**.



- Bước 2: Nhấn vào nút **Sửa lệnh** chuyển sang màn hình sửa lệnh:



- Nhập thông tin lệnh **Sửa** để Sửa lệnh, sau khi sửa thông tin nhấn nút **Long/Short** chuyển sang màn hình xác nhận lệnh **Sửa**.

- Bước 3: Nhập mã xác thực và nhấn xác nhận
- Bước 4: lệnh sửa thành công màn hình xuất hiện thông báo:

Sửa lệnh

Tiểu khoản

091C123456DS

Lệnh

LONG

Mã chứng khoán

VN30F2306

Loại lệnh

LO

Giá đặt

1,095.3

Khối lượng

10

Giá trị (VNĐ)

219,060,000

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Quý khách vui lòng mở ứng dụng đã đăng ký KB OTP để lấy mã xác thực

Hủy

Xác nhận

✓

Quý khách đã sửa lệnh thành công

II. Giao dịch tiền

Giao dịch tiền gồm: **Nộp tiền** và **Rút tiền**

Bảng giá

Giao dịch chứng khoán

Quản lý tài khoản

Tiền ích

Nộp tiền vào TKGD

Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

Nộp tiền vào TKGD

TK chuyển *

091C001552.SA

NK giao dịch *

0001035835

84,239,915,361

Nộp tiền

Rút tiền

0

Tiếp tục

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày

03/02/2025

05/03/2025

Ngày

Số tiền

Trạng thái

Kênh GD

Không có dữ liệu

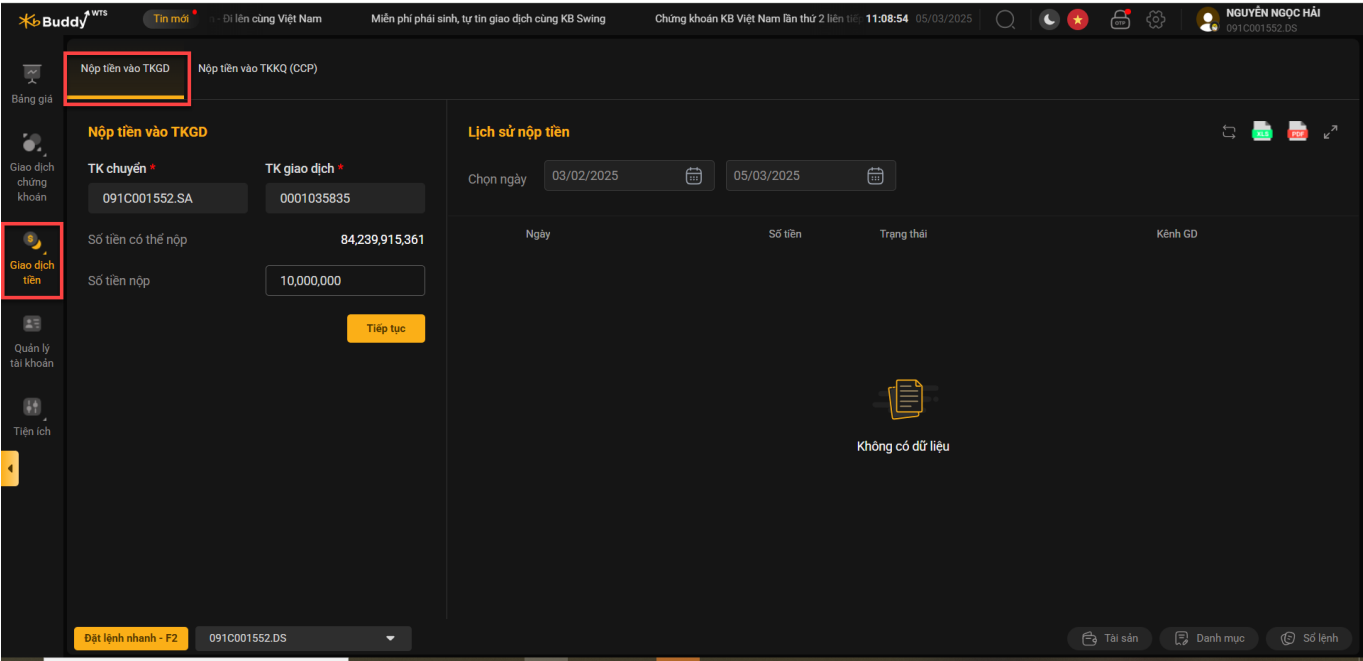
1. Nộp tiền

Nộp tiền gồm 02 tab: **Nộp tiền vào TKGD**; và **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**

1.1. Nộp tiền vào TKGD

Tại mục **Giao dịch tiền/ Nộp tiền** chọn tab **Nộp tiền vào TKGD**

[Quay về mục lục](#)

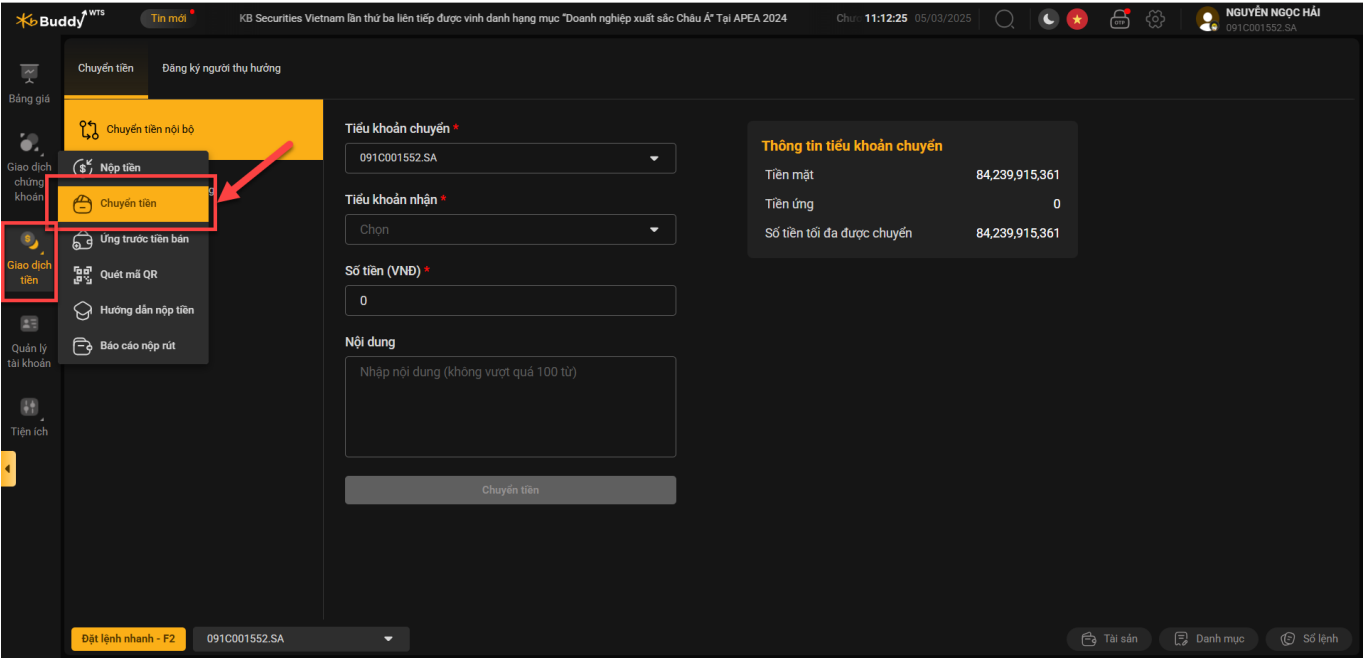


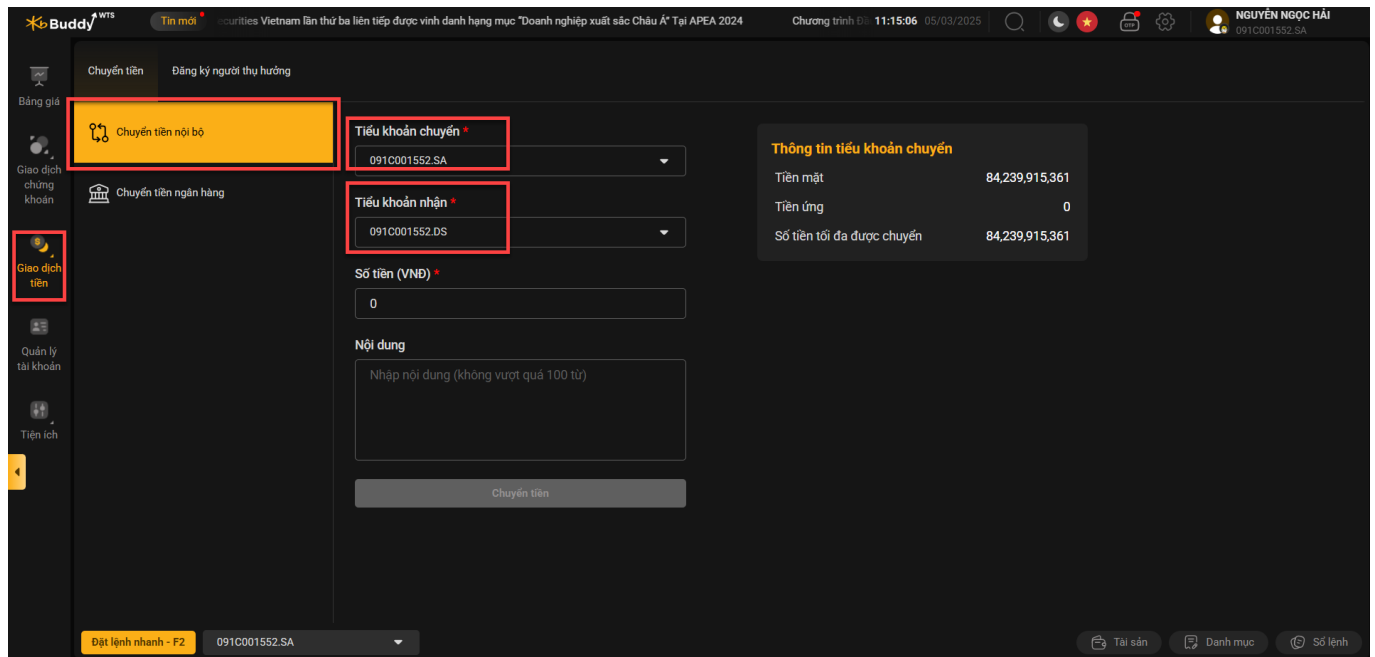
Màn hình **Nộp tiền vào TKGD** gồm 02 khung: **Nộp tiền vào TKGD** và **Lịch sử nộp tiền** vào tài khoản giao dịch

❖ **Nộp tiền vào TKGD**

Khách hàng có thể nộp tiền vào TKGD phái sinh bằng 02 cách:

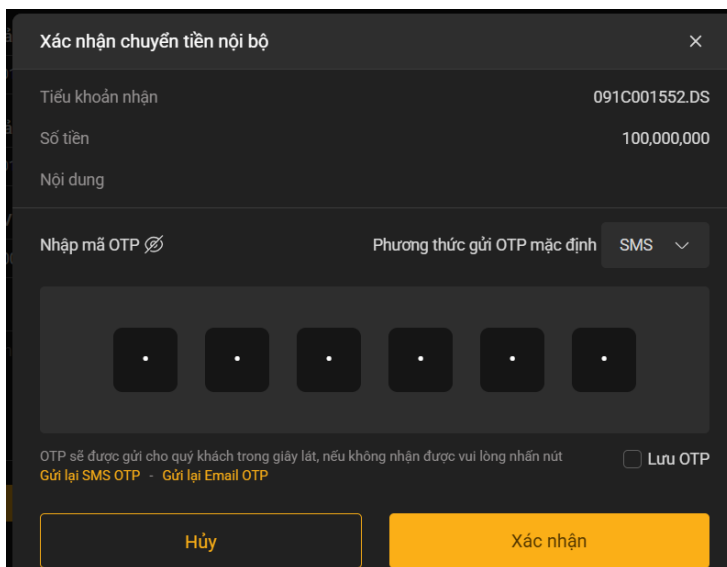
- Cách 1: Tại mục **Giao dịch tiền** của tiểu khoản SA chọn mục **Chuyển tiền/ Chuyển tiền nội bộ**



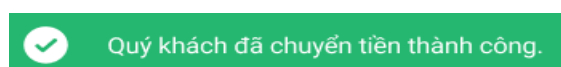


Giao dịch nộp tiền được thực hiện theo các bước:

- Bước 1: Tại màn hình **Chuyển khoản nội bộ** (Cơ sở) chọn tiểu khoản chuyển đi là tiểu khoản SA
- Bước 2: Chọn tiểu khoản nhận là tiểu khoản phái sinh (Đuôi DS)
- Bước 3: Nhập số tiền muốn chuyển khoản
- Bước 4: Nhập nội dung chuyển khoản (có thể bỏ qua)
- Bước 5: Nhấn nút **Chuyển tiền** chuyển qua màn hình xác nhận



- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**,
- Bước 7: Chuyển tiền thành công trả ra thông báo:



- Cách 2: Trên tiểu khoản phái sinh tại mục **Giao dịch tiền** chọn **Nộp tiền vào TKGD** màn hình nộp tiền vào TKGD phái sinh:

[Quay về mục lục](#)

Các bước nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh:

- Bước 1: Tại màn hình **Giao dịch tiền** chọn mục **Nộp tiền vào TKGD** chuyển sang màn hình giao dịch nộp tiền
- Bước 2: Tại màn hình **Nộp tiền vào TKGD** nhập số tiền muốn nộp
- Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận nộp tiền
- Bước 4: Nhập mã xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 5: Nộp tiền thành công trả ra thông báo

[Quay về mục lục](#)

❖ **Lịch sử nộp tiền vào TKGD**

Lịch sử nộp tiền vào TKGD là màn hình chi tiết thông tin các lệnh nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh:
Ngày; Số tiền, Trạng thái lệnh nộp tiền

Tại màn hình **Nộp tiền vào TKGD** chọn tab **Lịch sử nộp tiền**:

Tin mới

ngành xuất sắc Châu Á Tại APEA 2024

Chương trình Đầu tư tích sản - Bì lên cùng Việt Nam

Miền phi phái sinh, tự tin

13:28:02

05/03/2025

NGUYỄN NGỌC HẢI

091C001552.DS

Nộp tiền vào TKGD

Nộp tiền vào TKKK (CCP)

Bảng giá

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiện ích

Nộp tiền vào TKGD

TK chuyển *
091C001552.SA
Số tiền có thể nộp 83,229,915,361
Số tiền nộp 0
Tiếp tục

TK giao dịch *
0001035835

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày 03/02/2022 05/03/2025

Ngày	Số tiền	Trạng thái	Kênh GD
27/11/2024	1,000,000,000	Hoàn tất	KB Buddy WTS
27/11/2024	10,000,000	Hoàn tất	KB Buddy WTS
18/10/2024	2,555,555	Hoàn tất	KB Buddy Pro
18/10/2024	9,999,999	Hoàn tất	KB Buddy WTS
18/10/2024	10,000,000	Hoàn tất	KB Buddy WTS
31/08/2023	1,111,111	Hoàn tất	KB-Trade
31/08/2023	1,111,111	Hoàn tất	KB-Trade
24/08/2023	10,000,000	Hoàn tất	KB Buddy WTS
23/08/2023	10,000,000	Hoàn tất	KB Buddy WTS
23/08/2023	10,000,000	Hoàn tất	KB Buddy WTS
23/08/2023	10,000,000	Hoàn tất	KB Buddy WTS

Đặt lệnh nhanh - F2 091C001552.DS

Tải sản Danh mục Số lệnh

Lịch sử nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh nộp tiền vào TKGD theo khoảng thời gian.

Tại màn hình **Lịch sử nộp tiền** chọn thời gian tra cứu lệnh nộp tiền, màn hình hiển thị thông tin lịch sử lệnh nộp tiền theo tiêu chí thời gian đã chọn:

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày

12/12/2023



22/12/2023



Ngày	Số tiền	Trạng thái	Kênh GD
12/01/2024	100,000,000,000	Đang xử lý	KB Buddy
12/01/2024	500,000	Thất bại	KB Buddy
12/01/2024	100,000	Hoàn tất	KB Buddy
12/01/2024	1,000,000	Hoàn tất	KB Buddy

1.2. Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

Tại mục **Giao dịch tiền/ Nộp tiền** chọn tab **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**

Màn hình **Nộp tiền vào TTKQ (CCP)** bao gồm 02 khung: **Nộp tiền vào TTKQ (CCP)** và **Lịch sử nộp tiền vào TTKQ (CCP)**

Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

TK giao dịch * 0001035835 TK ký quỹ * 091C001552.DS

Số tiền có thể nộp 1,540,597,602

Số tiền nộp 0

Loại phí * Phí trong

Phí (đã bao gồm VAT) -

Số tiền ký quỹ sau khi nộp -

(*)Lưu ý: Khách hàng vui lòng duy trì số tiền trên TKKQ (CCP) là 0 hoặc $\geq 3.000.000$ đồng

Tiếp tục

Ngày	TK giao dịch	TK ký quỹ	Số tiền	Trạng thái
05/09/2023	0001035835	091C001552	6,813	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	123,456	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	1,000,000	"Điện không hợp lệ (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	994,500	"Điện không hợp lệ (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)

❖ Các bước **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**:

- Bước 1: Tại màn hình **Nộp tiền** chọn **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**
- Bước 2: Tại màn hình **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)** nhập thông tin số tiền nộp và loại phí (Có hai loại phí KH có thể chọn: Phí trong và Phí ngoài:

Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

TK giao dịch * FDS0001035835 TK ký quỹ * 091C001552

Số tiền có thể nộp 1,008,076,245

Số tiền nộp 0

Loại phí * Phí trong

Phí (đã bao gồm VAT)

Số tiền ký quỹ sau khi nộp

(*)Lưu ý: Khách hàng vui lòng duy trì số tiền trên TKKQ (CCP) là 0 hoặc $\geq 3.000.000$ đồng

Tiếp tục

Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

TK giao dịch * FDS0001035835 TK ký quỹ * 091C001552

Số tiền có thể nộp 1,008,076,245

Số tiền nộp 10,000,000

Loại phí * Phí trong

Phí (đã bao gồm VAT)

Số tiền ký quỹ sau khi nộp

(*)Lưu ý: Khách hàng vui lòng duy trì số tiền trên TKKQ (CCP) là 0 hoặc $\geq 3.000.000$ đồng

Tiếp tục

- Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**
- Bước 4: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**

[Quay về mục lục](#)

Xác nhận nộp tiền vào TKKQ (CCP)

TK ký quỹ (CCP)	091C123456
Số tiền	10,000,000
Phí chuyển tiền	5,500
Số tiền ký quỹ sau khi nộp	20,000,000

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

[Gửi SMS OTP](#) - [Gửi Email OTP](#)

Hủy
Xác nhận

Xác nhận nộp tiền vào TKKQ (CCP)

TK ký quỹ (CCP)	091C123456
Số tiền	10,000,000
Phí chuyển tiền	5,500
Số tiền ký quỹ sau khi nộp	20,000,000

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

6

6

6

6

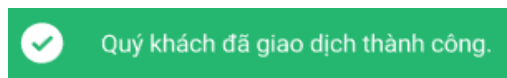
6

6

[Gửi SMS OTP](#) - [Gửi Email OTP](#)

Hủy
Xác nhận

- Bước 5: Nộp tiền thành công trả ra thông báo:



❖ Lịch sử nộp tiền vào TKKQ

Lịch sử nộp tiền vào tài khoản ký quỹ là màn hình chi tiết thông tin các lệnh nộp tiền vào tài khoản ký quỹ phải sinh: Ngày giao dịch, Ngày hiệu lực, Số tiền, Trạng thái lệnh nộp tiền

Tại màn hình **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)** chọn **Lịch sử nộp tiền**.

Nộp tiền vào TKGD

Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

TK giao dịch * 0001035835

TK ký quỹ * 091C001552.DS

Số tiền có thể nộp 1,540,597,602

Số tiền nộp 0

Loại phí * Phí trong

Phí (đã bao gồm VAT) -

Số tiền ký quỹ sau khi nộp -

(*)Lưu ý: Khách hàng vui lòng duy trì số tiền trên TKKQ (CCP) là 0 hoặc ≥ 3.000.000 đồng

Thiết lập nhanh - F2 091C001552.DS

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày 03/02/2022 05/03/2025

Ngày	TK giao dịch	TK ký quỹ	Số tiền	Trạng thái
05/09/2023	0001035835	091C001552	6,813	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	123,456	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	1,000,000	"Điện không hợp lệ (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	994,500	"Điện không hợp lệ (VSD/CCP)
24/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)

Lịch sử nộp tiền vào tài khoản ký quỹ phải sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh nộp tiền vào TKKQ theo khoảng thời gian.

[Quay về mục lục](#)

Tại màn hình **Lịch sử nộp tiền** vào TKKQ chọn khoảng thời gian tra cứu, màn hình hiện thông tin lệnh nộp tiền vào TKKQ theo thời gian đã chọn

Lịch sử nộp tiền

Chọn ngày

08/05/2023

07/06/2024

Ngày	TK chuyển	TK giao dịch	Số tiền	Phí	Trạng thái
23/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
23/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
23/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
23/08/2023	0001035835	091C001552	199,994,500	199,994,500	Hoàn tất (VSD/CCP confirm)
23/08/2023	0001035835	091C001552	994,500	994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
22/08/2023	0001035835	091C001552	105,611	105,611	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
22/08/2023	0001035835	091C001552	5,550,055	5,550,055	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
22/08/2023	0001035835	091C001552	494,500	494,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)

2. Rút tiền

Rút tiền gồm 02 tab: **Rút tiền từ TKKQ (CCP); và Rút tiền từ TKKGĐ**

2.1. Rút tiền từ TKKQ (CCP)

Tại mục **Giao dịch tiền/ Rút tiền** chọn tab **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**

Màn hình **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** bao gồm 02 khung: **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** và **Lịch sử rút tiền từ TKKQ (CCP)**

Buddy

Tin mới

Chương trình Đầu tư tích sản - Đi lên cùng Việt Nam

Miễn phí phái sinh, tự tin giao dịch cùng KB Swing

Chức năng13:33:2905/03/2025

NGUYỄN NGỌC HẢI
091C001552.DS

Bảng giá

Rút tiền TKKKQ (CCP)Rút tiền TKGD

Rút tiền TKKKQ (CCP)

TK ký quỹ *
091C001552.DS

TK giao dịch *
0001035835

Giao dịch chứng khoán

Nộp tiền
180,213,278

Rút tiền
0

Quản lý tài khoản

Loại phíPhí trong

Phí (đã bao gồm VAT)-

Số tiền kỳ sau khi rút-

(*)Lưu ý: Khách hàng vui lòng duy trì số tiền trên TKKKQ (CCP) là 0 hoặc ≥ 3.000.000 đồng

Tiếp tục

Tiện ích

Đặt lệnh nhanh - F2091C001552.DS

Lịch sử rút tiền

Chọn ngày03/02/202505/03/2025

Ngày	TK ký quỹ	TK giao dịch	Số tiền	Trạng thái
Không có dữ liệu				

- ❖ Các bước **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**:
 - Bước 1: Tại màn hình **Rút tiền** chọn **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**
 - Bước 2: Tại màn hình **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** nhập thông tin số tiền rút và loại phí cố định là **Phí trong**

[Quay về mục lục](#)

- Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**

- Bước 4: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 5: Rút tiền thành công trả ra thông báo:

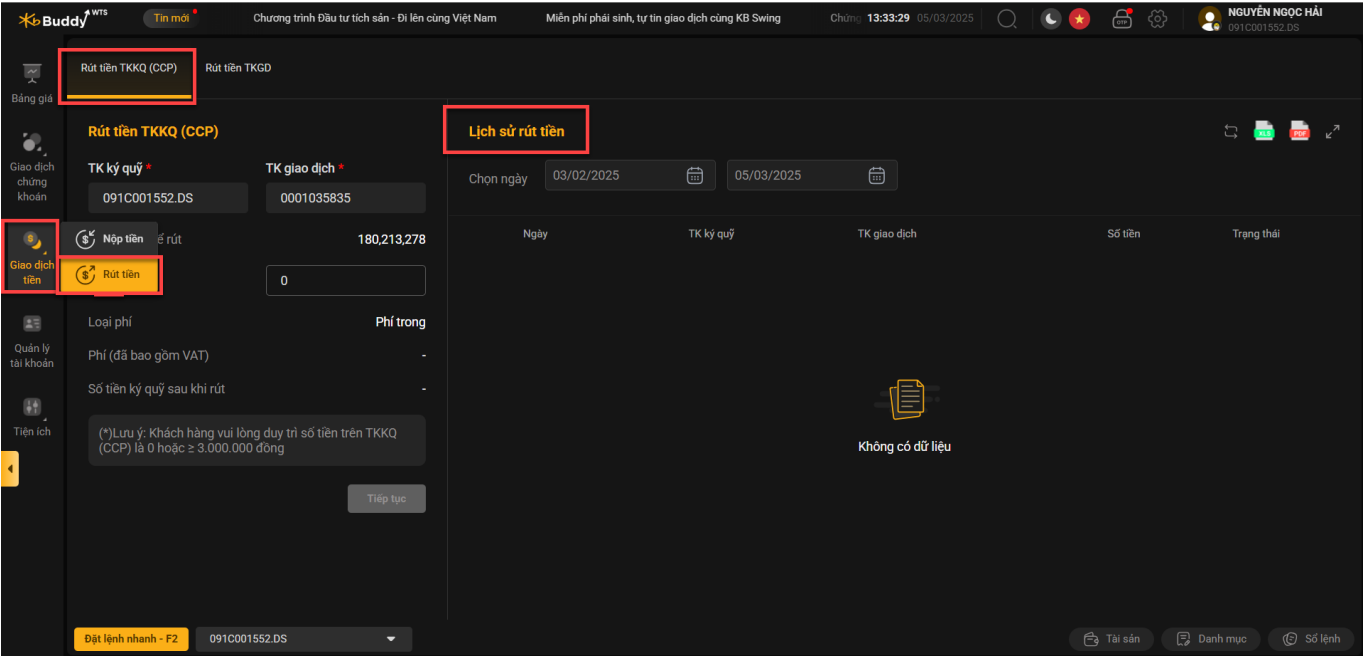
❖ Lịch sử rút tiền

Lịch sử rút tiền từ tài khoản ký quỹ là màn hình chi tiết thông tin các lệnh rút tiền từ tài khoản ký quỹ phái sinh:

Ngày giao dịch, Ngày hiệu lực, Số tiền, Trạng thái lệnh rút tiền

Tại màn hình **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** chọn **Lịch sử rút tiền**.

[Quay về mục lục](#)



Lịch sử rút tiền từ tài khoản ký quỹ phái sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh rút tiền từ TKKQ theo khoảng thời gian.

Tại màn hình **Lịch sử rút tiền** từ TKKQ chọn khoảng thời gian tra cứu, màn hình hiện thông tin lệnh rút tiền từ TKKQ theo thời gian đã chọn

Lịch sử rút tiền				
Chọn ngày	12/12/2023	22/12/2023		
Ngày	TK ký quỹ	TK giao dịch	Số tiền	Trạng thái
12/01/2024	091C123456SA	0001051234	100,000,000,000	Đang xử lý
12/01/2024	091C123456SA	0001051234	500,000	Thất bại
12/01/2024	091C123456MA	0001051234	100,000	Hoàn tất
12/01/2024	091C123456MA	0001051234	1,000,000	Hoàn tất

- 2.2. Rút tiền TKKD

Tại mục **Giao dịch tiền/ Rút tiền** chọn tab **Rút tiền từ TKGD**

Màn hình **Rút tiền từ TKGD** bao gồm 02 khung: **Rút tiền từ TKGD** và **Lịch sử rút tiền từ TKGD**

Rút tiền TKGD

TK giao dịch * 0001035835 TK nhận * 091C001552.SA

Số tiền có thể rút 1,540,597,602

Số tiền rút 100,000,000

Tiếp tục

Ngày	TK giao dịch	Số tiền	Trạng thái
18/10/2024	0001035835	979,797	Hoàn tất
18/10/2024	0001035835	11,111,111	Hoàn tất
31/08/2023	0001035835	1,111	Hoàn tất
24/08/2023	0001035835	1,000,000	Hoàn tất
24/08/2023	0001035835	1,000,000	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	10,000,000	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	10,000,000	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	1,111,111	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	1,111,111	Hoàn tất
16/08/2023	0001035835	1,000,000	Hoàn tất

Tiếp tục

❖ Các bước **Rút tiền từ TKGD**:

- Bước 1: Tại màn hình **Rút tiền** chọn **Rút tiền từ TKGD**
- Bước 2: Tại màn hình **Rút tiền từ TKGD** nhập thông tin số tiền rút ; tiểu khoản nhận mặc định là tiểu khoản đuôi SA
- Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận **Rút tiền từ TKGD**

Rút tiền TKGD

TK giao dịch * 0001051234 TK nhận * 091C123456SA

Số tiền có thể rút 20,990,000

Số tiền rút Nhập số tiền

Tiếp tục

- Bước 4: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 5: Rút tiền thành công trả ra thông báo:

Xác nhận rút tiền từ TKGD

TK giao dịch

0001051234

TK nhận

091C123456SA

Số tiền

5,000,000

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

*

*

*

*

*

*

Gửi SMS OTP

Gửi Email OTP

Hủy

Xác nhận

✓

Quý khách đã giao dịch thành công.

❖ Lịch sử rút tiền

Lịch sử rút tiền từ tài khoản giao dịch là màn hình chi tiết thông tin các lệnh rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh: Ngày hiệu lực, Số tiền, Trạng thái lệnh rút tiền, TK giao dịch

Tại màn hình **Rút tiền TKGD** chọn **Lịch sử rút tiền**.

Bảng giá

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiện ích

Rút tiền TKGD

TK giao dịch

0001035835

TK nhận

091C001552.SA

Số tiền có thể rút

1,540,597,602

Số tiền rút

100,000,000

Tiếp tục

Lịch sử rút tiền

Chọn ngày

03/02/2022

05/03/2025

Ngày	TK giao dịch	Số tiền	Trạng thái
18/10/2024	0001035835	979,797	Hoàn tất
18/10/2024	0001035835	11,111,111	Hoàn tất
31/08/2023	0001035835	1,111	Hoàn tất
24/08/2023	0001035835	1,000,000	Hoàn tất
24/08/2023	0001035835	1,000,000	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	10,000,000	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	10,000,000	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	1,111,111	Hoàn tất
23/08/2023	0001035835	1,111,111	Hoàn tất
16/08/2023	0001035835	1,000,000	Hoàn tất

Lịch sử rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh rút tiền từ TKGD theo khoảng thời gian.

Tại màn hình **Lịch sử rút tiền** từ TKGD chọn khoảng thời gian tra cứu, màn hình hiện thông tin lệnh rút tiền từ TKGD theo thời gian đã chọn

[Quay về mục lục](#)

Lịch sử rút tiền

Chọn ngày

12/12/2023

22/12/2023

Ngày	TK giao dịch	Số tiền	Trạng thái
12/01/2024	0001051234	100,000,000,000	Đang xử lý
12/01/2024	0001051234	500,000	Thất bại
12/01/2024	0001051234	100,000	Hoàn tất
12/01/2024	0001051234	1,000,000	Hoàn tất

III. Quản lý tài khoản

Mục Quản lý tài khoản phái sinh gồm: Tài sản phái sinh và Tổng tài sản

Tài sản phái sinh

Tổng tài sản

Tổng quan

Thông tin tài sản

Tài sản ròng

3,181,040,202

Lãi/lỗ trong ngày (VM)

114,290,000

Lãi/lỗ vị thế đóng

0

Lãi/lỗ vị thế mở

114,290,000

Tổng phí thuế

6,789,894

Phí vị thế

5,887,950

Phí giao dịch tại KBSV

0

Danh mục tài sản

Tại KBSV

Tại CCP

Tiền

1,547,387,496

1,279,622,403

Tiền chờ nộp

-

12,119,269

Tiền chờ rút

-

165,800,929

Giá trị chứng khoán ký quỹ

0

0

Giá trị tài sản hợp lệ

2,998,140,203

1,445,423,332

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng nghĩa vụ IM: 894,267,300

Tổng lãi/lỗ: 114,290,000

STT	Mã HĐ	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2406	Short	-2	0	0	43,180,000	1,287.5	0	257,500,000	0	0	0%	Không
2	VN30F2411	Long	3	0	0	65,346,300	1,275.6	0	382,680,000	0	0	0%	Không
3	VN30F2412	Long	23	0	0	520,421,000	1,280	0	2,944,000,000	0	0	0%	Không
4	VN30F2506	Long	11	0	0	265,320,000	1,285.1	1,389	1,413,610,000	1,527,900,000	114,290,000	8.08%	Không

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.DS

Tài sản

Danh mục

Số lệnh

1. Tài sản phái sinh

Tại thanh mục Quản lý tài khoản phái sinh chọn tab Tài sản phái sinh, màn hình Chi tiết tài sản phái sinh gồm các tab nhỏ: Tổng quan; Thông tin tài sản; Vị thế mở; Vị thế đóng; Chứng khoán ký quỹ; Danh sách CK được ký quỹ

Tài sản phái sinh

Tổng tài sản

Tổng quan

Tài sản ròng326,973,250

Lãi lỗ trong ngày (VM)-11,830,000

Tổng phí thuế253,350

Tổng nợ0

Sức mở vị thế F1

Thông tin tài sản

Danh mục tài sản

Tại KBSV

Tại CCP

Tiền

119,073,100

209,979,000

Tiền chờ nộp

0

0

Tiền chờ rút

0

0

Giá trị chứng khoán ký quỹ

0

0

Giá trị tài sản hợp lệ

338,803,250

209,989,000

Số tiền có thể rút

118,819,750

19,737,286

Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu

128,476,800

121,339,200

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng nghĩa vụ IM: 128,476,800

Tổng lãi/lỗ: -2,590,000

STT	Mã HĐ	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2311	Long	3	0	0	59,896,800	1,109	1,109	332,760,000	332,760,000	0	0%	Không
2	VN30F2406	Short	-3	6	0	68,580,000	1,261	1,270	-378,410,999	-381,000,000	-2,590,000	0.68%	Không

1.1. Tổng quan

- Tại tab **Tài sản phái sinh/ Tổng quan** nhấn vào biểu tượng mở to cửa sổ màn hình:

Tài sản phái sinh	Tổng tài sản
Tổng quan	
Tài sản ròng	9,518,669,745
Lãi lỗ trong ngày (VM)	10,518,669
Lãi/lỗ vị thế đóng	10,518,669
Lãi/ lỗ vị thế mở	0
Tổng phí thuế	102,550
Phí vị thế	2,550
Phí giao dịch tại KBSV	0
Phí giao dịch trả sở	0

- Màn hình **Tổng quan** về tài khoản phái sinh hiển thị toàn bộ thông tin tổng quan của tài khoản phái sinh gồm các mục chi tiết:
 - ✓ Tài sản ròng
 - ✓ Lãi lỗ trong ngày (VM_
 - ✓ Tổng phí thuế
 - ✓ Tổng nợ
 - ✓ Sức mở vị thế

[Quay về mục lục](#)

Tài sản phái sinh	Tổng tài sản
Tổng quan	
Tài sản ròng	9,518,669,745
Lãi lỗ trong ngày (VM)	10,518,669
Lãi/lỗ vị thế đóng	10,518,669
Lãi/ lỗ vị thế mở	0
Tổng phí thuế	102,550
Phí vị thế	2,550
Phí giao dịch tại KBSV	0
Phí giao dịch trả số	0
Phí ký quỹ	100,000
Thuế TNCN	0
Tổng nợ	0
Nợ thấu chi	0
Lãi thấu chi	0
Sức mở vị thế mã F1	
Long	12
Short	14

1.2. Thông tin tài sản

- Tại tab **Tài sản phái sinh/ Thông tin tài sản** nhấn vào biểu tượng mở to cửa sổ màn hình:

Tài sản phái sinh	Tổng tài sản
Tổng quan	Thông tin tài sản
Tài sản ròng	9,518,669,745
Lãi lỗ trong ngày (VM)	10,518,669
Lãi/lỗ vị thế đóng	10,518,669
Lãi/ lỗ vị thế mở	0
Tổng phí thuế	102,550
Phí vị thế	2,550
Phí giao dịch tại KBSV	0
Phí giao dịch trả số	0
Danh mục tài sản	Tại KBSV
Tiền	-
Tiền chờ nộp	-
Tiền chờ rút	-
Chứng khoán ký quỹ	-
Giá trị tài sản hợp lệ	-
Số tiền có thể rút	-
Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu	-

- Màn hình **Thông tin tài sản** của tài khoản phái sinh hiển thị toàn bộ thông tin về tài sản phái sinh của khách hàng tại KBSV và tại CCP gồm các danh mục tài sản:
 - ✓ Tiền
 - ✓ Tiền chờ nộp/rút ký quỹ
 - ✓ Giá trị chứng khoán ký quỹ
 - ✓ Giá trị tài sản hợp lệ
 - ✓ Nghĩa vụ ký quỹ
 - ✓ Số tiền có thể rút
 - ✓ Tỷ lệ thực tế tài khoản
 - ✓ Trạng thái tài khoản
 - ✓ Giá trị tiền cần bổ sung

[Quay về mục lục](#)

Tài sản phái sinh

Tổng tài sản

Thông tin tài sản

Danh mục tài sản	Tại KBSV	Tại CCP
Tiền	-	-
Tiền chờ nộp	-	-
Tiền chờ rút	-	-
Giá trị chứng khoán ký quỹ	-	-
Giá trị tài sản hợp lệ	-	-
Số tiền có thể rút	-	-
Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu	-	-
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	-	-
Tỷ lệ thực tế tài khoản	-	-
Trạng thái tài khoản	-	-
Giá trị tiền cần bổ sung	-	-

1.3. Vị thế mở

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Vị thế mở** nhấn vào biểu tượng mở to cửa sổ màn hình

Tài sản phái sinh

Tổng tài sản

Tổng quan

Tài sản ròng9,518,669,745

Lãi/lỗ trong ngày (VM)10,518,669

Lãi/lỗ vị thế đóng10,518,669

Lãi/lỗ vị thế mở0

Tổng phí thuế102,550

Phí vị thế2,550

Phí giao dịch tại KBSV0

Phí giao dịch trả sở0

Thông tin tài sản

Danh mục tài sản	Tại KBSV	Tại CCP
Tiền	-	-
Tiền chờ nộp	-	-
Tiền chờ rút	-	-
Chứng khoán ký quỹ	-	-
Giá trị tài sản hợp lệ	-	-
Số tiền có thể rút	-	-
Nghĩa vụ ký quỹ ban đầu	-	-

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng nghĩa vụ IM: 266,223,000,000

Tổng lãi/lỗ: 266,223,000,000

STT	Mã HĐ	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
2	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	100
3	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	13,000,000	10%	0
4	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	0
5	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
6	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100

Màn hình **Vị thế mở** là màn hình tập hợp những vị thế hiện tại đang mở của tiểu khoản phái sinh theo từng mã:

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng nghĩa vụ IM: 266,223,000,000

Tổng lãi/lỗ: 266,223,000,000

STT	Mã HD	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
2	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	100
3	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	13,000,000	10%	0
4	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	0
5	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
6	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100

Thông tin vị thế hiển thị trên màn hình **Danh mục vị thế mở** gồm:

- ✓ Mã: mã phái sinh
- ✓ Vị thế: Long/ Short
- ✓ Khối lượng mở: khối lượng vị thế đang mở
- ✓ Nghĩa vụ IM
- ✓ Giá vốn: giá mở vị thế
- ✓ Giá trị vốn
- ✓ Giá thị trường
- ✓ Lãi/lỗ sự kiện: Lãi/ lỗ của các vị thế đang mở theo giá realtime
- ✓ % Lãi lỗ dự kiến: % Lãi/ lỗ của các vị thế đang mở theo giá realtime
- ✓ Vị thế ròng

Tài sản phái sinh

Tổng tài sản

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng nghĩa vụ IM: 266,223,000,000

Tổng lãi/lỗ: 266,223,000,000

STT	Mã HD	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
2	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
3	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
4	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0
5	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
6	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
7	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
8	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0
9	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
10	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
11	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
12	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0
13	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
14	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
15	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
16	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0

❖ **Đóng vị thế**

Tại màn hình **Vị thế mở**, tại mỗi dòng vị thế mở vuốt sang trái sẽ xuất hiện nút **Đóng** vị thế

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng nghĩa vụ IM: 266,223,000,000

Tổng lãi/lỗ: 266,223,000,000

STT	Mã HD	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	Đóng 0
2	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	100
3	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	13,000,000	10%	0
4	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	0
5	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
6	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100

Các bước **Đóng vị thế**:

- Bước 1: Chọn vị thế muốn đóng vuốt sang trái xuất hiện nút **Đóng**
- Bước 2: Nhấn nút **Đóng** chuyển sang màn hình **Xác nhận lệnh đóng vị thế**
- Bước 3: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 4: Lệnh đóng thành công trả ra thông báo:

1.4. Vị thế đóng

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Vị thế đóng** Màn hình **Vị thế đóng** là màn hình thông tin chi tiết các vị thế đã đóng trong ngày của tiểu khoản phái sinh.

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng lãi/lỗ: -266,223,000,000

STT	Mã HĐ	KL đóng	Giá Long	Giá Short	Lãi/lỗ đóng
1	VN30F2306	32,600	32,600	203,928,000	13,000,000
2	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	-4,000,000
3	VN30F2306	94,500	94,500	94,500	13,000,000
4	VN30F2307	32,200	32,200	32,200	-4,000,000
5	VN30F2306	32,600	32,600	203,928,000	13,000,000
6	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	-4,000,000

1.5. Chứng khoán ký quỹ

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Chứng khoán ký quỹ**. Màn hình **Chứng khoán ký quỹ** là màn hình thông tin chi tiết các chứng khoán ký quỹ của tiểu khoản phái sinh.

Vị thế mở

Vị thế đóng

Chứng khoán ký quỹ

Danh sách CK được ký quỹ

Tổng giá trị quy đổi : 1,266,223,000

STT	Mã	KL giao dịch	KL chờ nộp	KL chờ rút	Giá thị trường	Giá tính ký quỹ	Giá trị thị trường	Tỷ lệ ký quỹ giảm trừ
1	VN30F2306	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	0	13,000,000
2	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	22,200	400	100	100
3	VN30F2306	94,500	94,500	94,500	94,500	200	0	0
4	VN30F2307	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	0	0
5	VN30F2306	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	0	13,000,000
6	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	22,200	400	100	100

1.6. Danh sách CK được ký quỹ

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Danh sách CK được ký quỹ**. Màn hình **Danh sách CK được ký quỹ** là màn hình thông tin chi tiết các mã chứng khoán được phép ký quỹ, tỷ lệ ký quỹ của từng mã chứng khoán.

Vị thế mở	Vị thế đóng	Chứng khoán ký quỹ	Danh sách CK được ký quỹ	
Mã CK	Tỷ lệ giảm trừ (%)	Giá thị trường	Giá tối đa	Giá tính tài sản
ACB	6.2%	203,928,000	1,000	0
BID	1.2%	22,200	400	100
MSN	1.4%	94,500	200	0
VCB	2.6%	32,200	10,000	0
ACB	6.2%	203,928,000	1,000	0
BID	1.2%	22,200	400	100
MSN	1.4%	94,500	200	0
VCB	2.6%	32,200	10,000	0

2. Tổng tài sản

Tại mục **Quản lý tài khoản** phái sinh khách hàng chọn **Tổng tài sản**

Tài sản phái sinh	Tổng tài sản
Cơ sở	Phái sinh
Tài sản ròng	103,117,691,550
Tổng tài sản	106,606,015,573
1. Tiền	83,044,463,323
2. Tổng giá trị chứng khoán	23,561,552,250
3. Nợ	3,488,324,022
Tài sản tại KBSV	1,547,387,496
Tài sản tại CCP	1,279,622,403

Tổng tài sản là màn hình thể hiện tất cả tài sản trên tài khoản của khách hàng (Tổng tài sản của tất cả các tiểu khoản):

- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán cơ sở
- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán phái sinh

Tài sản phải sinh

Tổng tài sản

Bảng giá

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiền ịch

Cơ sở

Tài sản ròng

Tổng tài sản

1. Tiền

1.1 Tiền mặt

1.2 Mua chờ khớp

1.3 Mua chờ thanh toán T0

1.4 Tiền có thể ứng

1.5 Tiền có thể rút

1.6 Cổ tức bằng tiền mặt

1.7 Lãi tiền gửi

2. Tổng giá trị chứng khoán

2.1 Chứng khoán khả dụng

2.2 Chứng khoán mua khớp T0

2.3 Chứng khoán chờ về

2.4 Quyền chờ về

2.5 Quyền mua

3. Nợ

3.1 Dư nợ gốc

103,117,691,550

106,606,015,573

83,044,463,323

83,168,925,175

0

140,400,000

0

83,021,505,175

19,270,000

3,688,148

23,561,552,250

13,688,014,450

144,480,000

79,295,000

248,945,500

0

3,488,324,022

2,769,762,223

Đặt lệnh nhanh - F2

091C001552.DS

Phái sinh

Tài sản tại KBSV

Tài sản tại CCP

1,547,387,496

1,279,622,403

Tài sản

Danh mục

Sổ lệnh

IV. Tiện ích

1. Đăng ký sản phẩm

Tại mục **Tiền ịch** khách hàng chọn **Đăng ký sản phẩm** màn hình đăng ký sản phẩm gồm **Đăng ký sản phẩm** và **Lịch sử** đăng ký sản phẩm

Đăng ký sản phẩm

Lịch sử

Bảng giá

Giao dịch chứng khoán

Giao dịch tiền

Quản lý tài khoản

Tiền ịch

Danh sách sản phẩm

S6

Lãi vay Margin

0%

Trong 6 ngày đầu tiên

Đăng ký ngay

S12

Lãi vay Margin

chỉ 5,8%/năm

Trong 12 ngày đầu tiên

Đăng ký ngay

S9

Lãi vay Margin

chỉ 3,9%/năm

Trong 9 ngày đầu tiên

Đăng ký ngay

Lãi suất ưu đãi

0

01/12/2024 - 28/02/2025

Đặt lệnh nhanh - F2

091C043124.DS

Tài sản

Danh mục

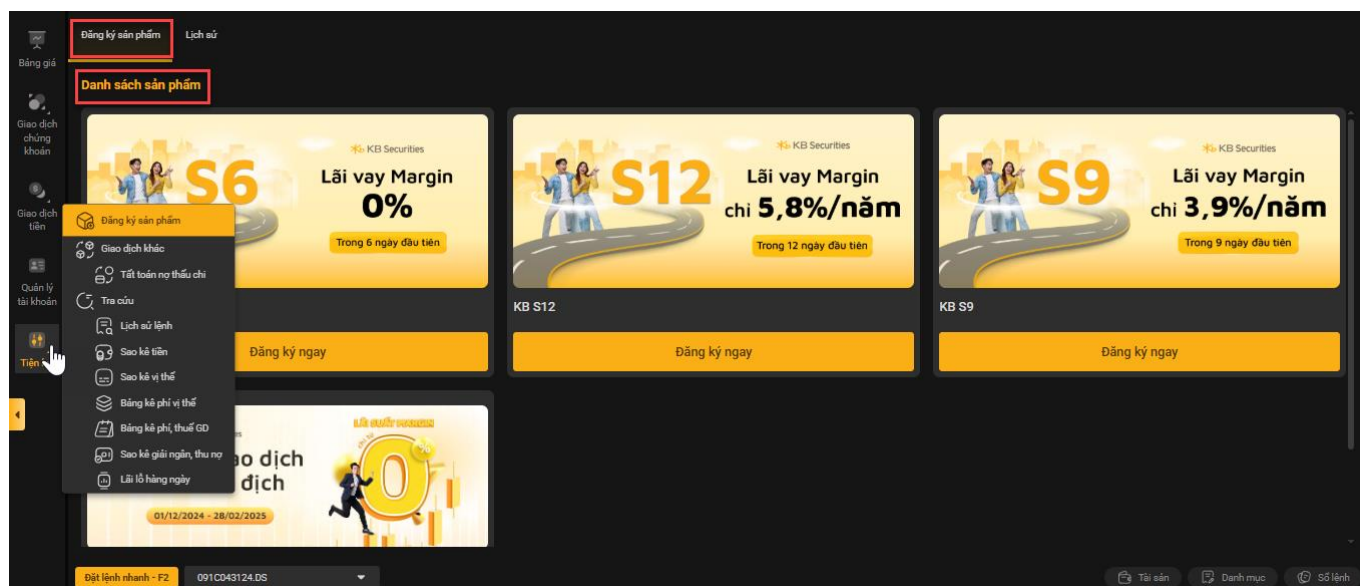
Sổ lệnh

1.1. Đăng ký sản phẩm

Tại màn hình **Danh sách sản phẩm**, Khách Hàng có thể đăng ký online các sản phẩm của KBSV:

[Quay về mục lục](#)

128



Nhấn vào từng sản phẩm chuyển qua màn hình chi tiết thông tin về sản phẩm.

Để đăng ký các sản phẩm khác Khách hàng thực hiện các thao tác:

- Bước 1: Chọn nút **Đăng ký ngay** tại phía dưới từng sản phẩm chuyển sang màn hình xác thực đăng ký sản phẩm
- Bước 2: Tick chọn "Tôi xác nhận đã đọc và đồng ý với các quy định và điều kiện của sản phẩm",
- Bước 3: Nhập thông tin xác thực đăng ký sản phẩm

Đăng ký sản phẩm

Tên sản phẩm

KB S6

☐ Tôi xác nhận đã đọc và đồng ý với các Quy định và Điều kiện về sản phẩm

Nhập mã OTP

Phương thức gửi OTP mặc định

EMAIL

OTP sẽ được gửi cho quý khách trong giây lát, nếu không nhận được vui lòng nhấn nút

[Gửi lại SMS OTP](#)
[Gửi lại Email OTP](#)

Hủy

Xác nhận

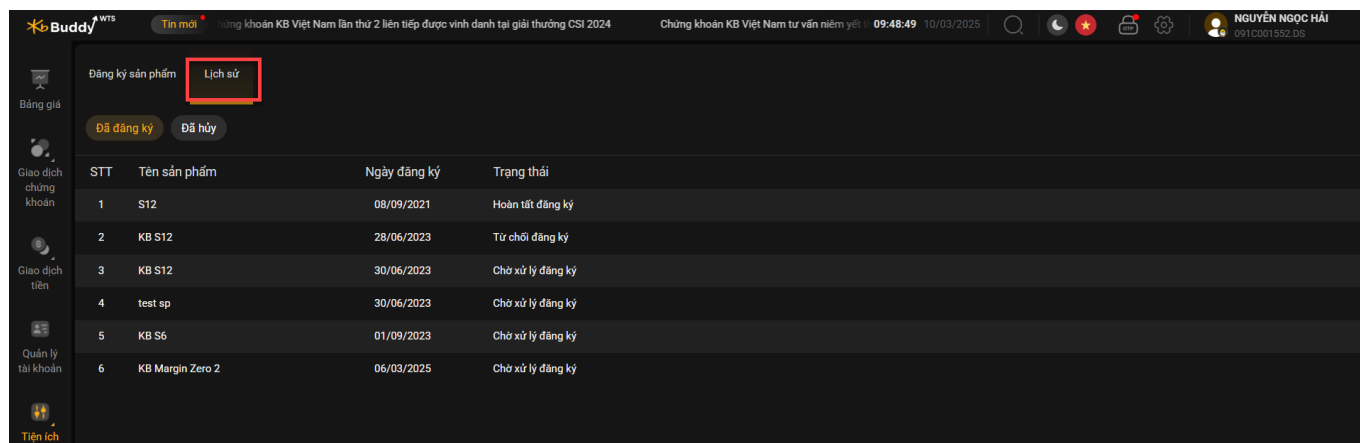
- Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận** để hoàn tất đăng ký sản phẩm, đăng ký sản phẩm thành công hệ thống trả ra thông báo:

✓ Đăng ký thành công. KBSV sẽ gửi email xác nhận tới Quý khách trong vòng 01 ngày làm việc.

1.2. Lịch sử đăng ký sản phẩm

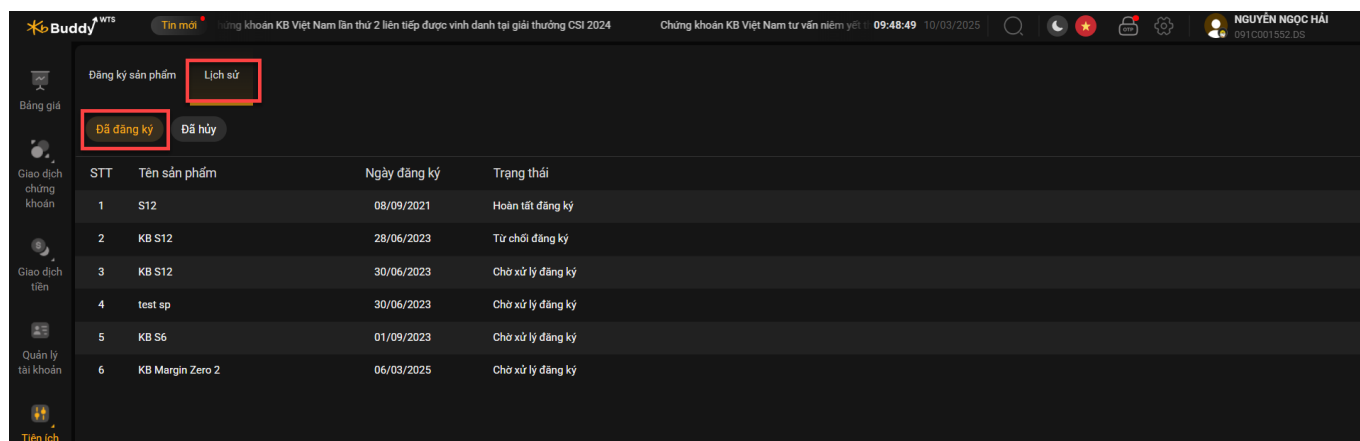
Để xem Lịch sử đăng ký sản phẩm, khách hàng chọn tab **Lịch sử**.

Màn hình lịch sử đăng ký sản phẩm gồm: **Đã đăng ký** và **Đã hủy**



STT	Tên sản phẩm	Ngày đăng ký	Trạng thái
1	S12	08/09/2021	Hoàn tất đăng ký
2	KB S12	28/06/2023	Từ chối đăng ký
3	KB S12	30/06/2023	Chờ xử lý đăng ký
4	test sp	30/06/2023	Chờ xử lý đăng ký
5	KB S6	01/09/2023	Chờ xử lý đăng ký
6	KB Margin Zero 2	06/03/2025	Chờ xử lý đăng ký

- ❖ **Đã đăng ký** là danh sách sản phẩm khách hàng đã đăng ký và còn hiệu lực. Tại màn hình này khách hàng có thể **Hủy đăng ký** sản phẩm đã đăng ký và còn hiệu lực



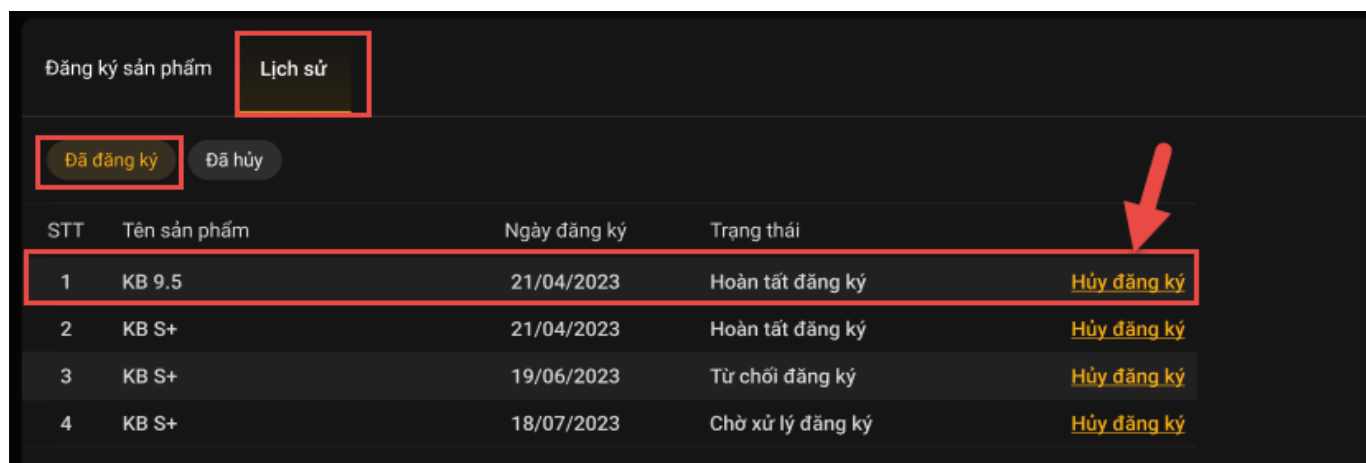
STT	Tên sản phẩm	Ngày đăng ký	Trạng thái
1	S12	08/09/2021	Hoàn tất đăng ký
2	KB S12	28/06/2023	Từ chối đăng ký
3	KB S12	30/06/2023	Chờ xử lý đăng ký
4	test sp	30/06/2023	Chờ xử lý đăng ký
5	KB S6	01/09/2023	Chờ xử lý đăng ký
6	KB Margin Zero 2	06/03/2025	Chờ xử lý đăng ký

❖ Hủy đăng ký sản phẩm

Hủy đăng ký sản phẩm khách hàng thực hiện theo các bước:

- Bước 1: Tại màn hình **Lịch sử/ Đã đăng ký**, khách hàng chọn sản phẩm muốn Hủy đăng ký sản phẩm
- Bước 2: Nhấn vào nút **Hủy đăng ký** của sản phẩm:

[Quay về mục lục](#)



- Bước 3: Thực hiện xác thực hủy sản phẩm:
- Bước 4: Hủy đăng ký sản phẩm thành công màn hình hiện thông báo:

Hủy đăng ký sản phẩm

Tên sản phẩm

KB 9.5

Nhập mã SMS OTP/Email OTP

Lưu SMS OTP/Email OTP

Gửi SMS OTP - Gửi Email OTP

Hủy

Xác nhận

✓ Quý khách đã hủy đăng ký sản phẩm thành công

❖ **Đã hủy** là màn hình thông tin, trạng thái sản phẩm khách hàng đã hủy đăng ký

Đăng ký sản phẩm

Lịch sử

Đã đăng ký

Đã hủy

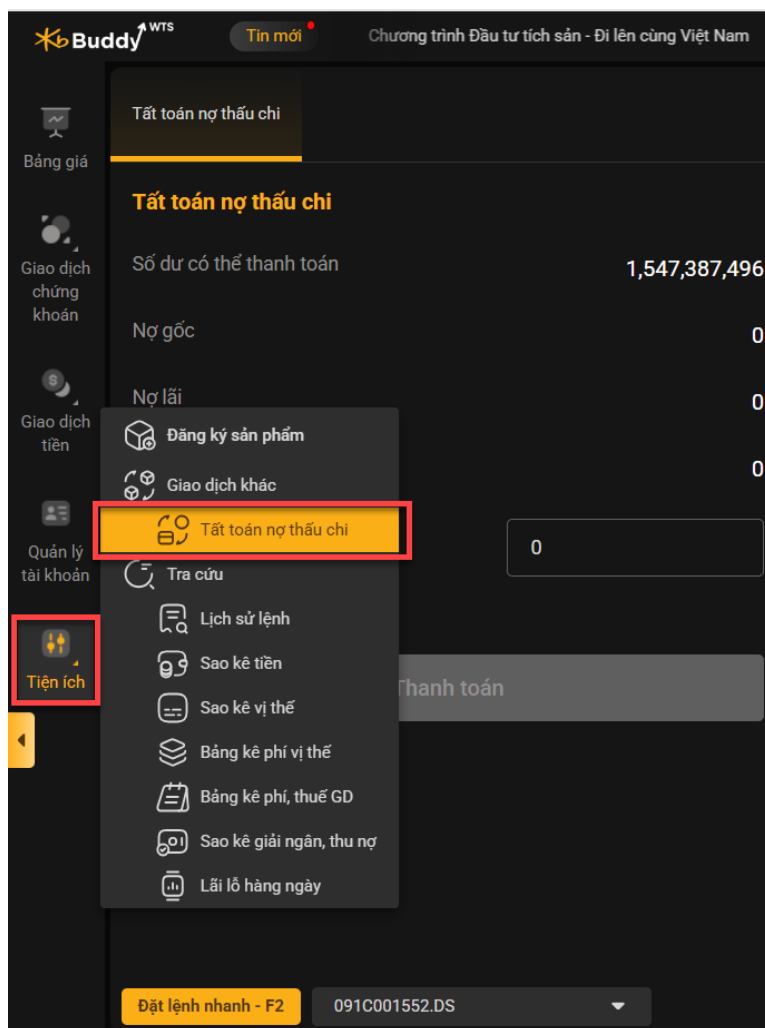
STT	Tên sản phẩm	Ngày đăng ký	Trạng thái
1	KB 9.5	21/04/2023	Đã hủy
2	KB S+	21/04/2023	Chờ xử lý hủy
3	KB S+	19/06/2023	Chờ xử lý hủy
4	KB S+	18/07/2023	Đã hủy

- Trạng thái **Đã hủy**: sản phẩm khách hàng đã hủy thành công
- Trạng thái **Chờ xử lý hủy**: Sản phẩm đang chờ xác nhận hủy từ hệ thống

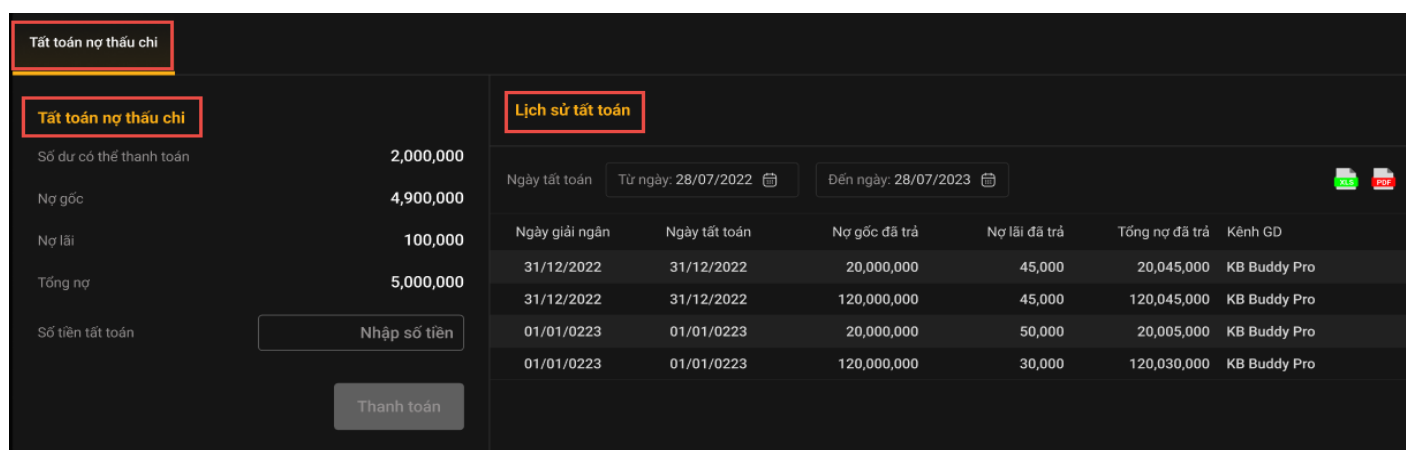
2. Tất toán nợ thấu chi

Tại màn hình **Tiện ích** chọn mục **Giao dịch khác/ Tất toán nợ thấu chi**

[Quay về mục lục](#)



Màn hình **Tất toán nợ thấu chi** gồm: **Tất toán nợ thấu chi** và **Lịch sử tất toán nợ thấu chi**



2.1. Tất toán nợ thấu chi

Các bước **Tất toán nợ thấu chi**:

- Bước 1: Tại màn hình **Tất toán nợ thấu chi** nhập số tiền muốn trả nợ thấu chi
- Bước 2: Nhấn nút **Thanh Toán** chuyển sang màn hình **Xác nhận tất toán nợ thấu chi**

[Quay về mục lục](#)

Tắt toán nợ thấu chi

Tắt toán nợ thấu chi

Số dư có thể thanh toán	2,000,000
Nợ gốc	4,900,000
Nợ lãi	100,000
Tổng nợ	5,000,000
Số tiền tắt toán	Nhập số tiền

Thanh toán

Tắt toán nợ thấu chi

Tắt toán nợ thấu chi

Số dư có thể thanh toán	2,000,000
Nợ gốc	4,900,000
Nợ lãi	100,000
Tổng nợ	5,000,000
Số tiền tắt toán	1,000,000

Thanh toán

- Bước 3: Nhập xác thực và nhấn nút **Tiếp tục**
- Bước 4: Tắt toán nợ thấu chi thành công trả ra thông báo:

Xác nhận tắt toán nợ thấu chi

Số dư có thể thanh toán	2,000,000
Nợ gốc	4,900,000
Nợ lãi	100,000
Tổng nợ	5,000,000
Số tiền tắt toán	1,000,000

Nhập mã KB OTP

Lưu KB OTP

Hủy

Tiếp tục

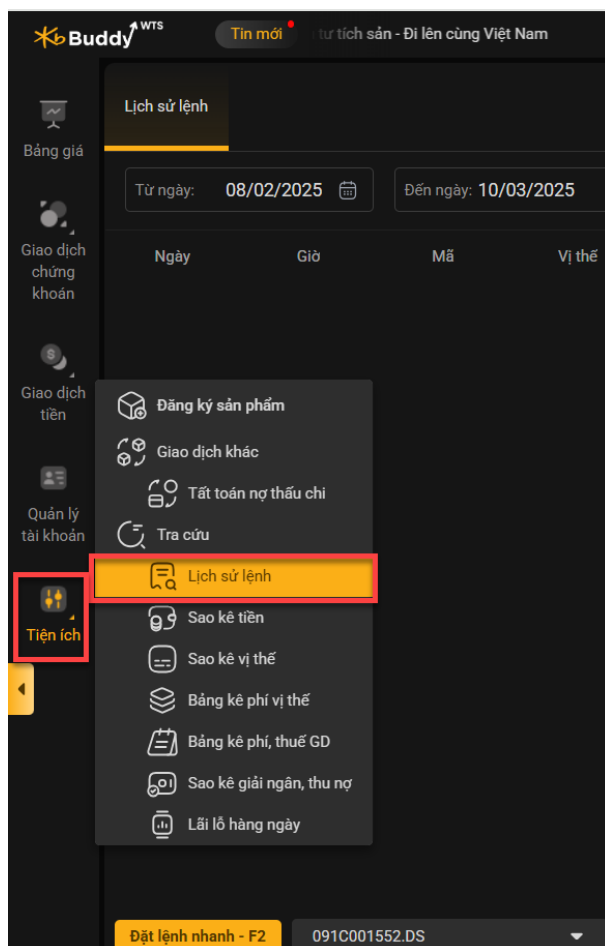
✓

Quý khách đã tắt toán thành công

3. Tra cứu

Tại màn hình **Tiện ích** của tiểu khoản phái sinh chọn mục **Tra cứu**

[Quay về mục lục](#)



Mục **Tra cứu** gồm các mục nhỏ: **Lịch sử lệnh**; **Sao kê tiền**; **Sao kê vị thế**; **Bảng kê phí, thuế GD**; **Bảng kê phí vị thế**; **Sao kê giải ngân thu nợ**; **Lãi lỗ hàng ngày**

3.1. Lịch sử lệnh

Tại màn hình **Tiện ích**, mục **Tra cứu** chọn **Lịch sử lệnh**, màn hình **Lịch sử lệnh**:

Lịch sử lệnh														
Từ ngày: 28/07/2022		Đến ngày: 28/07/2023		Vị thế: Tất cả	Trạng thái: Tất cả		Chọn mã hợp đồng: Tất cả							
Ngày	Giờ	Mã	Vị thế	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Thuế	Phí	Thường/ĐK	Loại lệnh	Trạng thái	Kênh GD	
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	1,000	1,087.5	1,000	-	200,000	8,400	Thường	LO	Đã gửi	KB Buddy Pro	
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	500	22,200	400	1,087.5	100	8,400	ĐK	LO	Đã khớp	KQ-Quote	
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	200	94,500	200	1,087.5	0	8,400	Thường	LO	Đã khớp	KQ-Quote	
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	10,000	32,200	10,000	1,087.5	0	8,400	Thường	LO	Đã khớp	KQ-Quote	

Màn hình **Lịch sử lệnh** hiển thị dữ liệu lịch sử thông tin lệnh đặt. Khách hàng có thể tra cứu thông tin lệnh đặt theo nhiều tiêu chí lọc: Thời gian; Vị thế; Trạng thái; mã hợp đồng.

[Quay về mục lục](#)

Lịch sử lệnh

Từ ngày: 28/07/2022

Đến ngày: 28/07/2023

Vị thế: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Chọn mã hợp đồng: Tất cả

Ngày	Giờ	Mã	Vị thế	KL đặt	Tất cả	Phí	Thuồng/ĐK	Loại lệnh	Trạng thái	Kênh GD
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	1,000	LONG	8,400	Thuồng	LO	Đã gửi	KB Buddy Pro
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	500	SHORT	8,400	ĐK	LO	Đã khớp	KQ-Quote
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	200	94,500	8,400	Thuồng	LO	Đã khớp	KQ-Quote
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	10,000	32,200	8,400	Thuồng	LO	Đã khớp	KQ-Quote

☐ Tất cả
☒ Đang gửi
☐ Đã gửi
☒ Đã hủy
☐ Chờ gửi
☒ Khớp hết
☐ Khớp 1 phần
☐ Sửa thành công
☒ Lệnh hết hiệu lực
☐ Sờ từ chối
☐ Đang hủy
☐ Lệnh sửa gửi thành công

Sau khi chọn tiêu chí lọc màn hình thông tin **Lịch sử lệnh** hiển thị thông tin lệnh đã lọc theo tiêu chí:

Lịch sử lệnh

Từ ngày: 28/07/2022

Đến ngày: 28/07/2023

Vị thế: Tất cả

Trạng thái: Tất cả

Chọn mã hợp đồng: Tất cả

Ngày	Giờ	Mã	Vị thế	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Thuế	Phí	Thuồng/ĐK	Loại lệnh	Trạng thái	Kênh GD
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	1,000	1,087.5	1,000	-	200,000	8,400	Thuồng	LO	Đã gửi	KB Buddy Pro
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	500	22,200	400	1,087.5	100	8,400	ĐK	LO	Đã khớp	KQ-Quote
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	200	94,500	200	1,087.5	0	8,400	Thuồng	LO	Đã khớp	KQ-Quote
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	10,000	32,200	10,000	1,087.5	0	8,400	Thuồng	LO	Đã khớp	KQ-Quote

3.2. Sao kê tiền

Tại **Tiện ích**, mục **Tra cứu** chọn **Sao kê tiền**, màn hình **Sao kê tiền** gồm 02 tab: **Sao kê tiền TKGD** và **Sao kê tiền TKKQ(CCP)**

Sao kê tiền TKGD

Sao kê tiền TKGD (CCP)

Từ ngày: 23/07/2022

Đến ngày: 28/08/2023

Số dư đầu kỳ: 1,266,223,000

Phát sinh tăng: 1,266,223,000

Phát sinh giảm: 1,266,223,000

Số dư cuối kỳ: 120,266,223,000

Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	-1,000,000	7,450,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
31/12/2022	-2,000,000	7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

❖ Sao kê tiền TKGD

- Tại màn hình **Tiện ích**, mục **Tra cứu/Sao kê tiền** chọn tab **Sao kê tiền TKGD** màn hình **Sao kê tiền TKGD**

[Quay về mục lục](#)

Sao kê tiền TKGD		Sao kê tiền TKGD (CCP)	
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023	
Số dư đầu kỳ: 1,266,223,000	Phát sinh tăng: 1,266,223,000	Phát sinh giảm: 1,266,223,000	Số dư cuối kỳ: 120,266,223,000
Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	-1,000,000	7,450,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
31/12/2022	-2,000,000	7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

- Tại màn hình **Sao kê tiền TKGD** chọn thời gian sao kê.
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Sao kê tiền TKGD** hiển thị thông tin sao kê tiền trên tài khoản giao dịch phát sinh trong khoảng thời gian tìm kiếm

Sao kê tiền TKGD		Sao kê tiền TKGD (CCP)	
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023	
Số dư đầu kỳ: 1,266,223,000	Phát sinh tăng: 1,266,223,000	Phát sinh giảm: 1,266,223,000	Số dư cuối kỳ: 120,266,223,000
Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	-1,000,000	7,450,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
31/12/2022	-2,000,000	7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

❖ Sao kê tiền TKKQ (CCP)

- Tại màn hình **Tiện ích**, mục **Tra cứu/Sao kê tiền** chọn tab **Sao kê tiền TKKQ(CCP)** màn hình **Sao kê tiền TKKQ(CCP)**

Sao kê tiền TKGD		Sao kê tiền TKGD (CCP)	
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023	
Số dư đầu kỳ: 1,266,223,000	Phát sinh tăng: 1,266,223,000	Phát sinh giảm: 1,266,223,000	Số dư cuối kỳ: 120,266,223,000
Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	-1,000,000	7,450,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
31/12/2022	-2,000,000	7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

- Tại màn hình **Sao kê tiền TKKQ** chọn thời gian sao kê.
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Sao kê tiền TKKQ** hiển thị thông tin sao kê tiền trên tài khoản ký quỹ phát sinh trong khoảng thời gian tìm kiếm

[Quay về mục lục](#)

Sao kê tiền TKGD

Sao kê tiền TKGD (CCP)

Từ ngày: 23/07/2022

Đến ngày: 28/08/2023

Số dư đầu kỳ:
1,266,223,000

Phát sinh tăng:
1,266,223,000

Phát sinh giảm:
1,266,223,000

Số dư cuối kỳ:
120,266,223,000

Ngày	Phát sinh	Số dư	Chi tiết
31/12/2022	-1,000,000	7,450,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
31/12/2022	-2,000,000	7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	+2,500,000	5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

3.3. Sao kê vị thế

- Tại màn hình **Tiện ích**, mục **Tra cứu** chọn **Sao kê vị thế**, màn hình **Sao kê vị thế**

Sao kê vị thế

Chọn mã hợp đồng: Tất cả

Từ ngày: 23/07/2022

Đến ngày: 28/08/2023

XLS

PDF

Ngày	Mã	Phát sinh Long	Phát sinh Short	Chi tiết
31/12/2022	VN30F2306	+7,450,000,000	+7,450,000,000	LONG 1000 hợp đồng VN30F2306
31/12/2022	VN30F2306	-7,000,000,000	-7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/2023	VN30F2306	+5,000,000	+5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/2023	VN30F2306	+5,000,000	+5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

- Tại màn hình **Sao kê vị thế** chọn thời gian, mã hợp đồng
- Sau khi chọn thời gian, mã hợp đồng màn hình **Sao kê vị thế** hiển thị thông tin sao kê vị thế trên tài khoản giao dịch phải sinh theo tiêu chí tìm kiếm

Sao kê vị thế

Chọn mã hợp đồng: Tất cả

Từ ngày: 23/07/2022

Đến ngày: 28/08/2023

XLS

PDF

Ngày	Mã	Phát sinh Long	Phát sinh Short	Chi tiết
31/12/2022	VN30F2306	+7,450,000,000	+7,450,000,000	LONG 1000 hợp đồng VN30F2306
31/12/2022	VN30F2306	-7,000,000,000	-7,000,000,000	Chuyển tiền ra ngân hàng BIDV
01/01/0223	VN30F2306	+5,000,000	+5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456
01/01/0223	VN30F2306	+5,000,000	+5,000,000	Nộp tiền vào tài khoản 091C123456

3.4. Bảng kê phí vị thế

- Tại màn hình **Tiện ích**, mục **Tra cứu** chọn **Bảng kê phí vị thế**, màn hình **Bảng kê phí vị thế**

Bảng kê phí vị thế				
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023		
Ngày	Khối lượng	Mức phí trên tháng	Phí	Phí cộng dồn
12/06/2023	20	100,000	80,000	230,000
08/06/2023	20	100,000	50,000	150,000
06/06/2023	20	100,000	100,000	100,000

- Tại màn hình **Bảng kê phí vị thế** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Bảng kê phí vị thế** hiển thị thông tin bảng kê phí vị thế trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

Bảng kê phí vị thế				
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023		
Ngày	Khối lượng	Mức phí trên tháng	Phí	Phí cộng dồn
12/06/2023	20	100,000	80,000	230,000
08/06/2023	20	100,000	50,000	150,000
06/06/2023	20	100,000	100,000	100,000

3.5. Bảng kê phí, Thuế GD

- Tại màn hình **Tiện ích**, mục **Tra cứu** chọn **Bảng kê phí, thuế GD**, màn hình **Bảng kê phí, thuế GD**

Bảng kê phí, thuế GD									
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023							
Ngày	Mã	Vị thế	KL khớp	Giá khớp	Giá trị khớp	Phí GD	Thuế	Phí cộng dồn	Thuế cộng dồn
12/06/2023	VN30F2306	LONG	10		1,087,700	50,000	2,000	55,000	5,000
08/06/2023	VN30F2306	SHORT	20	1,087.8	2,175,400	50,000	2,000	55,000	5,000

- Tại màn hình **Bảng kê phí, thuế GD** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Bảng kê phí, thuế GD** hiển thị thông tin bảng kê phí, thuế GD trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

[Quay về mục lục](#)

Bảng kê phí, thuế GD									
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023							
Ngày	Mã	Vị thế	KL khớp	Giá khớp	Giá trị khớp	Phí GD	Thuế	Phí cộng dồn	Thuế cộng dồn
12/06/2023	VN30F2306	LONG	10		1,087,700	50,000	2,000	55,000	5,000
08/06/2023	VN30F2306	SHORT	20	1,087.8	2,175,400	50,000	2,000	55,000	5,000

3.6. Sao kê giải ngân, thu nợ

- Tại màn hình **Tiện ích**, mục **Tra cứu** chọn **Sao kê giải ngân, thu nợ**, màn hình **Sao kê giải ngân, thu nợ**

Sao kê giải ngân, thu nợ				
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023		
Ngày giải ngân	Ngày thu nợ	Phát sinh	Số dư	Diễn giải
12/06/2023	12/06/2023	125,000,000	1,098.8	Giải ngân mua cổ phiếu
08/06/2023	08/06/2023	125,000,000	1,087.8	Giải ngân mua cổ phiếu

- Tại màn hình **Sao kê giải ngân, thu nợ** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Sao kê giải ngân, thu nợ** hiển thị thông tin sao kê giải ngân, thu nợ trên tài khoản giao dịch phát sinh theo tiêu chí tìm kiếm

Sao kê giải ngân, thu nợ				
Từ ngày: 23/07/2022		Đến ngày: 28/08/2023		
Ngày giải ngân	Ngày thu nợ	Phát sinh	Số dư	Diễn giải
12/06/2023	12/06/2023	125,000,000	1,098.8	Giải ngân mua cổ phiếu
08/06/2023	08/06/2023	125,000,000	1,087.8	Giải ngân mua cổ phiếu

3.7. Lãi lỗ hàng ngày

- Khách hàng có thể tra cứu lãi lỗ hàng ngày bằng cách: tại màn hình **Tra cứu**, chọn tab **Lãi lỗ hàng ngày** chuyển sang màn hình **Lãi lỗ hàng ngày**

Lãi lỗ hàng ngày

Chọn mã hợp đồng: Tất cả

Từ ngày: 23/07/2022

Đến ngày: 28/08/2023

xls

pdf

Tổng lãi lỗ: +24,000,000

Ngày	Mã	Lãi lỗ đã thực hiện					Lãi lỗ chưa thực hiện			
		KL đóng	GT vốn	GT đóng	GT lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	KL Long	Giá Long	KL Short	Giá Short
12/06/2023	VN30F2306	100	5,000,000	6,000,000	+1,000,000	+20%	2	1,098.8	1	1,097.7
08/06/2023	VN30F2306	200	25,000,000	24,000,000	-1,000,000	-4%	1	1,098.8	2	1,098.8

- Tại màn hình **Lãi lỗ hàng ngày** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Lãi lỗ hàng ngày** hiển thị thông tin lãi lỗ hàng ngày trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

Lãi lỗ hàng ngày

Chọn mã hợp đồng: Tất cả

Từ ngày: 23/07/2022

Đến ngày: 28/08/2023

XLS

PDF

Tổng lãi lỗ: +24,000,000

Ngày	Mã	Lãi lỗ đã thực hiện					Lãi lỗ chưa thực hiện			
		KL đóng	GT vốn	GT đóng	GT lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	KL Long	Giá Long	KL Short	Giá Short
12/06/2023	VN30F2306	100	5,000,000	6,000,000	+1,000,000	+20%	2	1,098.8	1	1,097.7
08/06/2023	VN30F2306	200	25,000,000	24,000,000	-1,000,000	-4%	1	1,098.8	2	1,098.8

[Quay về mục lục](#)